

Canon

EOS 1200D



Phần cuối của hướng dẫn này bao gồm “Hướng dẫn tham khảo nhanh”.



Hướng dẫn
sử dụng

Giới thiệu

EOS 1200D là loại máy ảnh kỹ thuật số phần xạ ống kính đơn (gọi tắt là DSLR) có hiệu suất cao, được trang bị cảm biến CMOS chuẩn xác với độ phân giải hình ảnh khoảng 18,0 megapixel, chip xử lý ảnh DIGIC 4, hệ thống lấy nét tự động 9 điểm chính xác với tốc độ cao, chụp liên tục khoảng 3,0 fps, chụp Live View và quay phim độ phân giải cao (Full HD).

Máy ảnh phản ứng nhanh với mọi tình huống chụp và cung cấp nhiều tính năng chụp theo yêu cầu.

Tham khảo hướng dẫn sử dụng này khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Với máy ảnh kỹ thuật số, bạn có thể xem lại ảnh vừa chụp ngay lập tức. Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Điều này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh.

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.308-310) và “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.20, 21).

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh xuống máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Luật bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh ghi hoặc nhạc có bản quyền cũng như ảnh kèm theo nhạc lưu trong thẻ nhớ cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh

(có vành đỡ mắt và nắp thân máy)



Pin LP-E10
(có nắp bảo vệ)



Sạc pin
LC-E10E*



Dây đeo to bản



Cáp nối

* Sạc pin LC-E10E đi kèm với máy ảnh. (LC-E10E có kèm theo dây nguồn.)

- Hướng dẫn sử dụng và đĩa CD-ROM kèm theo được liệt kê ở trang sau.
- Nếu bạn mua bộ ống kính, kiểm tra để đảm bảo có ống kính đi kèm.
- Tùy thuộc vào loại bộ ống kính, hướng dẫn sử dụng ống kính có thể được đi kèm.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.

Hướng dẫn sử dụng và đĩa CD-ROM

Hướng dẫn sử dụng bao gồm sổ tay và phiên bản điện tử định dạng PDF (có trong đĩa CD-ROM). **Sổ tay là Hướng dẫn sử dụng cơ bản.** Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng máy ảnh trong đĩa CD-ROM.



Hướng dẫn
sử dụng cơ bản
về máy ảnh



Đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh

Bao gồm các hướng dẫn định dạng PDF:

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh
- Hướng dẫn tham khảo nhanh



Đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng phần mềm

Bao gồm hướng dẫn sử dụng định dạng PDF của phần mềm trong đĩa CD-ROM phần mềm.

* Cách sử dụng đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh được trình bày ở trang 313.



Đĩa CD-ROM phần mềm (Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk)

Bao gồm các phần mềm. Để tìm hiểu thêm thông tin và quy trình cài đặt phần mềm, tham khảo các trang 318-320.

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ:
Nên định dạng thẻ mới hay thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn (tr.50).

- Thẻ nhớ SD
- Thẻ nhớ SDHC
- Thẻ nhớ SDXC



Máy ảnh có thể sử dụng thẻ UHS-I, tuy nhiên do không tương thích với tiêu chuẩn UHS-I, tốc độ đọc/ghi tối đa chỉ tương đương với thẻ SD Speed Class 10.

Thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, cần sử dụng thẻ SD dung lượng lớn từ thẻ SD Speed Class 6 “CLASS 6” trở lên.

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu xem lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Nếu muốn chụp ảnh trong khi quay phim, bạn cần dùng thẻ nhớ có tốc độ cao hơn.
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.

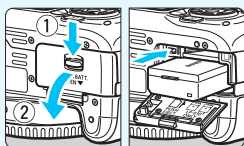


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ” dùng để chỉ thẻ nhớ SD, thẻ nhớ SDHC và thẻ nhớ SDXC.

* **Máy ảnh không kèm theo thẻ ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

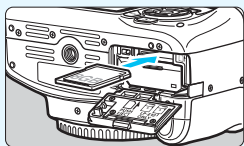
1



Lắp pin (tr.32).

- Để sạc pin, tham khảo trang 30.

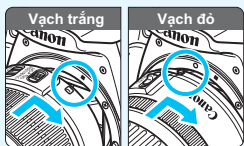
2



Lắp thẻ (tr.32).

- Hướng nhãn trên thẻ quay về mặt sau của máy ảnh, rồi cắm thẻ vào khe.

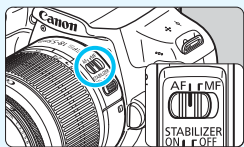
3



Lắp ống kính (tr.40).

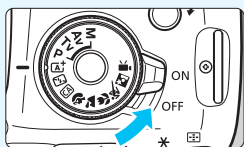
- Điều chỉnh sao cho vạch trắng hoặc vạch đỏ của ống kính trùng với vạch màu tương ứng trên máy ảnh.

4



Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.40).

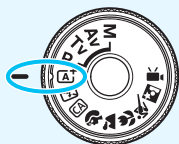
5



Đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.35).

- Khi màn hình LCD hiển thị màn hình cài đặt ngày/giờ/múi giờ, tham khảo trang 37.

6



Đặt nút xoay chế độ thành <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh) (tr.56).

- Tất cả cài đặt cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động thiết lập.

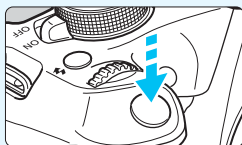
7



Lấy nét chủ thể (tr.45).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.
- Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.

8



Chụp ảnh (tr.45).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9



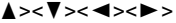
Xem lại ảnh (tr.180).

- Ảnh vừa chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút <▶> (tr.80).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo “Chụp Live View” (tr.133).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo “Xem lại ảnh” (tr.80).
- Để xóa ảnh, tham khảo “Xóa ảnh” (tr.227).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

-  : Biểu thị nút xoay chính.
-  : Biểu thị phím chéo  ở phía trên, phía dưới, bên trái và bên phải.
-  : Biểu thị nút cài đặt.
-  4,  6,  10,  16 : Biểu thị chức năng tương ứng vẫn tiếp tục hoạt động trong 4 giây, 6 giây, 10 giây hoặc 16 giây sau khi nhấn nút chức năng.

* Trong hướng dẫn này, các biểu tượng và nhãn biểu thị các nút, nút xoay, và cài đặt của máy ảnh tương ứng với các biểu tượng và nhãn trên máy ảnh và trên màn hình LCD.

- MENU** : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút <MENU> và thay đổi cài đặt.
- ☆ : Hiện thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang để biểu thị chức năng này chỉ sử dụng được trong chế độ vùng sáng tạo (tr.26).
- (tr.**): : Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.
-  : Cảnh báo để tránh vấn đề trực trực khi chụp ảnh.
-  : Thông tin bổ sung.
-  : Gọi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.
- ?: : Tư vấn xử lý vấn đề trực trực.

Giả định cơ bản

- Tất cả thao tác được giải thích trong hướng dẫn giả định rằng công tắc nguồn đã đặt thành <ON> (tr.35).
- Giả định tất cả cài đặt menu và chức năng tùy chỉnh đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong tài liệu hướng dẫn này lấy ví dụ máy ảnh lắp ống kính EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II.

Chương

Chương 1 và chương 2 giải thích các thao tác và quy trình chụp cơ bản dành cho người lần đầu tiên sử dụng máy ảnh DSLR.

	Giới thiệu	2
1	Hướng dẫn bắt đầu	29
2	Chụp cơ bản và xem lại ảnh	55
3	Chụp sáng tạo	81
4	Chụp nâng cao	103
5	Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)	133
6	Quay phim	153
7	Tính năng tiện dụng	179
8	Xem lại ảnh	203
9	Xử lý hậu kỳ ảnh	233
10	In ảnh	239
11	Tùy chỉnh máy ảnh	255
12	Tham khảo	267
13	Xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD-ROM / Tải ảnh về máy tính	313
14	Hướng dẫn tham khảo nhanh và Chỉ mục	323



Nội dung sơ lược

Chụp

- **Chụp tự động** → **tr.55-79** (Chế độ vùng cơ bản)
- **Chụp liên tục** → **tr.98** (📷 Chụp liên tục)
- **Chụp ảnh nhóm có cả bạn** → **tr.100** (🕒 Chụp hẹn giờ)
- **Làm dừng chuyển động** → **tr.104** (Tv Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)
- **Làm mờ chuyển động**
- **Làm mờ hậu cảnh** → **tr.62** (CA Tự động sáng tạo)
- **Giữ hậu cảnh rõ nét** → **tr.106** (Av Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ)
- **Điều chỉnh độ sáng ảnh (độ phơi sáng)** → **tr.112** (Bù trừ phơi sáng)
- **Chụp trong điều kiện ánh sáng yếu** → **tr.56, 101** (⚡ Chụp ảnh có flash)
tr.88 (Cài đặt tốc độ ISO)
- **Chụp không sử dụng flash** → **tr.61** (📷 Flash tắt)
tr.64, 72 (🔋 Flash tắt)
- **Chụp pháo hoa vào ban đêm** → **tr.110** (Phơi sáng Bulb)
- **Chụp trong khi xem màn hình LCD** → **tr.133** (📺 Chụp Live View)
- **Quay phim** → **tr.153** (🎥 Quay phim)

Chất lượng ảnh

- **Chụp với các hiệu ứng hình ảnh phù hợp với chủ thể** → **tr.91** (Kiểu ảnh)
- **Tạo bản in ảnh kích thước lớn** → **tr.84** (📐 L, 📐 L, RAW)





- **Chụp nhiều ảnh** → **tr.84** (▲ S1, ■ S1, S2, S3)

Lấy nét

- **Thay đổi điểm lấy nét** → **tr.95** (☐ Lựa chọn điểm AF)
- **Chụp chủ thể chuyển động** → **tr.68, 94** (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)

Xem lại

- **Xem ảnh trên máy ảnh** → **tr.80** (▶ Xem lại)
- **Tìm kiếm ảnh nhanh** → **tr.204** (☒ Hiển thị bảng kê)
→ **tr.205** (🔍 Duyệt ảnh)
- **Xếp hạng ảnh** → **tr.208** (Xếp hạng)
- **Ngăn các ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa** → **tr.225** (🛡️ Bảo vệ ảnh)
- **Xóa ảnh không cần thiết** → **tr.227** (🗑️ Xóa)
- **Tự động xem ảnh và phim** → **tr.218** (Trình chiếu)
- **Xem ảnh hoặc phim trên TV** → **tr.222** (TV độ phân giải cao)
- **Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD** → **tr.181** (Độ sáng màn hình LCD)
- **Áp dụng hiệu ứng đặc biệt cho ảnh** → **tr.234** (Bộ lọc sáng tạo)

In

- **In ảnh dễ dàng** → **tr.239** (In trực tiếp)



Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Pin
 - Sạc pin → tr.30
 - Lắp/Tháo → tr.32
 - Kiểm tra pin → tr.36
- Ổ điện gia đình → tr.268
- Tự động tắt nguồn → tr.35

Thế

- Lắp/Tháo → tr.32
- Định dạng thế → tr.50
- Nhà màn trập khi không lắp thế → tr.180

Ống kính

- Lắp/Tháo → tr.40
- Zoom → tr.41
- Hệ thống ổn định hình ảnh → tr.43

Cài đặt cơ bản

- Điều chỉnh khúc xạ → tr.44
- Ngôn ngữ → tr.39
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.37
- Tiếng bíp → tr.180
- Nút bật/tắt màn hình LCD → tr.194
- Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD → tr.181

Ghi ảnh

- Tạo/chọn → tr.182
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.184

Chất lượng ảnh

- Chất lượng ghi ảnh → tr.84
- Kiểu ảnh → tr.91
- Cân bằng trắng → tr.127
- Không gian màu → tr.131
- Các tính năng nâng cao
 - Tự động tối ưu hoá ánh sáng → tr.119
 - Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi của ống kính → tr.120
 - Giảm nhiễu do phơi sáng lâu → tr.260
 - Giảm nhiễu do tốc độ ISO cao → tr.261
 - Ưu tiên tông màu sáng → tr.261

Lấy nét tự động

- Thao tác AF → tr.93
- Chọn điểm AF → tr.95
- Lấy nét bằng tay → tr.97

Kiểu chụp

- Kiểu chụp → tr.24
- Chụp liên tục → tr.98
- Chụp hẹn giờ → tr.100
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.86

Chụp

- Chế độ chụp → tr.26
- Tốc độ ISO → tr.88
- Hướng dẫn tính năng → tr.53
- Phơi sáng Bulb → tr.110
- Chế độ đo sáng → tr.111
- Điều khiển nhanh → tr.46

Chỉnh phơi sáng

- Bù trừ phơi sáng → tr.112
- AEB → tr.114
- Khóa đo sáng → tr.116

Flash

- Đèn flash tích hợp → tr.101
 - Bù trừ phơi sáng flash → tr.113
 - Khóa căng nét → tr.117
- Đèn flash ngoài → tr.270
- Điều khiển flash → tr.195

Chụp Live View

- Chụp Live View → tr.133
- Phương pháp lấy nét tự động (AF) → tr.142
- Tỷ lệ cỡ ảnh → tr.140
- Hiển thị khung lưới → tr.139
- Điều khiển nhanh → tr.138

Quay phim

- Quay phim → tr.153
- Ghi âm → tr.174
- Hiển thị khung lưới → tr.175
- Phơi sáng bằng tay → tr.156
- Chụp ảnh → tr.161
- Điều khiển nhanh → tr.163
- Video quay nhanh → tr.166

Xem lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.180
- Hiển thị từng ảnh → tr.80
- Hiển thị thông tin chụp → tr.229
- Hiển thị bảng kê → tr.204
- Duyệt ảnh (Hiển thị nháy ảnh) → tr.205

- Xem phóng to → tr.206
- Xoay ảnh → tr.207
- Xếp hạng → tr.208
- Xem lại phim → tr.214
- Chỉnh sửa cảnh đầu tiên/ cuối cùng của phim → tr.216
- Trình chiếu → tr.218
- Xem ảnh trên TV → tr.222
- Bảo vệ ảnh → tr.225
- Xóa → tr.227
- Điều khiển nhanh → tr.210

Chỉnh sửa ảnh

- Bộ lọc sáng tạo → tr.234
- Thay đổi cỡ ảnh → tr.237

In

- PictBridge → tr.242
- Lệnh in (DPOF) → tr.249
- Lập sách ảnh → tr.253

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.256
- Danh mục riêng → tr.265

Phần mềm

- Tải ảnh xuống máy tính → tr.316
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm → tr.321

Nội dung

Giới thiệu 2

Danh sách vật dụng	3
Hướng dẫn sử dụng và đĩa CD-ROM	4
Thẻ nhớ tương thích.....	5
Hướng dẫn bắt đầu nhanh	6
Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn.....	8
Chương	9
Nội dung sơ lược.....	10
Danh mục các tính năng.....	12
Những điều cần chú ý khi thao tác	20
Tên bộ phận	22

1 Hướng dẫn bắt đầu 29

Sạc pin	30
Lắp và tháo pin và thẻ nhớ.....	32
Bật nguồn	35
Thiết lập ngày, giờ và múi giờ	37
Chọn ngôn ngữ giao diện	39
Lắp và tháo ống kính.....	40
Hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính	43
Thao tác cơ bản	44
 Điều khiển nhanh chức năng chụp	46
 Thao tác với menu	48
Định dạng thẻ	50
Chuyển hiển thị màn hình LCD	52
Hướng dẫn tính năng	53

2 Chụp cơ bản và xem lại ảnh 55

 Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)	56
 Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)	59
 Tắt flash	61
 Chụp tự động sáng tạo	62
 Chụp chân dung	65
 Chụp phong cảnh	66
 Chụp cận cảnh	67
 Chụp chủ thể chuyển động	68
 Chụp chân dung ban đêm	69
 Điều khiển nhanh	71
Chụp theo lựa chọn môi trường	73
Chụp theo kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh	77
 Xem lại ảnh	80

3 Chụp sáng tạo 81

P : Phơi sáng tự động	82
Thiết lập chất lượng ghi ảnh	84
ISO: Thay đổi tốc độ ISO	88
 Đặc tính ảnh tối ưu cho chủ thể (Kiểu ảnh)	91
AF: Thay đổi thao tác lấy nét tự động (Thao tác AF)	93
 Chọn điểm AF	95
Chủ thể khó lấy nét	97
MF: Lấy nét bằng tay	97
 Chụp liên tục	98
 Sử dụng chụp hẹn giờ	100
 Sử dụng đèn flash tích hợp	101

4 Chụp nâng cao 103

Tv : Truyền tải chuyển động của chủ thể.....	104
Av : Thay đổi độ sâu trường ảnh	106
Xem trước độ sâu trường ảnh	108
M : Phơi sáng bằng tay	109
 Thay đổi chế độ đo sáng	111
Thiết lập bù trừ phơi sáng	112
Tự động phơi sáng hỗn hợp.....	114
✱ Khóa đo sáng	116
✱ Khóa phơi sáng flash	117
Tự động chỉnh độ sáng và độ tương phản (Tự động tối ưu hóa ánh sáng) ...	119
Chỉnh sửa góc tối của ảnh	120
 Tùy chỉnh đặc tính ảnh (Kiểu ảnh)	122
 Đăng ký đặc tính ảnh ưu tiên (Kiểu ảnh).....	125
WB : Phù hợp với nguồn sáng (Cân bằng trắng)	127
 Điều chỉnh tông màu theo nguồn sáng.....	129
Thiết lập phạm vi tái tạo màu (Không gian màu).....	131

5 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 133

 Chụp với màn hình LCD	134
Cài đặt chức năng chụp	138
Cài đặt chức năng menu	139
Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF).....	142
MF : Lấy nét bằng tay.....	150

6 Quay phim 153

 Quay phim	154
Quay phim phơi sáng tự động	154
Quay phim phơi sáng bằng tay.....	156
Chụp ảnh	161

Cài đặt chức năng chụp.....	163
Thiết lập kích thước ghi phim	164
Quay video nhanh.....	166
Cài đặt chức năng menu.....	172

7 Các tính năng tiện dụng 179

Các tính năng tiện dụng.....	180
Tắt tiếng bíp	180
Trình nhắc thẻ	180
Đặt thời gian xem lại ảnh	180
Đặt thời gian tự động tắt nguồn	181
Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD	181
Tạo và chọn thư mục	182
Phương pháp đánh số thứ tự tập tin.....	184
Cài đặt thông tin bản quyền	186
Tự động xoay ảnh dọc	188
Kiểm tra cài đặt máy ảnh	189
Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh	190
Bật/tắt màn hình LCD.....	194
Thay đổi màu của màn hình cài đặt chụp	194
Cài đặt flash	195
Thêm dữ liệu xóa bụi	199
Làm sạch cảm biến bằng tay.....	201

8 Xem lại ảnh 203

  Tìm kiếm ảnh nhanh chóng	204
 Xem phóng to	206
 Xoay ảnh.....	207
Thiết lập xếp hạng	208
 Điều khiển nhanh trong khi xem lại	210
 Thuởng thức phim	212

 Xem phim	214
 Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim	216
Trình chiếu (Tự động xem lại)	218
Xem lại trên TV độ phân giải cao	222
 Bảo vệ ảnh	225
 Xóa ảnh	227
DISP. Hiển thị thông tin chụp	229

9 Xử lý hậu kỳ ảnh 233

 Áp dụng bộ lọc sáng tạo	234
 Thay đổi cỡ ảnh JPEG	237

10 In ảnh 239

Chuẩn bị in	240
 In	242
Cắt ảnh	247
 Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)	249
 In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in	252
 Chỉ định ảnh cho sách ảnh	253

11 Tùy chỉnh máy ảnh 255

Thiết lập chức năng tùy chỉnh	256
Cài đặt chức năng tùy chỉnh	258
C.Fn I: Exposure (Độ phơi sáng)	258
C.Fn II: Image (Ảnh)	260
C.Fn III: Autofocus/Drive (Lấy nét tự động/Kiểu chụp)	262
C.Fn IV: Operation/Others (Thao tác/Khác)	263
Đăng ký vào danh mục riêng	265

12 Tham khảo 267

Sử dụng ổ điện gia đình.....	268
📶 Sử dụng công tắc điều khiển từ xa	269
Đèn Speedlite ngoài.....	270
📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi	272
Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp	274
Sơ đồ hệ thống	276
Cài đặt menu.....	278
Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực.....	284
Mã lỗi	296
Thông số kỹ thuật	297
Cảnh báo an toàn	308

13 Xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD-ROM / Tải ảnh về máy tính 313

Xem đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh	314
Tải ảnh xuống máy tính	316
Giới thiệu về phần mềm.....	318
Cài đặt phần mềm.....	320
Hướng dẫn sử dụng phần mềm	321

14 Hướng dẫn tham khảo nhanh và Chỉ mục 323

Hướng dẫn tham khảo nhanh	324
Chỉ mục.....	336

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước. Nếu vô tình làm rơi máy ảnh xuống nước, cần nhanh chóng liên lạc với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon. Lau sạch nước bằng khăn sạch và khô. Nếu máy ảnh tiếp xúc với không khí nhiễm mặn, cần lau sạch máy ảnh bằng vải ẩm vắt kỹ.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt độ cao có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.
- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở đèn flash tích hợp và hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Sử dụng bóng thổi để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương lật và màn hình lấy nét. Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh. Điều này bảo vệ điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ấm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.
- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh. Điều này giúp tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.

- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ: chuyến đi du lịch nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ đại lý Canon hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu sử dụng tính năng chụp liên tục, chụp Live View hoặc quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trực trực.

Màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng trong 0,01% (hoặc ít hơn) số điểm ảnh còn lại có thể có một vài điểm ảnh chết, chỉ hiển thị màu đen hoặc màu đỏ, v.v... Điểm ảnh chết không phải vấn đề trực trực và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

- Không làm rơi, bể cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp.
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

Ống kính

Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và lắp nắp ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.

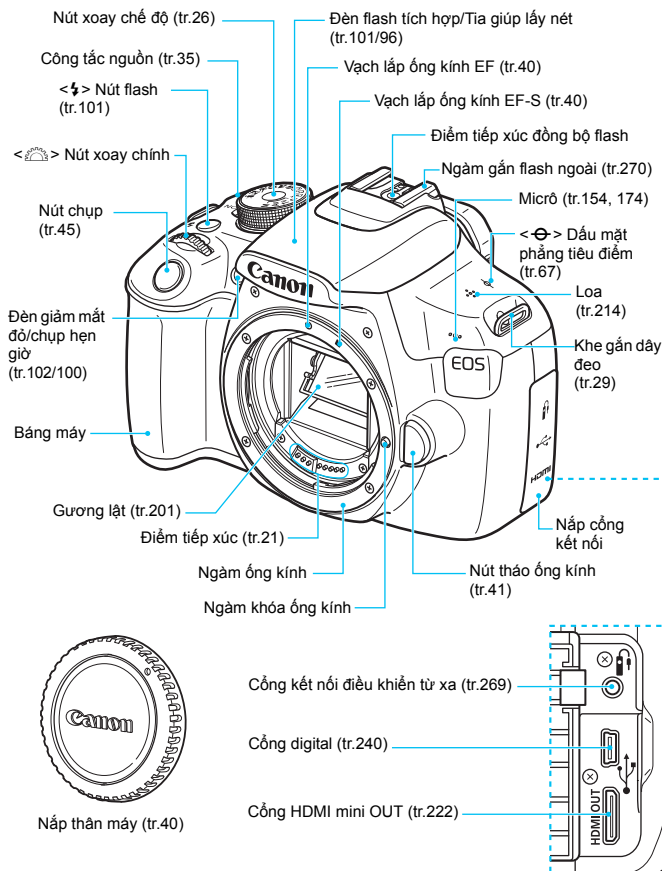
Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

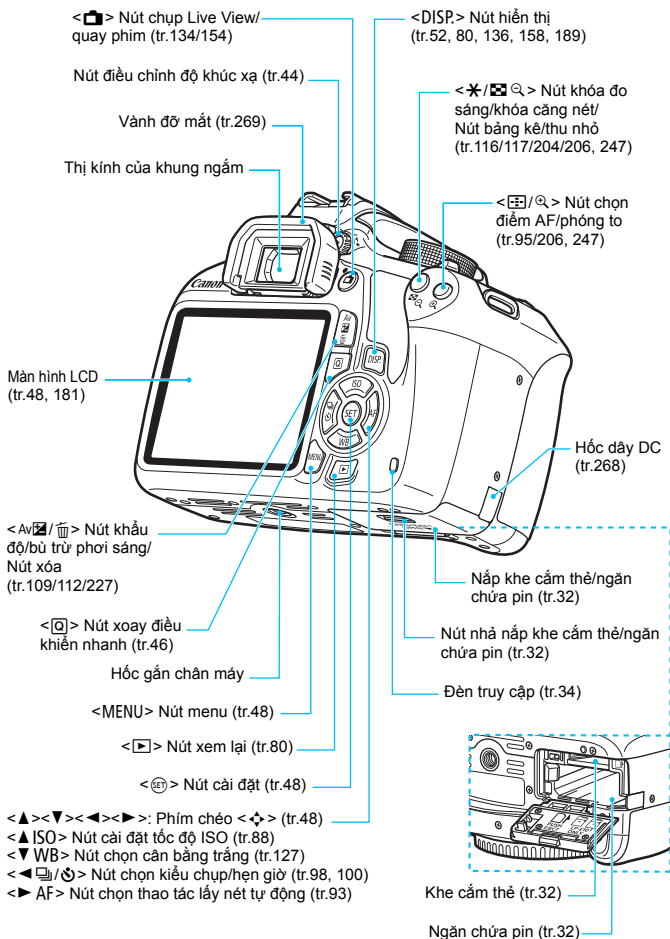
Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn trên ảnh, bạn nên mang máy đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

Điểm tiếp xúc



Tên bộ phận





Cài đặt chụp (Ở chế độ vùng sáng tạo, tr.26)

Vạch chỉ nút xoay chính (tr.103)

Chế độ chụp

Thang đo sáng
 Lượng bù trừ phơi sáng (tr.112)
 Phạm vi AEB (tr.114)

Kiểu ảnh (tr.91)

Thao tác lấy nét tự động (tr.93)
ONE SHOT:
 Lấy nét một lần
AI FOCUS:
 Tự động lấy nét AI
AI SERVO:
 Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục
MF:
 Lấy nét bằng tay
 Biểu tượng điều khiển nhanh (tr.46, 71)

Mức pin (tr.36)

Cân bằng trắng (tr.127)
AWB Tự động
 Ban ngày
 Bóng râm
 Nhiều mây
 Đèn dây tóc
 Đèn huỳnh quang trắng
 Flash
 Tùy chỉnh

Kiểu chụp/Hẹn giờ (tr.98, 100)
 Chụp từng ảnh
 Chụp liên tục
 Chụp hẹn giờ: 10 giây
 Chụp hẹn giờ: 2 giây
 Chụp hẹn giờ: Liên tục

Tốc độ màn trập

Khẩu độ

Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.119)

Tốc độ ISO (tr.88)

Ưu tiên tông màu sáng (tr.261)

Bù trừ phơi sáng flash (tr.113)

Bù trừ phơi sáng flash ngoài

Năng đèn flash tích hợp (tr.47)

Chất lượng ghi ảnh (tr.84)
 Lớn/Đẹp
 Lớn/Bình thường
 Trung bình/Đẹp
 Trung bình/Bình thường
 Nhỏ 1/Đẹp
 Nhỏ 2/Bình thường
 Nhỏ 3 (Đẹp)
 RAW+L
 RAW+Lớn/Đẹp
 RAW RAW

Số ảnh có thể chụp

Số ảnh có thể chụp trong cân bằng trắng hỗn hợp

Đếm ngược chụp hẹn giờ

Chỉnh cân bằng trắng (tr.129)
 Cân bằng trắng hỗn hợp (tr.130)

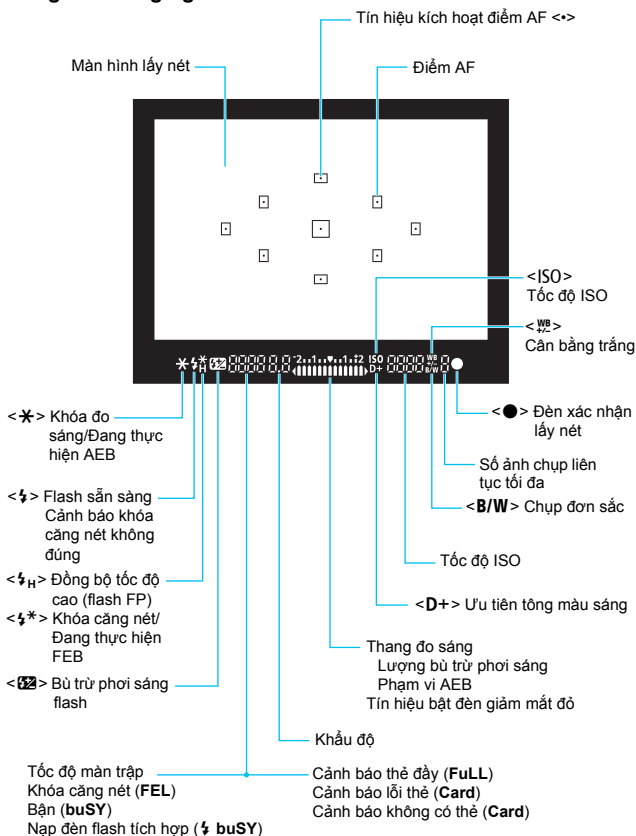
Chế độ đo sáng (tr.111)
 Đo sáng toàn khung ảnh
 Đo sáng từng phần
 Đo sáng trung bình trung tâm

Chỉ thị kết nối GPS (tr.280)

Trạng thái truyền Eye-Fi (tr.272)

Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

Thông tin khung ngắm



Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

Nút xoay chế độ

Nút xoay chế độ bao gồm các chế độ vùng cơ bản, chế độ vùng sáng tạo và chế độ quay phim.

Chế độ vùng sáng tạo

Những chế độ sau giúp điều khiển máy ảnh tốt hơn khi chụp các chủ thể khác nhau.

- P** : Phơi sáng tự động (tr.82)
- Tv** : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (tr.104)
- Av** : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (tr.106)
- M** : Phơi sáng bằng tay (tr.109)

Chế độ vùng cơ bản

Bạn chỉ cần nhấn nút chụp. Máy ảnh sẽ thiết lập cài đặt phù hợp với chủ thể hoặc cảnh.

- A⁺** : Tự động nhận cảnh thông minh (tr.56)
- 🔦** : Flash tắt (tr.61)
- CA** : Tự động sáng tạo (tr.62)

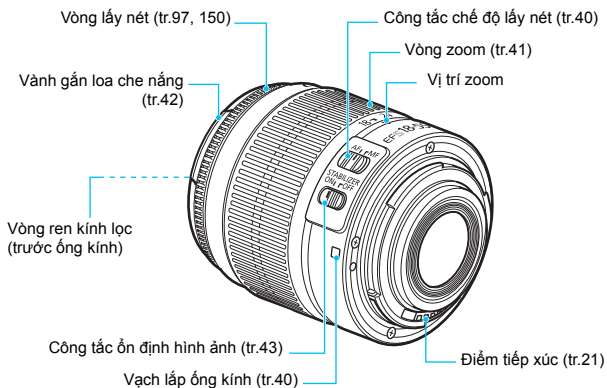
Chế độ vùng ảnh

- 👤** : Chân dung (tr.65)
- 🏞️** : Phong cảnh (tr.66)
- 🌸** : Cận cảnh (tr.67)
- 🏊** : Thể thao (tr.68)
- 🌃** : Chân dung ban đêm (tr.69)

🎥 : Quay phim (tr.153)

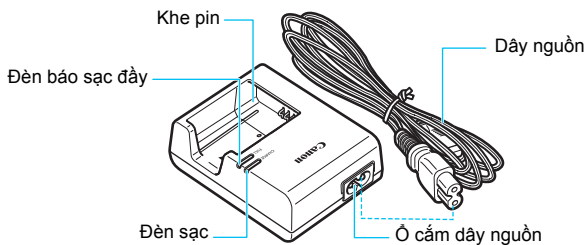
Ống kính

Ống kính không có thước đo khoảng cách



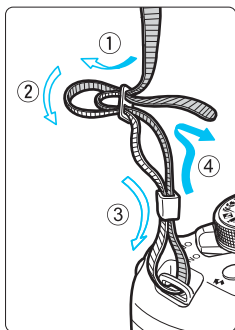
Sạc pin LC-E10E

Sạc cho Pin LP-E10 (tr.30).



Hướng dẫn bắt đầu

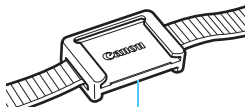
Chương này giải thích các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác cơ bản với máy ảnh.



Gắn dây đeo

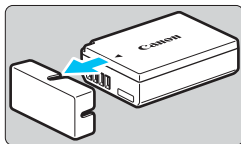
Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị rơi lỏng.

- Nắp thị kính cũng được gắn vào dây đeo (tr.269).



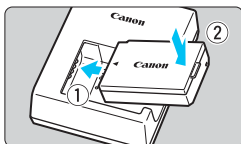
Nắp thị kính

Sạc pin



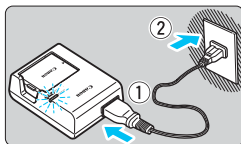
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



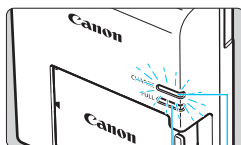
2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.



3 Sạc lại pin.

- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- ▶ Quá trình sạc lại tự động bắt đầu và đèn sạc phát sáng màu cam.
- ▶ Khi pin được sạc đầy, đèn báo sạc đầy sẽ phát sáng màu xanh lá cây.



Đèn báo sạc đầy

Đèn sạc

- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ. Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (6°C - 10°C / 43°F - 50°F), thời gian sạc lại sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).

**Gợi ý sử dụng pin và sạc**

- **Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
Sạc lại pin trước khi sử dụng.
- **Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- **Sau khi sạc lại pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- **Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ (kèm theo máy). Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- **Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- **Nếu pin hết nhanh chóng ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**
Hãy mua pin mới.



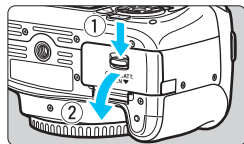
- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 3 giây.
- Không sạc bất kỳ loại pin nào khác ngoại trừ Pin LP-E10.
- Pin LP-E10 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hay sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc cho pin hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

Lắp và tháo pin và thẻ nhớ

Lắp Pin LP-E10 đã sạc đầy vào máy ảnh. Máy ảnh có thể sử dụng thẻ SD, SDHC hoặc SDXC (bản riêng). Ảnh chụp được ghi vào thẻ.

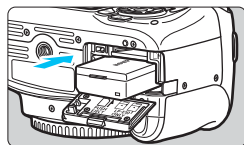
⚠ Đảm bảo mẫu chống ghi của thẻ được đẩy lên để đặt thành ghi/xóa.

Lắp pin và thẻ nhớ



1 Mở nắp.

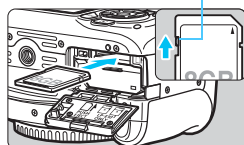
- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

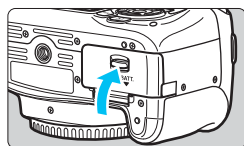
- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc của pin vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.

Mẫu chống ghi



3 Lắp thẻ.

- Thực hiện như hình minh họa, quay mặt có nhãn thẻ về phía sau máy ảnh và cắm thẻ vào cho đến khi phát ra tiếng tách.



4 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.
- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON>, số lượng ảnh có thể chụp (tr.36) sẽ hiển thị trên màn hình LCD.



Sau khi mở nắp ngăn chứa pin/thẻ nhớ, chú ý không đẩy nắp ra sau. Nếu không, bản lề có thể bị gãy.



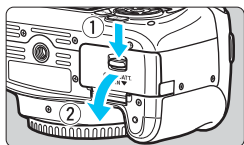
- Số lượng ảnh có thể chụp phụ thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- Đặt [**1: Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)**] thành [**Disable (Tắt)**] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ (tr.180).

Tháo pin và thẻ nhớ

1 Đặt công tắc nguồn thành <OFF>
(tr.35).

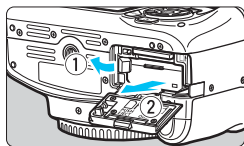
2 Mở nắp.

- Đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mở nắp.
- Đóng nắp khi thông báo [**Recording... (Đang ghi...)**] hiển thị.



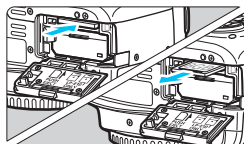
3 Tháo pin.

- Nhấn nút gạt khóa pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch cho các điểm tiếp xúc của pin, đảm bảo gắn nắp bảo vệ kèm theo máy ảnh (tr.30) vào pin.



4 Tháo thẻ.

- Đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi để thẻ tự đẩy ra.
- Kéo thẳng thẻ ra.



5 Đóng nắp.

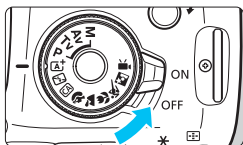
- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.



- **Đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Không mở nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.**
 - **Tháo thẻ nhớ.**
 - **Tháo pin.**
 - **Lắc hoặc đập máy ảnh.**
- Nếu thẻ đã chứa ảnh ghi, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.184).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền tất cả ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.50). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.
- Máy ảnh không sử dụng được thẻ MultiMediaCards (MMC). (Sẽ xuất hiện lỗi thẻ.)

Bật nguồn

Khi bật nguồn và màn hình cài đặt ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 37 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.



<ON> : Máy ảnh bật.

<OFF> : Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

MENU Tự động tắt nguồn

- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 30 giây không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh (tr.45).
- Bạn có thể đặt thời gian tự động tắt nguồn với [**1**: **Auto power off** (Tự động tắt nguồn)] (tr.181).



Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [**Recording... (Đang ghi...)**] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Kiểm tra mức pin

Khi bật nguồn, mức pin sẽ được biểu thị ở một trong 4 mức.



 : Mức pin đủ.

 : Mức pin ít, nhưng vẫn có thể sử dụng máy ảnh.

 : Pin sắp hết. (Nhấp nhảy)

 : Sạc lại pin.

Số ảnh có thể chụp

(Số ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Không sử dụng flash	600	580
Sử dụng flash đối với 50% ảnh	500	410

- Các số liệu ở trên căn cứ theo Pin LP-E10 được sạc đầy, không chụp Live View và các tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).

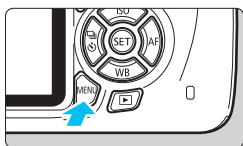


- Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho thao tác ống kính. Pin có thể hết nhanh hơn tùy thuộc vào loại ống kính được sử dụng.
- Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 135.

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị cài đặt lại, màn hình cài đặt ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau để thiết lập múi giờ. Nếu máy ảnh đã cài đặt đúng theo múi giờ địa phương hiện tại, khi di chuyển đến nơi có múi giờ khác, bạn chỉ cần thiết lập múi giờ nơi đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày/giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo cài đặt ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác.



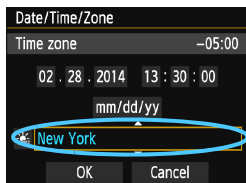
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [F2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.

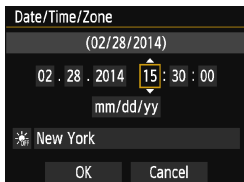


3 Thiết lập múi giờ.

- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ô múi giờ.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⬆>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn múi giờ, rồi nhấn <SET>. (Trở về <□>.)

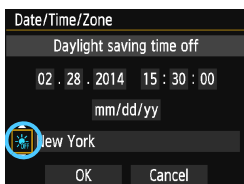


- Quy trình cài đặt menu được giải thích ở các trang 48-49.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị ở phía trên bên phải màn hình là thời gian chênh lệch so với Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time - UTC). Nếu không thấy múi giờ địa phương, tham khảo chênh lệch giờ UTC để thiết lập múi giờ.



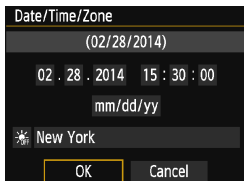
4 Thiết lập ngày và giờ.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn số, rồi nhấn <SET>. (Trở về <□>.)



5 Cài đặt giờ mùa hè.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [☀].
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [☀], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀], thời gian cài đặt ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☀], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát cài đặt.

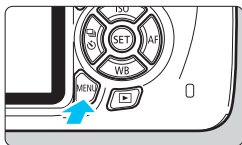
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày/giờ/múi giờ và giờ mùa hè được thiết lập và menu sẽ xuất hiện lại.

! Ngày/giờ/múi giờ có thể bị cài đặt lại trong các trường hợp sau. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.

- Cát giữ máy ảnh không có pin.
- Pin máy ảnh đã hết.
- Máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài.

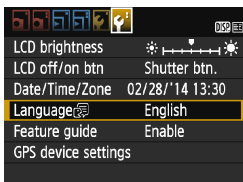
- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực sau khi bạn nhấn <SET> ở bước 6.
- Sau khi thay đổi múi giờ, kiểm tra để đảm bảo ngày/giờ đã được thiết lập chính xác.

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



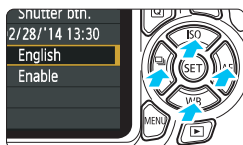
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language (Ngôn ngữ)].

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [F2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Language (Ngôn ngữ)], rồi nhấn <SET>.



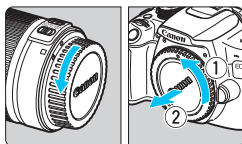
3 Cài đặt ngôn ngữ mong muốn.

- Nhấn phím chéo <✦> để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

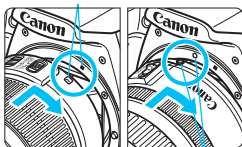
Lắp và tháo ống kính

Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF và EF-S. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-M.**

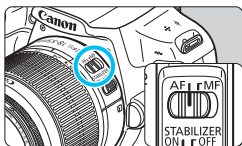
Lắp ống kính



Vạch trắng



Vạch đỏ



1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.

2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh vạch đỏ hoặc vạch trắng của ống kính trùng với vạch màu tương ứng của máy ảnh. Xoay ống kính theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.

3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

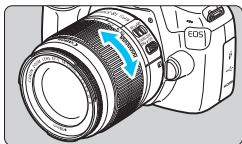
- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- Nếu công tắc này được đặt thành <MF> (lấy nét bằng tay), lấy nét tự động sẽ không hoạt động.

4 Tháo nắp trước của ống kính.

Giảm thiểu bụi

- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã lắp nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

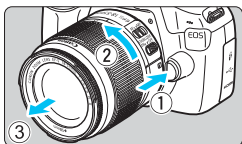
Zoom



Dùng ngón tay xoay vòng zoom trên ống kính để zoom.

Nếu bạn muốn zoom, thực hiện tính năng này trước khi lấy nét. Xoay vòng zoom sau khi lấy được nét có thể làm mất nét.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.



- Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.



Hệ số chuyển đổi hình ảnh

Kích thước cảm biến hình ảnh nhỏ hơn định dạng phim 35mm, do vậy tạo cảm giác tiêu cự ống kính tăng lên khoảng 1,6 lần.

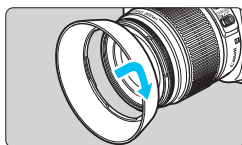


Kích thước cảm biến hình ảnh (Xấp xỉ)
(22,3 x 14,9 mm / 0,88 x 0,59 in.)
Kích thước ảnh 35mm
(36 x 24 mm / 1,42 x 0,94 in.)

Lắp loa che nắng

Loa che có thể chắn nguồn sáng không mong muốn và giảm bớt mưa, tuyết, bụi, v.v... ở phía trước ống kính. Trước khi cất giữ ống kính, lắp loa che nắng theo chiều ngược lại.

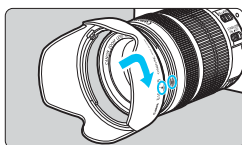
- Nếu không có dấu chỉ trên ống kính và loa:



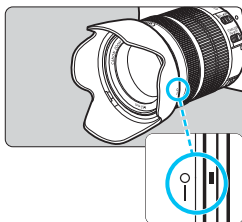
Lắp loa che nắng.

- Xoay loa che nắng theo mũi tên để lắp cố định.

- Nếu có dấu chỉ trên ống kính và loa:



- 1 Điều chỉnh chấm đỏ trên loa che nắng và ống kính khớp với nhau, rồi xoay loa che nắng theo hướng mũi tên.



- 2 Xoay loa che nắng như hình minh họa.

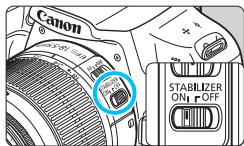
- Xoay loa che nắng theo chiều kim đồng hồ cho đến khi loa che nắng được lắp cố định.

- Nếu loa che nắng không được lắp chính xác, phần rìa ảnh có thể bị che khuất và trông tối.
- Để tháo hoặc lắp loa che nắng, giữ phần đế loa che nắng trong khi xoay. Giữ phần rìa của loa che nắng trong khi xoay có thể gây biến dạng và không xoay được loa che nắng.
- Khi sử dụng đèn flash tích hợp của máy ảnh, tháo loa che nắng. Nếu không, loa che nắng sẽ che khuất một phần flash.

Hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính

Khi sử dụng ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh (IS), hiện tượng rung máy sẽ được điều chỉnh để chụp ảnh rõ nét. Quy trình được trình bày dưới đây sử dụng ống kính EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II làm ví dụ minh họa.

* IS là viết tắt của Image Stabilizer (Hệ thống ổn định hình ảnh).



1 Đặt công tắc IS thành <ON>.

- Đồng thời đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

2 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- ▶ Hệ thống ổn định hình ảnh sẽ hoạt động.

3 Chụp ảnh.

- Khi ảnh hiển thị rõ nét trong khung ngắm, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



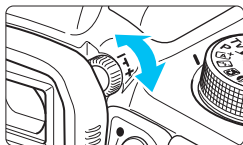
- Nếu chủ thể di chuyển trong khi phơi sáng, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ không hoạt động hiệu quả.
- Đối với phơi sáng bulb, đặt công tắc IS thành <OFF>. Nếu đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh có thể hoạt động không chính xác.
- Hệ thống ổn định hình ảnh có thể không hoạt động hiệu quả khi máy ảnh quá rung, ví dụ khi ngồi trên thuyền lắc lư.



- Hệ thống ổn định hình ảnh có thể hoạt động khi công tắc chế độ lấy nét của ống kính được đặt thành <AF> hoặc <MF>.
- Nếu sử dụng chân máy, bạn có thể chụp dễ dàng ngay cả khi công tắc IS đặt thành <ON>. Tuy nhiên, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF> để tiết kiệm pin.
- Hệ thống ổn định hình ảnh vẫn hoạt động hiệu quả khi đặt máy ảnh trên chân máy đơn.
- Một số ống kính IS cho phép điều chỉnh chế độ IS bằng tay để phù hợp với điều kiện chụp. Tuy nhiên, ống kính EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II hoặc EF-S55-250mm f/4-5.6 IS II sẽ tự động chuyển chế độ IS.

Thao tác cơ bản

Điều chỉnh độ sắc nét của khung ngắm



Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

- Xoay nút sang trái hoặc sang phải đến khi nhìn rõ nét điểm AF (9 ô vuông) trong khung ngắm.

 Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ sê-ri E (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.



Chụp ngang

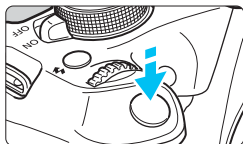
Chụp dọc

1. Tay phải nắm chắc báng máy.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.

 Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 133.

Nút chụp

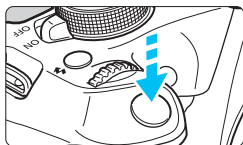
Nút chụp có 2 mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.



Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ. Các thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) được hiển thị trong khung ngắm (❶).

Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình LCD sẽ tắt (tr.194).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

Chống rung máy

Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu, xem lại ảnh hoặc ghi ảnh, bạn cũng có thể chụp ảnh trở lại ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

Q Điều khiển nhanh chức năng chụp

Bạn có thể trực tiếp chọn và thiết lập các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này gọi là điều khiển nhanh.



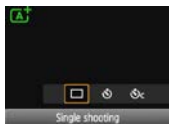
1 Nhấn nút <Q>.

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện (tr.10).

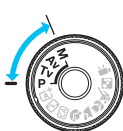
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn phím <◀▶> để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.53) sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <◀▶> để thay đổi cài đặt.

Chế độ vùng cơ bản



Chế độ vùng sáng tạo

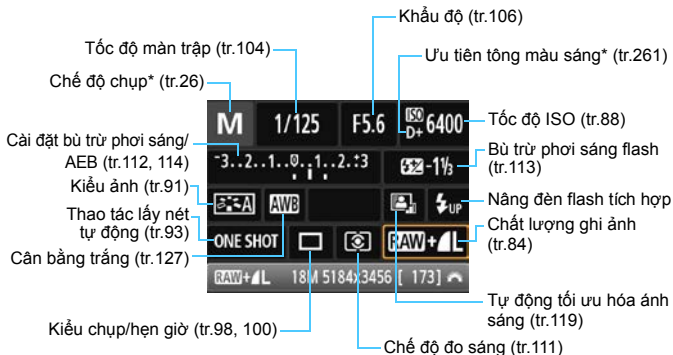


3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.

 Để tìm hiểu về các chức năng có thể cài đặt trong chế độ vùng cơ bản và quy trình cài đặt, tham khảo trang 71.

Màn hình mẫu điều khiển nhanh

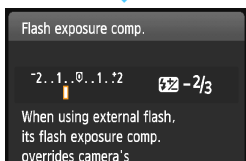


- Không thể thiết lập các chức năng có gắn dấu sao * trên màn hình điều khiển nhanh.
- Khi chọn và nhấn , đèn flash tích hợp sẽ nâng lên.

Màn hình cài đặt chức năng



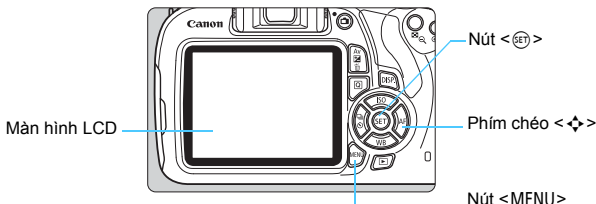
>



- Chọn chức năng mong muốn và nhấn . Màn hình cài đặt chức năng sẽ xuất hiện.
- Nhấn các phím < > hoặc xoay nút xoay để thay đổi cài đặt. Một số chức năng có thể được thiết lập bằng cách nhấn nút <DISP.>.
- Nhấn để kết thúc cài đặt và quay lại màn hình điều khiển nhanh.

MENU Thao tác với menu

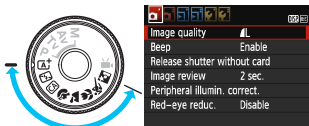
Bạn có thể thiết lập nhiều cài đặt với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày/giờ, v.v...



Màn hình menu

Các tab và mục menu hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp.

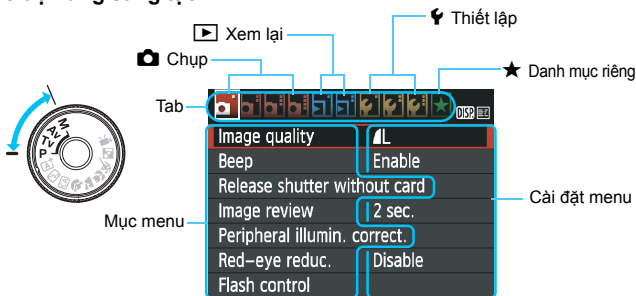
Chế độ vùng cơ bản



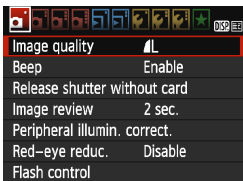
Chế độ quay phim



Chế độ vùng sáng tạo



Quy trình cài đặt menu



1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.

2 Chọn tab.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab (nhóm các chức năng).
- Ví dụ, trong sách hướng dẫn này, “tab [📷3]” chỉ màn hình sẽ hiển thị khi tab 📷 (Chụp ảnh) thứ 3 từ bên trái [📷:] được chọn.



3 Chọn mục mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn cài đặt.

- Nhấn nút <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn cài đặt mong muốn. (Một vài cài đặt chỉ cho phép nhấn các phím <▲> <▼> hoặc các phím <◀> <▶> để chọn.)
- Cài đặt hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Thiết lập cài đặt mong muốn.

- Nhấn <SET> để thiết lập.

6 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút <MENU> để quay lại màn hình cài đặt chức năng chụp.

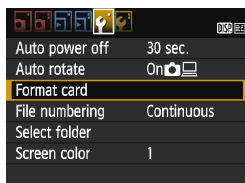


- Ở bước 2, bạn có thể xoay nút xoay <🌀> để chọn tab menu.
- Phần giải thích các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.
- Để hủy, nhấn nút <MENU>.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 278.

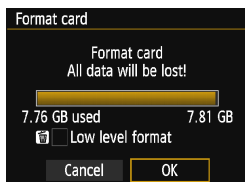
MENU Định dạng thẻ

Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.

- !** Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.

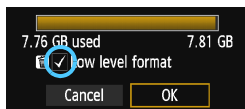


- 1** Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].
- Trong tab [1], chọn [Format card (Định dạng thẻ)], rồi nhấn <SET>.



2 Định dạng thẻ nhớ.

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thẻ sẽ được định dạng.
- Khi quá trình định dạng hoàn tất, menu sẽ xuất hiện lại.



- Với định dạng mức thấp, nhấn nút <[checkmark]> để chọn [Low level format (Định dạng mức thấp)] bằng dấu chọn <✓>, rồi chọn [OK].



Thực hiện [Format card (Định dạng thẻ)] trong các trường hợp sau:

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.296).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng ở mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ chậm hoặc nếu bạn muốn xóa dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng ở mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường.
- Bạn có thể dừng định dạng mức thấp bằng cách chọn **[Cancel (Hủy)]**. Trong trường hợp này, định dạng thông thường vẫn được hoàn tất và bạn có thể sử dụng thẻ như bình thường.



- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng ở mức thấp hoặc hủy thẻ bằng hình thức vật lý để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.
- **Trước khi sử dụng thẻ Eye-Fi mới, cần cài đặt phần mềm trong thẻ trên máy tính. Sau đó, định dạng thẻ bằng máy ảnh.**

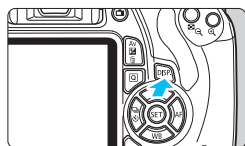


- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.

Chuyển hiển thị màn hình LCD

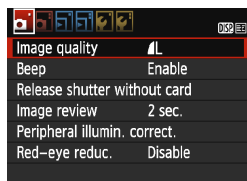
Màn hình LCD có thể hiển thị màn hình cài đặt chụp, màn hình menu, ảnh đã chụp, v.v...

Cài đặt chụp



- Khi bật nguồn, cài đặt chụp sẽ hiển thị.
- **Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình sẽ tắt. Và khi nhả nút chụp, màn hình sẽ bật.**
- **Bạn cũng có thể tắt màn hình bằng cách nhấn nút <DISP.>. Nhấn lại nút để bật màn hình.**

Chức năng menu



- Xuất hiện khi nhấn nút <MENU>. Nhấn lại nút này để quay về màn hình cài đặt chụp.
- Xuất hiện khi nhấn nút <▶>. Nhấn lại nút này để quay về màn hình cài đặt chụp.

Ảnh đã chụp

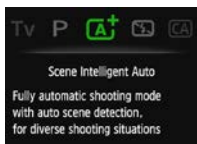


- Bạn có thể đặt [**2: LCD off/on btn (Nút bật/tắt màn hình LCD)**] để màn hình cài đặt chụp không tiếp tục tắt và bật lại (tr.194).
- Ngay cả khi màn hình menu hoặc ảnh đã chụp hiển thị, bạn vẫn có thể nhấn nút chụp để chụp lại ngay lập tức.

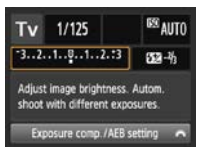
Hướng dẫn tính năng

Hướng dẫn tính năng xuất hiện kèm theo mô tả ngắn gọn về các chế độ, chức năng hoặc tùy chọn khi bạn thay đổi chế độ chụp hoặc thiết lập chức năng chụp, chụp Live View, quay phim hoặc điều khiển nhanh trong khi xem lại. Mô tả cũng xuất hiện khi bạn chọn một chức năng hoặc tùy chọn trong màn hình điều khiển nhanh. Hướng dẫn tính năng sẽ tắt khi bạn tiếp tục thao tác.

- **Chế độ chụp (Mẫu)**



- **Điều khiển nhanh (Mẫu)**



Cài đặt chụp

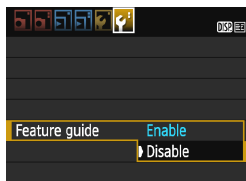


Chụp Live View



Xem lại

MENU Tắt hướng dẫn tính năng



Chọn [Feature guide (Hướng dẫn tính năng)].

- Trong tab [**2**], chọn **[Feature guide (Hướng dẫn tính năng)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn **<SET>**.

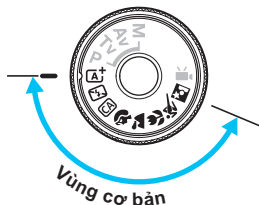


2

Chụp cơ bản và xem lại ảnh

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ vùng cơ bản trên nút xoay chế độ một cách tốt nhất và cách xem lại ảnh.

Với chế độ vùng cơ bản, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động thiết lập các cài đặt (tr.72, 274). Ngoài ra, để tránh làm hỏng ảnh do thao tác nhầm, bạn không thể thay đổi các thiết lập chức năng chụp nâng cao.

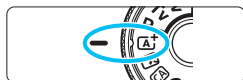


 Tự động tối ưu hóa ánh sáng

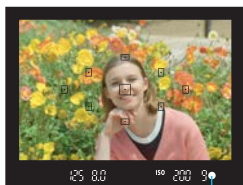
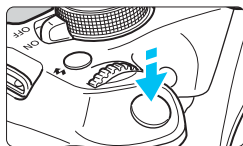
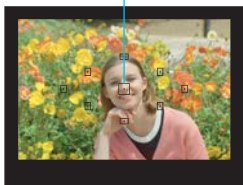
Trong chế độ vùng cơ bản, chức năng tự động tối ưu hoá ánh sáng (tr.119) sẽ tự động điều chỉnh ánh để đạt được độ sáng và độ tương phản tối ưu. Chức năng này được bật mặc định trong chế độ vùng sáng tạo.

[A+] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

<[A+]> là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các cài đặt tối ưu. Chế độ này cũng điều chỉnh lấy nét tự động bằng cách phát hiện chủ thể tĩnh hay đang chuyển động (tr.59).



Điểm AF



Đèn xác nhận lấy nét

1 Đặt nút xoay chế độ thành <[A+]>.

2 Hướng điểm AF bất kỳ vào chủ thể.

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và thường lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp và vòng lấy nét của ống kính sẽ xoay để lấy nét.
- ▶ Dấu chấm nằm trong điểm AF khi lấy được nét sẽ nhấp sáng đỏ. Đồng thời, máy phát ra tiếng bíp và đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng.
- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Sau khi chụp ảnh, dùng ngón tay đẩy đèn flash tích hợp xuống.



Chế độ <A+> làm màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn ấn tượng hơn. Nếu tông màu không như mong muốn, bạn nên sử dụng chế độ vùng sáng tạo và chọn một kiểu ảnh ngoại trừ <[A+]> rồi chụp (tr.91).



Câu hỏi thường gặp

- **Đèn xác nhận lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng điểm AF vào khu vực có độ tương phản tốt, sau đó nhấn nửa chừng nút chụp (tr.45). Di chuyển ra xa và thử lại nếu bạn ở quá gần chủ thể.
- **Nhiều điểm AF nhấp sáng đồng thời.**
Biểu thị các điểm AF này đều lấy được nét. Khi điểm AF bao quanh chủ thể nhấp sáng, bạn có thể bắt đầu chụp ảnh.
- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn xác nhận lấy nét <●> không phát sáng.)**
Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn xác nhận lấy nét <●> không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.
Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.59) không hoạt động trong trường hợp này.
- **Nhấn nửa chừng nút chụp nhưng không lấy được nét.**
Đặt công tắc chế độ lấy nét trên ống kính thành <AF> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <MF> (lấy nét bằng tay).

- **Đèn flash nâng lên cho dù vào ban ngày.**

Đối với chủ thể ngược sáng, flash có thể đánh sáng giúp làm sáng các vùng tối của chủ thể. Nếu bạn không muốn đèn flash đánh sáng, sử dụng chế độ flash tắt (tr.61). Khác với cài đặt flash, máy ảnh sẽ chụp với cài đặt giống như < >.

- **Flash đánh sáng và ảnh chụp quá sáng.**

Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Khi chụp ảnh có flash, nếu chủ thể ở quá gần máy ảnh, ảnh chụp có thể quá sáng (dư sáng).

- **Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng.**

Nhấn nửa chừng nút chụp để kích hoạt đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng nhằm hỗ trợ lấy nét tự động. Tính năng này được gọi là tia giúp lấy nét. Phạm vi hiệu quả khoảng 4 m/13,1 ft.

- **Khi sử dụng flash, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**

Bóng của vành ống kính sẽ xuất hiện trong ảnh khi chủ thể ở quá gần ống kính. Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Tháo loa che nắng trên ống kính trước khi chụp ảnh sử dụng flash.

[A⁺] Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để tạo hậu cảnh cân bằng và phối cảnh tốt.

Ở chế độ <[A⁺]>, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Khóa lấy nét cũng có thể thực hiện ở các chế độ vùng cơ bản khác (ngoại trừ <[M]>).

Chụp chủ thể chuyển động



Ở chế độ <[A⁺]>, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục) sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Nếu bạn tiếp tục hướng điểm AF vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ tiếp tục. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

📷 Chụp Live View

Bạn có thể chụp trong khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 133.



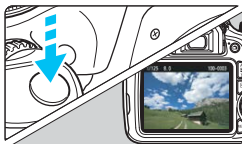
1 Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.

- Nhấn nút <📷>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF trung tâm <□> vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.

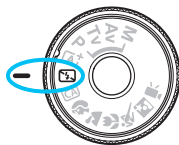


3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi thời gian xem lại ảnh kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút <📷> để kết thúc chụp Live View.

Tắt flash

Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các cài đặt tối ưu. Ở những nơi cấm chụp ảnh có flash, như trong bảo tàng hoặc công viên thủy sinh, vui lòng sử dụng chế độ <  > (Flash tắt). Chế độ này cũng hiệu quả khi chụp cảnh có môi trường đặc biệt như chụp cảnh ánh nến.



Gợi ý chụp ảnh

- **Tránh rung máy nếu tốc độ màn trập trong khung ngắm nhấp nháy.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi dễ xảy ra rung máy ảnh, thông số tốc độ màn trập trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy ảnh hoặc sử dụng chân máy. Khi sử dụng ống kính zoom, nên sử dụng tiêu cự góc rộng để giảm mờ do rung máy khi cầm máy bằng tay.

- **Chụp chân dung không sử dụng flash.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, đảm bảo chủ thể đứng yên cho đến khi ảnh được chụp. Chuyển động của chủ thể trong khi chụp sẽ làm nhòe ảnh.

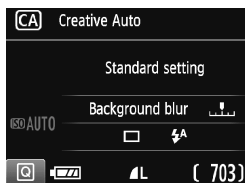
[CA] Chụp tự động sáng tạo

Ở chế độ <[CA]>, bạn có thể dễ dàng thay đổi độ sâu trường ảnh, kiểu chụp/hẹn giờ và đánh sáng flash. Bạn cũng có thể chọn môi trường muốn truyền tải vào trong ảnh. Cài đặt mặc định tương tự chế độ <[A+]>.

* CA là viết tắt của Creative Auto (Tự động sáng tạo).

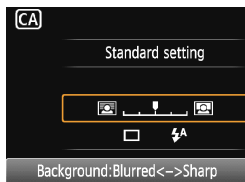


1 Đặt nút xoay chế độ thành <[CA]>.



2 Nhấn nút <[Q]>. (10)

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

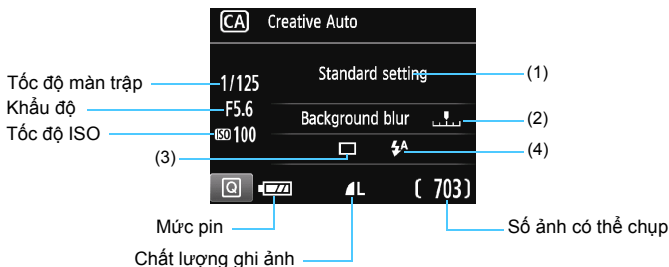


3 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn phím <[4]> để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.53) sẽ xuất hiện.
- Để biết quy trình thiết lập và chi tiết mỗi chức năng, tham khảo các trang 63-64.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



Nhấn nút <[Q]> cho phép bạn thiết lập các tính năng sau:

(1) Chụp ảnh dựa trên môi trường

Bạn có thể thiết lập môi trường muốn truyền tải vào trong ảnh. Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <[DIAL]> để chọn môi trường mong muốn. Bạn cũng có thể chọn từ danh sách bằng cách nhấn <[SET]>. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 73.

(2) Làm mờ/làm sắc nét hậu cảnh



Nếu bạn dịch chuyển dấu chỉ về bên trái, hậu cảnh sẽ mờ hơn. Nếu dịch chuyển về bên phải, hậu cảnh sẽ sắc nét hơn. Tham khảo “Chụp chân dung” ở trang 65 về làm mờ hậu cảnh. Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <[DIAL]> để chọn môi trường mong muốn.

Tùy thuộc vào ống kính và điều kiện chụp, hậu cảnh có thể trông không quá mờ. Không thể thiết lập chức năng này (chức năng bị mờ đi) khi đèn flash tích hợp được nâng lên và <[FLASH]> hoặc <[FLASH]> được chọn. Nếu sử dụng flash, cài đặt này sẽ không được áp dụng.

(3) Kiểu chụp/Hẹn giờ: Nhấn  rồi cài đặt bằng các nút   hoặc nút xoay .

 **Chụp từng ảnh:** Chụp mỗi lần một ảnh.

 **Chụp liên tục:** Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục. Bạn có thể chụp tối đa khoảng 3 ảnh/giây.

 **Chụp hẹn giờ: 10 giây:**

Ảnh sẽ được chụp 10 giây sau khi nhấn nút chụp.

 **Chụp hẹn giờ: Liên tục:**

Nhấn các phím   để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ. Số ảnh chụp liên tục đã thiết lập sẽ được chụp sau khi nhấn nút chụp 10 giây.

(4) Đánh sáng flash: Nhấn  rồi cài đặt bằng các nút   hoặc nút xoay .

 **Flash tự động:** Đèn flash tự động đánh sáng khi cần thiết.

 **Flash bật** : Đèn flash luôn đánh sáng.

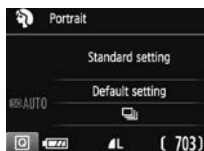
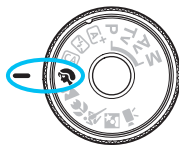
 **Flash tắt** : Đèn flash tắt.

 Nếu sử dụng đèn Speedlite ngoài, không thể đặt **[Flash firing (Đánh sáng flash)]**.

-  Khi sử dụng chụp hẹn giờ, tham khảo lưu ý  ở trang 100.
-  Khi sử dụng , tham khảo phần “Tắt Flash” ở trang 61.

Chụp chân dung

Chế độ (Chân dung) làm mờ hậu cảnh để làm nổi bật chủ thể người. Chế độ này làm tăng màu da và tóc dịu hơn.



Gợi ý chụp ảnh

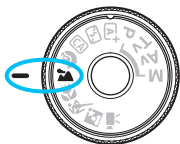
- **Khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh càng xa càng tốt.**
Khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh càng xa, hậu cảnh sẽ trông càng mờ. Chủ thể sẽ nổi bật hơn khi ở trước hậu cảnh tối và đơn giản.
- **Sử dụng ống kính tele.**
Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa để đưa phần thân trên của chủ thể vào khung hình. Di chuyển lại gần chủ thể hơn nếu cần.
- **Lấy nét khuôn mặt.**
Kiểm tra điểm AF bao quanh khuôn mặt đã nhấp sáng chưa. Lấy nét đôi mắt khi chụp cận cảnh khuôn mặt.



- Nhấn giữ nút chụp để có thể chụp liên tục các kiểu ảnh với vẻ mặt khác nhau (tối đa khoảng 3 ảnh/giây).
- Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.

Chụp phong cảnh

Sử dụng chế độ <  > (Phong cảnh) để chụp cảnh rộng hoặc lấy nét vật thể từ gần đến xa. Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong trẻo và sắc nét hơn.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom.**

Khi sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom, những chủ thể ở gần và xa sẽ được lấy nét. Tiêu cự góc rộng giúp tăng thêm độ rộng cho cảnh.

- **Chụp cảnh đêm.**

Do đèn flash tích hợp sẽ tắt, chế độ này <  > cũng thích hợp để chụp cảnh đêm.

Sử dụng chân máy để tránh rung máy.

Nếu muốn chụp người trong cảnh đêm, đặt nút xoay chế độ thành <  > (Chân dung ban đêm) và sử dụng chân máy (tr.69).



 Đèn flash tích hợp không đánh sáng ngay cả trong điều kiện ngược sáng hoặc ánh sáng yếu.

Chụp cận cảnh

Khi chụp cận cảnh hoa hoặc vật thể nhỏ, bạn nên sử dụng chế độ <🌸> (Cận cảnh). Sử dụng ống kính macro (bán riêng) để phóng to nhiều lần vật thể nhỏ.

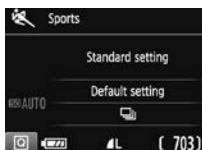
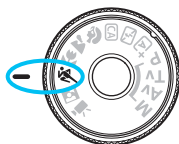


Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng hậu cảnh đơn giản.**
Hậu cảnh đơn giản làm nổi bật vật thể nhỏ như bông hoa.
- **Di chuyển càng gần chủ thể càng tốt.**
Kiểm tra để biết khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính. Một số ống kính có chỉ số ví dụ như <🌸0.25m/0.8ft>. Khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính được đo từ đầu <📷> (mặt phẳng tiêu điểm) ở trên cùng máy ảnh đến chủ thể. Nếu ở quá gần chủ thể, đèn xác nhận lấy nét <●> sẽ nhấp nháy.
Nếu sử dụng flash và phần dưới của ảnh trông tối, di chuyển ra xa chủ thể.
- **Sử dụng tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.**
Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa sẽ làm chủ thể trông lớn hơn.

Chụp chủ thể chuyển động

Sử dụng chế độ < > (Thể thao) để chụp chủ thể chuyển động như người đang chạy hay xe cộ di chuyển.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính tele.**

Nên sử dụng ống kính tele khi chụp từ khoảng cách xa.

- **Sử dụng điểm AF trung tâm để lấy nét.**

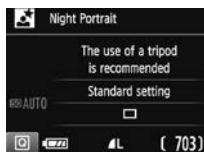
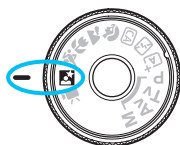
Hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động. Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục trong khi lấy nét tự động. Nếu không lấy được nét, đèn xác nhận lấy nét <●> sẽ nhấp nháy.

Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Nhấn giữ nút chụp để duy trì lấy nét tự động trong khi chụp liên tục chuyển động của chủ thể (tối đa khoảng 3 ảnh/giây).

 Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi dễ xảy ra rung máy, thông số tốc độ màn trập ở phần dưới bên trái của khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy và chụp.

Chụp chân dung ban đêm

Sử dụng chế độ < > (Chân dung ban đêm) để chụp chủ thể người vào buổi tối với hậu cảnh ban đêm trông tự nhiên hơn. Bạn nên sử dụng chân máy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính góc rộng và chân máy.**
Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom để tăng độ rộng của cảnh. Ngoài ra, bạn nên sử dụng chân máy để tránh rung máy.
- **Kiểm tra độ sáng của chủ thể.**
Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp sẽ đánh sáng tự động để chủ thể được phơi sáng tốt.
Nên xem lại ảnh sau khi chụp để kiểm tra độ sáng của ảnh. Di chuyển lại gần chủ thể và chụp lại nếu chủ thể trông tối.
- **Hoặc chụp bằng chế độ < > (Tự động nhận cảnh thông minh).**
Do dễ xảy ra rung máy khi chụp cảnh đêm, bạn cũng nên chụp bằng chế độ < >.

 Khi chụp Live View, có thể khó lấy nét các chấm sáng, ví dụ như trong cảnh đêm. Trong trường hợp này, bạn nên đặt phương pháp AF thành **[Quick mode (Chế độ nhanh)]** và chụp. Nếu vẫn khó lấy nét, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành **<MF>** rồi lấy nét bằng tay.

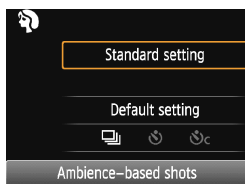
- 
- Đảm bảo chủ thể đứng yên ngay cả sau khi flash đánh sáng.
 - Nếu sử dụng chụp hẹn giờ cùng với flash, đèn chụp hẹn giờ sẽ nháy sáng nhanh sau khi chụp ảnh.

Điều khiển nhanh

Ở chế độ vùng cơ bản, khi màn hình cài đặt chụp hiển thị, bạn có thể nhấn nút  để hiển thị màn hình điều khiển nhanh. Bảng dưới đây biểu thị các chức năng có thể thiết lập với màn hình điều khiển nhanh ở từng chế độ vùng cơ bản.

1 Đặt nút xoay chế độ thành chế độ vùng cơ bản.

Ví dụ: Chế độ chụp chân dung

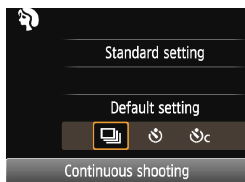


2 Nhấn nút . (Ổ10)

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

3 Cài đặt chức năng.

- Nhấn các phím  <▲> <▼> để chọn chức năng. (Thao tác này không cần thiết ở chế độ  / .)
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.53) sẽ xuất hiện.
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <> để thay đổi cài đặt.



Chức năng có thể thiết lập ở chế độ vùng cơ bản

●: Cài đặt mặc định ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn

Chức năng		 (tr.56)	 (tr.61)	 (tr.62)	 (tr.65)	 (tr.66)	 (tr.67)	 (tr.68)	 (tr.69)
Drive mode (Kiểu chụp)	 : Chụp ảnh đơn	○	○	○	□	○	○	□	○
	 : Chụp liên tục	□	□	○	○	□	□	○	□
	Chụp hẹn giờ	 : 10 giây	○	○	○	○	○	○	○
		 : Chụp liên tục*	○	○	○	○	○	○	○
Flash firing (Đánh sáng flash)	 : Tự động đánh sáng	●	□	●	●	□	●	□	●
	 : Flash bật (Luôn đánh sáng)	□	□	○	□	□	□	□	□
	 : Flash tắt	□	●	○	□	●	□	●	□
Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường) (tr.73)		□	□	○	○	○	○	○	○
Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh) (tr.77)		□	□	□	○	○	○	○	□
Blurring/sharpening the background (Làm mờ/làm sắc nét hậu cảnh) (tr.63)		□	□	○	□	□	□	□	□

* Sử dụng các phím <▲> <▼> để thiết lập số ảnh chụp liên tục.

 Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, máy ảnh sẽ trở về cài đặt mặc định (ngoại trừ chụp hẹn giờ).

Chụp theo lựa chọn môi trường

Bạn có thể chọn môi trường chụp, ngoại trừ <A+> và <M> trong chế độ vùng cơ bản.

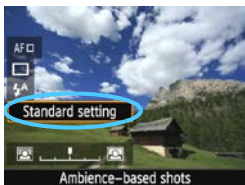
Môi trường	A+	M	CA	☺	☹	☼	☾	☽	Hiệu ứng môi trường
(1) Standard setting (Cài đặt tiêu chuẩn)			○	○	○	○	○	○	Không cài đặt
(2) Vivid (Rực rỡ)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / Strong (Mạnh)
(3) Soft (Dịu)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / Strong (Mạnh)
(4) Warm (Ấm)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / Strong (Mạnh)
(5) Intense (Mạnh)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / Strong (Mạnh)
(6) Cool (Lạnh)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / Strong (Mạnh)
(7) Brighter (Sáng hơn)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Medium (Trung bình) / High (Cao)
(8) Darker (Tối hơn)			○	○	○	○	○	○	Low (Thấp) / Medium (Trung bình) / High (Cao)
(9) Monochrome (Đơn sắc)			○	○	○	○	○	○	Blue (Xanh da trời) / B/W (Đen trắng) / Sepia (Nâu đỏ)

1 Đặt nút xoay chế độ thành một trong các chế độ sau: <CA>, <☺>, <☹>, <☼>, <☾> hoặc <☽>.



2 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <☑> để hiện thị ảnh Live View.



3 Trên màn hình điều khiển nhanh, chọn môi trường mong muốn.

- Nhấn nút <Q> (1/10).
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Standard setting (Cài đặt tiêu chuẩn)]. [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☼> để chọn môi trường.
- ▶ Màn hình LCD sẽ hiển thị ảnh với môi trường đã chọn.



4 Thiết lập hiệu ứng môi trường.

- Nhấn phím <▲> <▼> để chọn thanh hiệu ứng để **[Effect (Hiệu ứng)]** xuất hiện ở dưới cùng.
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀️> để chọn hiệu ứng mong muốn.

5 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Để chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút <📷> để thoát chế độ chụp Live View. Sau đó, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, cài đặt sẽ trở về **[Standard setting (Cài đặt tiêu chuẩn)]**.

- ❗ Ảnh Live View hiển thị với cài đặt môi trường được chọn sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.
- Sử dụng flash có thể làm giảm hiệu ứng môi trường.
- Ở ngoài trời sáng, ảnh Live View thấy trên màn hình LCD có thể không có độ sáng hoặc môi trường giống hoàn toàn như ảnh thực tế. Đặt [**42: LCD brightness (Độ sáng màn hình LCD)**] thành 4 và xem ảnh Live View để màn hình LCD không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng bên ngoài.

- 📷 Nếu không muốn ảnh Live View hiển thị khi thiết lập chức năng, nhấn nút <Q> sau bước 1 đồng thời thiết lập **[Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)]** và **[Effect (Hiệu ứng)]**.

Cài đặt môi trường

(1) **Standard setting (Cài đặt tiêu chuẩn)**

Đặc tính ảnh tiêu chuẩn cho chế độ chụp tương ứng. Lưu ý rằng chế độ <📷> có đặc tính ảnh phù hợp với ảnh chân dung và chế độ <🏞️> phù hợp với ảnh phong cảnh. Mỗi môi trường là một biến thể các đặc tính ảnh của chế độ chụp tương ứng.

(2) **Vivid (Rực rỡ)**

Chủ thể trông sắc nét và rực rỡ. Cài đặt này khiến ảnh trông ấn tượng hơn so với [**Standard setting (Cài đặt tiêu chuẩn)**].

(3) **Soft (Dịu)**

Cài đặt này làm giảm độ nổi của chủ thể, khiến chủ thể trông dịu và dễ thương hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi, hoa, v.v...

(4) **Warm (Ấm)**

Màu sắc được làm ấm với chủ thể không nổi, ảnh trông sẽ ấm và trang nhã hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi và các chủ thể bạn muốn đem lại cảm giác ấm áp.

(5) **Intense (Mạnh)**

Khi độ sáng tổng thể thấp đi, chủ thể được làm nổi bật để trông sống động hơn. Giúp con người hoặc chủ thể sống thêm nổi bật.

(6) **Cool (Lạnh)**

Độ sáng tổng thể thấp với sắc thái màu lạnh hơn, khiến bức ảnh có màu tối dịu cùng tâm trạng trầm lắng. Cài đặt này giúp chủ thể trong bóng râm trông dịu và ấn tượng hơn.

(7) **Brighter (Sáng hơn)**

Ảnh trông sáng hơn.

(8) **Darker (Tối hơn)**

Ảnh trông tối hơn.

(9) **Monochrome (Đơn sắc)**

Ảnh chụp là ảnh đơn sắc. Bạn có thể chọn màu đơn sắc là đen trắng, nâu đỏ hoặc xanh da trời. Khi chọn **[Monochrome (Đơn sắc)]**, **<B/W>** sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

Chụp theo kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh

Trong chế độ vùng cơ bản <☺>, <☷>, <☼> và <☹>, bạn có thể chụp với các cài đặt phù hợp với kiểu ánh sáng hoặc cảnh. Thông thường, chỉ cần sử dụng [Default setting (Cài đặt mặc định)], nhưng nếu cài đặt phù hợp với điều kiện ánh sáng hoặc cảnh, ảnh sẽ trông gần giống với thực tế hơn.

Để chụp Live View, nếu thiết lập cả [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] và [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] (tr.73), nên thiết lập [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] trước để xem các hiệu ứng trên màn hình LCD dễ dàng hơn.

Kiểu ánh sáng hoặc cảnh	A+	☺	CA	☺	☷	☼	☹	☹
(1) Default setting (Cài đặt mặc định)				○	○	○	○	
(2) Daylight (Ánh sáng ban ngày)				○	○	○	○	
(3) Shade (Bóng râm)				○	○	○	○	
(4) Cloudy (Nhiều mây)				○	○	○	○	
(5) Tungsten light (Ánh đèn dây tóc)				○		○	○	
(6) Fluorescent light (Ánh đèn huỳnh quang)				○		○	○	
(7) Sunset (Hoàng hôn)				○	○	○	○	

- Đặt nút xoay chế độ thành một trong các chế độ sau: <☺>, <☷>, <☼> hoặc <☹>.



- Hiển thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <☺> để hiển thị ảnh Live View.



3 Chọn kiểu ánh sáng hoặc cảnh trên màn hình điều khiển nhanh.

- Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ (C 10).
- Nhấn các phím $\langle \blacktriangle \rangle$ $\langle \blacktriangledown \rangle$ để chọn [Default setting (Cài đặt mặc định)]. [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nhấn các phím $\langle \blacktriangleleft \rangle$ $\langle \blacktriangleright \rangle$ hoặc xoay nút xoay $\langle \text{DIAL} \rangle$ để chọn kiểu ánh sáng hoặc cảnh.
- ▶ Ảnh kết quả sẽ hiển thị với kiểu ánh sáng hoặc cảnh đã chọn.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Để chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút $\langle \text{DISP} \rangle$ để thoát chế độ chụp Live View. Sau đó, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành $\langle \text{OFF} \rangle$, cài đặt sẽ trở về [Default setting (Cài đặt mặc định)].



- Nếu sử dụng flash, cài đặt sẽ chuyển thành [Default setting (Cài đặt mặc định)]. (Tuy nhiên, thông tin chụp sẽ hiển thị kiểu ánh sáng hoặc cảnh đã cài đặt.)
- Nếu muốn thiết lập cài đặt này cùng với [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)], bạn nên cài đặt kiểu ánh sáng hoặc cảnh phù hợp nhất với môi trường đã thiết lập. Ví dụ trong trường hợp [Sunset (Hoàng hôn)], màu ấm sẽ trở nên nổi bật, vì vậy môi trường đã thiết lập có thể không đạt hiệu quả tốt.



Nếu không muốn ảnh Live View hiển thị khi thiết lập chức năng, nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ sau bước 1 và thiết lập [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)].

Cài đặt kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh

(1) **Default setting (Cài đặt mặc định)**

Cài đặt mặc định phù hợp với hầu hết các chủ thể.

(2) **Daylight (Ánh sáng ban ngày)**

Để chụp chủ thể dưới ánh sáng mặt trời. Giúp bầu trời xanh và cây cỏ trông tự nhiên hơn và làm ảnh chụp hoa có màu sáng trông đẹp hơn.

(3) **Shade (Bóng râm)**

Để chụp chủ thể trong bóng râm. Phù hợp khi chụp ảnh có tông màu da bị ngả xanh và các loại hoa màu sáng.

(4) **Cloudy (Nhiều mây)**

Để chụp chủ thể dưới bầu trời âm u. Làm tông màu da và phong cảnh xám màu vào ngày trời nhiều mây trông ấm hơn. Cũng có hiệu quả đối với hoa sáng màu.

(5) **Tungsten light (Ánh đèn dây tóc)**

Dành cho chủ thể được chiếu sáng dưới đèn dây tóc. Giảm sắc thái màu cam đỏ do đèn dây tóc gây ra.

(6) **Fluorescent light (Ánh đèn huỳnh quang)**

Đối với chủ thể dưới đèn huỳnh quang. Phù hợp với tất cả loại đèn huỳnh quang.

(7) **Sunset (Hoàng hôn)**

Phù hợp khi chụp với màu sắc ấn tượng của cảnh mặt trời lặn.

▶ Xem lại ảnh

Hướng dẫn bên dưới giúp bạn xem lại ảnh một cách dễ dàng nhất. Để biết chi tiết về quy trình xem lại, tham khảo trang 203.



1 Phát lại ảnh.

- Nhấn nút <▶>.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

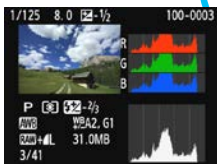
- Để bắt đầu xem ảnh từ ảnh chụp sau cùng, nhấn phím <◀>.
- Để bắt đầu xem ảnh từ ảnh đầu tiên (ảnh cũ nhất), nhấn phím <▶>.
- Mỗi lần nhấn nút <DISP.>, định dạng hiển thị sẽ thay đổi.



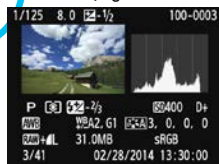
Với thông tin cơ bản



Thông tin cơ bản +
Chất lượng ảnh/Số thứ tự xem lại



Biểu đồ sắc độ



Hiển thị thông tin chụp

3 Thoát xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶> để thoát xem lại ảnh và trở về hiển thị cài đặt chụp.

3

Chụp sáng tạo

Ở chế độ vùng cơ bản, để tránh chụp hỏng ảnh, bạn không thể thay đổi cài đặt chức năng nâng cao. Tuy nhiên, ở chế độ <P> (Program AE - Phơi sáng tự động), bạn có thể thiết lập nhiều chức năng khác nhau và sáng tạo hơn.

- Ở chế độ <P>, máy ảnh tự động cài đặt tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn.
- Sự khác nhau giữa chế độ vùng cơ bản và <P> được giải thích ở trang 274-275.
- Các chức năng giải thích ở chương này cũng có thể sử dụng trong chế độ <Tv>, <Av> và <M> được giải thích ở Chương 4.
- Dấu ☆ hiển thị ở bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (tr.26).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Phơi sáng tự động).

P: Phơi sáng tự động

Máy ảnh sẽ tự động cài đặt tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF đã chọn vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Dấu chấm nằm trong điểm AF khi lấy được nét sẽ chớp sáng đỏ và đèn xác nhận lấy nét <●> ở phần dưới bên phải của khung ngắm sẽ phát sáng (ở chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được cài đặt tự động và hiển thị trong khung ngắm.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.

4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.

⚠ Sử dụng ống kính TS-E để dịch chuyển hay nghiêng ống kính, hoặc sử dụng ống nối có thể không thu được phơi sáng chuẩn hoặc khiến phơi sáng không đều.



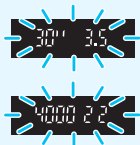
Gợi ý chụp ảnh

● Thay đổi tốc độ ISO. Sử dụng đèn flash tích hợp.

Để chủ thể và mức ánh sáng xung quanh phù hợp với nhau, bạn có thể thay đổi tốc độ ISO (tr.88) hoặc sử dụng đèn flash tích hợp (tr.101). Ở chế độ <P>, đèn flash tích hợp sẽ không tự động đánh sáng. Khi chụp ảnh trong nhà hoặc dưới điều kiện ánh sáng yếu, bạn nên bấm nút <⚡> (flash) để nâng đèn flash tích hợp lên. (Cũng có thể nâng đèn flash tích hợp bằng cách chọn <⚡up> trên màn hình điều khiển nhanh.)

● Điều chỉnh chương trình bằng Thay đổi chương trình.

Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp, xoay nút xoay <⚙️> để thay đổi tổ hợp (chương trình) tốc độ màn trập và cài đặt khẩu độ. Thay đổi chương trình tự động hủy sau khi chụp ảnh. Không thể thay đổi chương trình khi sử dụng flash.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “30”” và chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ hơn nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.
- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “4000” và chỉ số khẩu độ f ở mức lớn hơn nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO.

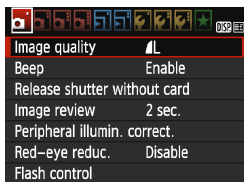


Sự khác nhau giữa <P> và <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh)

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như lấy nét tự động và chế độ đo sáng được cài đặt tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị giới hạn. Ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập lấy nét tự động, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.274).

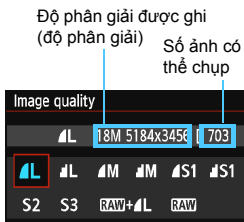
MENU Thiết lập chất lượng ghi ảnh

Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Máy ảnh cung cấp 10 chất lượng ghi ảnh: **L**, **L**, **M**, **M**, **S1**, **S1**, **S2**, **S3**, **RAW** + **L**, **RAW**.



1 Chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)].

- Trong tab [**1**], chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- [Image quality (Chất lượng ảnh)] sẽ xuất hiện.



2 Chọn chất lượng ghi ảnh.

- Độ phân giải của chất lượng ảnh tương ứng số lượng ảnh có thể chụp sẽ hiển thị để giúp bạn chọn chất lượng ảnh mong muốn. Sau đó, nhấn <SET>.

Hướng dẫn về cài đặt chất lượng ghi ảnh (ước chừng)

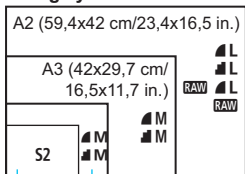
Chất lượng ảnh			Độ phân giải (megapixel)	Kích thước tập tin (MB)	Số ảnh có thể chụp	Số ảnh chụp liên tục tối đa	
 L	Chất lượng cao	JPEG	Khoảng 17,9 (18M)	6,4	1110	69	
 L				3,2	2190	2190	
 M	Chất lượng trung bình		Khoảng 8,0 (8,0M)	3,4	2100	2100	
 M				1,7	4100	4100	
 S1	Chất lượng thấp		Khoảng 4,5 (4,5M)	2,2	3270	3270	
 S1				1,1	6210	6210	
S2			Khoảng 2,5 (2,5M)	1,3	5440	5440	
S3			Khoảng 0,35 (0,3M)	0,3	21060	21060	
 RAW +  L		Chất lượng cao	Khoảng 17,9 (18M)	24,5+6,4	230	4	
 RAW				24,5	290	6	

* Số liệu về kích thước tập tin, số ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tục tối đa dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm trên thẻ 8 GB của Canon (tỷ lệ cỡ ảnh 3:2, ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn). **Số liệu sẽ khác nhau tùy vào chủ thể, thương hiệu thẻ, tỷ lệ cỡ ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các cài đặt khác.**

? Câu hỏi thường gặp

- Tôi muốn chọn chất lượng ghi ảnh phù hợp với khổ giấy in.

Khổ giấy



A4 (29,7x21 cm/11,7x8,3 in.)
12,7x8,9 cm/5,0x3,5 in.

Tham khảo biểu đồ ở bên trái khi chọn chất lượng ghi ảnh. Chọn chất lượng ảnh cao hơn (nhiều điểm ảnh hơn) nếu muốn cất ảnh, ví dụ **L**, **L**, **RAW** + **L** hoặc **RAW**.

S2 thích hợp để xem ảnh trên khung ảnh kỹ thuật số. **S3** thích hợp để gửi ảnh qua email hoặc sử dụng ảnh trên trang web.

- Sự khác nhau giữa **L** và **L** là gì?

Những cài đặt này biểu thị mức độ khác nhau của chất lượng ảnh do tỷ lệ nén khác nhau. **L** cho chất lượng ảnh cao hơn với cùng số lượng điểm ảnh. Mặc dù **L** cho chất lượng ảnh thấp hơn, nhưng có thể lưu nhiều ảnh hơn vào thẻ. Cả **S2** và **S3** đều có chất lượng **L** (Tốt).

- Tôi có thể chụp nhiều ảnh hơn số ảnh có thể chụp được chỉ định.

Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bạn có thể chụp được nhiều hơn hoặc ít hơn số ảnh chỉ định. Số ảnh có thể chụp được hiển thị chỉ mang tính tương đối.

- Máy ảnh có hiển thị số ảnh chụp liên tục tối đa không?

Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị ở bên phải khung ngắm. Do thang đo chỉ có **0 - 9**, nên những số lớn hơn 8 sẽ hiển thị là **"9"**. Lưu ý rằng số ảnh chụp liên tục tối đa cũng hiển thị ngay cả khi không lắp thẻ vào máy ảnh. Đảm bảo lắp thẻ vào máy ảnh trước khi chụp.

- Khi nào thì tôi nên sử dụng **RAW**?

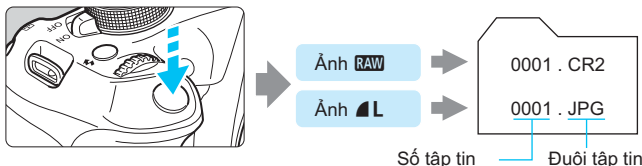
Ảnh **RAW** cần được xử lý với máy tính. Để biết chi tiết, tham khảo **"RAW"** và **"RAW" + L** ở trang tiếp theo.

RAW

RAW là dữ liệu ảnh thô trước khi được tạo thành **■L** hoặc các ảnh khác. Không thể xem ảnh **RAW** trên máy tính nếu không sử dụng phần mềm EOS, như Digital Photo Professional (phần mềm đi kèm, tr.318). Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện nhiều điều chỉnh khác nhau trên ảnh, điều không khả thi đối với các định dạng ảnh khác như **■L**. Ảnh **RAW** có hiệu quả khi bạn muốn tự điều chỉnh chính xác ảnh hoặc chụp chủ thể quan trọng.

RAW + ■L

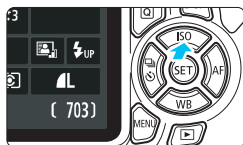
RAW + ■L cho phép ghi ảnh **RAW** và ảnh **■L** trong một lần chụp. Hai ảnh được lưu vào thẻ cùng lúc và lưu trong một thư mục với số thứ tự tập tin giống nhau (đuôi tập tin .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW). Ngoài ra, có thể xem hoặc in ảnh **■L** ngay cả khi máy tính không cài đặt phần mềm EOS.

**Phần mềm xử lý ảnh RAW**

- Nên sử dụng “Digital Photo Professional” (phần mềm EOS, tr.318) khi xem ảnh RAW trên máy tính.
- Phiên bản cũ của Digital Photo Professional có thể không xử lý được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Nếu đã cài đặt phiên bản cũ của Digital Photo Professional trên máy tính, hãy cập nhật (ghi đề) phần mềm như sau.
 - Khi đĩa CD-ROM (EOS DIGITAL Solution Disk) của phần mềm đi kèm với máy ảnh:
 - Cài đặt Digital Photo Professional từ đĩa CD-ROM.
 - Khi đĩa CD-ROM (EOS DIGITAL Solution Disk) của phần mềm không đi kèm với máy ảnh:
 - Tải phiên bản phần mềm Digital Photo Professional tương thích với máy ảnh này từ trang web của Canon.
 - Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

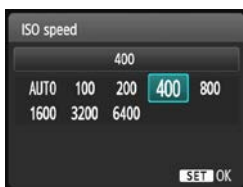
ISO: Thay đổi tốc độ ISO ☆

Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy ánh sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Ở chế độ vùng cơ bản, tốc độ ISO được cài đặt tự động (tr.89).



1 Nhấn nút <▲ ISO>.

- ▶ [ISO speed (Tốc độ ISO)] sẽ xuất hiện.



2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn tốc độ ISO mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Khi chọn [AUTO (Tự động)], tốc độ ISO sẽ được cài đặt tự động (tr.89).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

Tốc độ ISO	Tình huống chụp (Không sử dụng flash)	Phạm vi flash
ISO 100 - 400	Ngoài trời nắng	Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash càng mở rộng hơn (tr.101).
ISO 400 - 1600	Bầu trời u ám hoặc buổi tối	
ISO 1600 - 6400, H	Trong nhà tối hoặc ban đêm	

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.

- Trong [☛3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu [2: ISO expansion (Mở rộng ISO)] được đặt thành [1: On (Bật)], thì có thể thiết lập "H" (tương đương với ISO 12800) (tr.258).
- Trong [☛3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu [10: Flash button function (Chức năng của nút flash)] được đặt thành [1: ISO speed (Tốc độ ISO)], thì có thể thiết lập tốc độ ISO với nút <☛>.

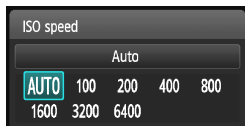


- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn) (Tính năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**1: Enable (Bật)**], thì không thể thiết lập ISO 100 và “H” (tương đương với ISO 12800) (tr.261).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể khiến ảnh bị nhiều hạt nhiều hơn. Phơi sáng lâu cũng có thể khiến màu trong ảnh không đồng đều.



- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dài).
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.
- Do “H” (tương đương với ISO 12800) là cài đặt tốc độ ISO mở rộng, nhiều hạt (ví dụ như điểm sáng và dài) và các màu không đồng đều sẽ nhìn thấy rõ hơn và độ phân giải sẽ thấp hơn bình thường.

ISO [AUTO (Tự động)]



Nếu đặt tốc độ ISO thành [**AUTO (Tự động)**], tốc độ ISO thực tế được thiết lập sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp. Như hướng dẫn trong trang tiếp theo, tốc độ ISO sẽ được tự động cài đặt phù hợp với chế độ chụp.

Chế độ chụp	Cài đặt tốc độ ISO
      	Tự động cài đặt trong khoảng ISO 100 - 3200
P/Tv/Av/M ^{*1}	Tự động cài đặt trong khoảng ISO 100 - 6400 ^{*2}
	ISO 100
Sử dụng flash	ISO 800 ^{*3*4*5}

*1: Cố định ở ISO 800 cho phơi sáng Bulb.

*2: Tùy thuộc vào giới hạn tốc độ ISO tối đa được cài đặt.

*3: Nếu đèn flash bổ sung khiến ảnh quá sáng, tốc độ ISO 100 hoặc cao hơn sẽ được cài đặt.

*4: Khi sử dụng flash phản xạ với đèn Speedlite ngoài trong chế độ vùng cơ bản (ngoại trừ chế độ < >) hoặc <**P**>, ISO 800 - 1600 (hoặc lên đến giới hạn tối đa) sẽ được đặt tự động.

*5: Cố định ở ISO 400 nếu giới hạn tối đa là ISO 400.



- Khi đặt [**AUTO (Tự động)**], tốc độ ISO được biểu thị ở mức tăng chẵn. Tuy nhiên, tốc độ ISO thực sự được thiết lập sẽ ở mức tăng thấp hơn. Do đó, thông tin chụp ảnh (tr.229) sẽ hiển thị tốc độ ISO ví dụ như ISO 125 hoặc 640.
- Trong chế độ < >, tốc độ ISO trong bảng thực sự được thiết lập ngay cả khi ISO 100 không hiển thị.

MENU Thiết lập tốc độ ISO tối đa cho [ISO Auto (ISO tự động)] ☆

Đối với ISO tự động, bạn có thể thiết lập giới hạn tốc độ ISO tối đa trong khoảng ISO 400 - ISO 6400.



Trong tab [ 3], chọn [**ISO Auto (ISO tự động)**], rồi nhấn < >. Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn < >.

Đặc tính ảnh tối ưu cho chủ thể ☆

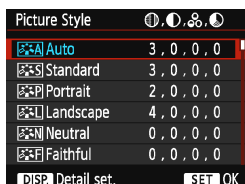
Chọn kiểu ảnh để đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp.

Ở chế độ vùng cơ bản, bạn không thể chọn kiểu ảnh.



1 Chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)].

- Trong tab [ 2], chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



2 Chọn kiểu ảnh.

- Nhấn phím <▲> <▼> để chọn kiểu ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Kiểu ảnh được cài đặt và menu xuất hiện lại.

Đặc tính kiểu ảnh

Auto (Tự động)

Tông màu được tự động điều chỉnh phù hợp với cảnh. Tông màu trông rực rỡ, đặc biệt với bầu trời xanh, cỏ cây và hoàng hôn trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và cảnh hoàng hôn.

 Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với [Auto (Tự động)].

Standard (Chuẩn)

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.

Portrait (Chân dung)

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mịn hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi [Color tone (Tông màu)] (tr.123) để điều chỉnh tông màu da.

Landscape (Phong cảnh)

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong trẻo và sắc nét hơn. Có hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.

Neutral (Trung tính)

Phù hợp với người sử dụng thích xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu sắc tự nhiên và hình ảnh dịu.

Faithful (Chân thực)

Phù hợp với người sử dụng thích xử lý ảnh trên máy tính. Khi chủ thể được chụp ở nhiệt độ dưới 5200K, màu sắc được điều chỉnh với thiết bị đo màu để phù hợp với màu sắc của chủ thể. Ảnh sẽ trông có màu dịu.

Monochrome (Đơn sắc)

Tạo ảnh đen trắng.



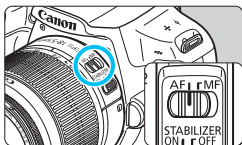
Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở các định dạng khác ngoại trừ **RAW**. Nếu bạn muốn chụp ảnh màu, đảm bảo đã hủy cài đặt [**Monochrome (Đơn sắc)**]. Khi chọn [**Monochrome (Đơn sắc)**], <**B/W**> sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)

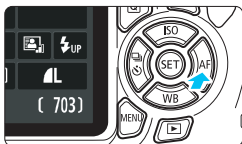
Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như [**Portrait (Chân dung)**], [**Landscape (Phong cảnh)**], tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.125). Kiểu ảnh người dùng xác định chưa cài đặt có cài đặt mặc định giống với [**Auto (Tự động)**].

AF: Thay đổi thao tác lấy nét tự động ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF (autofocus - lấy nét tự động) phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác lấy nét tự động tối ưu được tự động thiết lập cho chế độ chụp tương ứng.

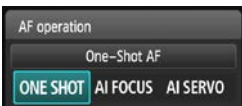


1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.



2 Nhấn nút <▶ AF>.

▶ [AF operation (Thao tác lấy nét tự động)] sẽ xuất hiện.



3 Chọn thao tác lấy nét tự động.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <⬇️⬆️⬇️> để chọn thao tác lấy nét tự động mong muốn, rồi nhấn <SET>.

4 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, máy ảnh sẽ tự động lấy nét bằng thao tác lấy nét tự động đã chọn.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, dấu chấm nằm trong điểm AF sẽ nhấp sáng đỏ và đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
- Đối với đo sáng toàn khung ảnh (tr.111), cài đặt phơi sáng được thiết lập cùng lúc lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu không lấy được nét, đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh, lấy nét lại hoặc tham khảo phần “Chủ thể khó lấy nét” (tr.97).
- Nếu đặt [●1: Beep (Bíp)] thành [Disable (Tắt)], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.

Lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục) cho chủ thể chuyển động

Thao tác lấy nét tự động này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chọn điểm AF (tr.95) tự động, máy ảnh sử dụng điểm AF trung tâm trước tiên để lấy nét. Trong khi tự động lấy nét, nếu chủ thể di chuyển ra xa điểm AF trung tâm, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong một điểm AF khác.



Với lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục), tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI tự động chuyển đổi thao tác lấy nét tự động

Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục) khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, khi chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thành lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục) và duy trì theo dõi chủ thể chuyển động.

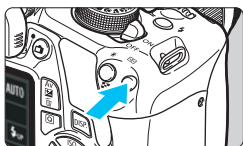


Khi chế độ Servo được kích hoạt, nếu lấy được nét với thao tác Lấy nét tự động AI, máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp nhỏ. Tuy nhiên, đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng lấy nét sẽ không khóa trong trường hợp này.

Chọn điểm AF ☆

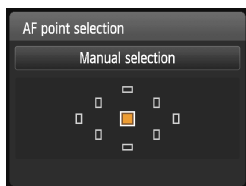
Ở chế độ vùng cơ bản, máy ảnh thường tự động lấy nét chủ thể gần nhất. Do đó, không phải lúc nào máy ảnh cũng lấy nét vào chủ thể cần chụp.

Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av> và <M>, bạn có thể chọn và sử dụng điểm AF để lấy nét chủ thể cần chụp.



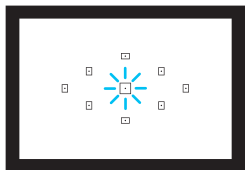
1 Nhấn nút < >. (Ổ6)

- ▶ Điểm AF được chọn sẽ hiển thị trên màn hình LCD và trong khung ngắm.



2 Chọn điểm AF.

- Nhấn phím chéo < > để chọn điểm AF.
- Trong khi xem khung ngắm, bạn có thể chọn điểm AF bằng cách xoay nút xoay < > đến khi điểm AF mong muốn nhấp sáng đỏ.
- Khi tất cả các điểm AF nhấp sáng, chọn điểm AF tự động được thiết lập. Điểm AF sẽ được chọn tự động để lấy nét chủ thể.
- Nhấn < > để chuyển trạng thái chọn điểm AF giữa chọn điểm AF trung tâm và điểm AF tự động.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF được chọn vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.



Gợi ý chụp ảnh

- **Khi chụp chân dung cận cảnh, sử dụng lấy nét một lần và lấy nét đôi mắt.**
Nếu lấy nét đôi mắt, khuôn mặt chủ thể vẫn sắc nét ngay cả khi bố cục lại ảnh.
- **Nếu khó lấy nét, chọn và sử dụng điểm AF trung tâm.**
Điểm AF trung tâm là điểm nhạy nhất trong 9 điểm AF.
- **Để dễ dàng lấy nét chủ thể chuyển động, đặt máy ảnh thành chọn điểm AF tự động và lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục) (tr.94).**
Điểm AF trung tâm sẽ được sử dụng trước tiên để lấy nét chủ thể. Trong khi tự động lấy nét, nếu chủ thể di chuyển ra xa điểm AF trung tâm, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong một điểm AF khác.

Tia giúp lấy nét với đèn flash tích hợp

Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi nhấn nửa chừng nút chụp, flash tích hợp sẽ đánh một loạt flash ngắn, giúp chiếu sáng chủ thể để lấy nét tự động dễ dàng hơn.



- Đèn flash tích hợp sẽ không phát tia giúp lấy nét trong các chế độ sau: ,  và .
- Tia giúp lấy nét không thể phát ra với thao tác lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục).
- Phạm vi hiệu quả của tia giúp lấy nét được phát ra bởi flash tích hợp là khoảng 4 m/13,1 ft.
- Ở chế độ vùng sáng tạo, khi tăng flash tích hợp bằng nút  (tr.101), tia giúp lấy nét sẽ phát ra khi cần. Lưu ý rằng tùy thuộc vào cài đặt cho [7: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)] trong [43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], tia giúp lấy nét có thể không phát ra (tr.262).



Khi sử dụng ống nổi (bán riêng), nếu chỉ số khẩu độ f lớn hơn f/5.6, chụp AF sẽ không thực hiện được (ngoại trừ trong chế độ [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và [Live mode (Chế độ Live)] trong khi chụp Live View). Để biết chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của ống nổi.

Chủ thể khó lấy nét

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn xác nhận lấy nét của khung ngắm <●> sẽ nhấp nháy) đối với các chủ thể sau đây:

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: bầu trời xanh, mặt phẳng đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Các chủ thể hoàn toàn ngược sáng và phản chiếu
(Ví dụ: ô tô với thân xe có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa nằm trong cùng một điểm AF
(Ví dụ: động vật trong chuồng, v.v...)
- Các dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: cửa sổ của tòa nhà chọc trời, bàn phím máy tính, v.v...)

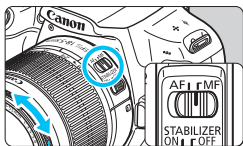
Trong những trường hợp này, cần thực hiện một trong hai thao tác sau:

- (1) Đối với lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét trước khi bố cục lại (tr.59).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét bằng tay.



Đối với các chủ thể khó lấy nét trong khi chụp Live View với [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và [Live mode (Chế độ Live)], tham khảo trang 146.

MF: Lấy nét bằng tay



Vòng lấy nét

1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

2 Lấy nét chủ thể.

- Lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.



Nếu nhấn nửa chừng nút chụp trong khi lấy nét bằng tay, điểm AF lấy được nét sẽ nhấp sáng đỏ và phát ra tiếng bíp, đồng thời đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ sáng lên.

Chụp liên tục ☆

Bạn có thể chụp tối đa khoảng 3 ảnh/giây. Tính năng này hiệu quả khi chụp trẻ đang chạy về phía bạn hoặc chụp các biểu cảm khác nhau của khuôn mặt.



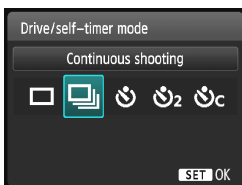
1 Nhấn nút <◀▶>.

2 Chọn <▶>.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn chụp liên tục <▶>, rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Máy ảnh sẽ chụp liên tục khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp.



Gợi ý chụp ảnh

Thiết lập thao tác lấy nét tự động (tr.93) phù hợp với chủ thể.

• Đối với chủ thể chuyển động

Khi đặt lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục), máy ảnh sẽ liên tục lấy nét trong quá trình chụp liên tục.

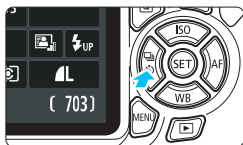
• Đối với chủ thể tĩnh

Khi đặt lấy nét một lần, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần trong quá trình chụp liên tục.



- Trong [**43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu [**5: High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**] được đặt thành [**2: Strong (Mạnh)**] (tr.261), số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ bị giảm đáng kể. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể sẽ chậm hơn.
- Khi mức pin thấp, tốc độ chụp liên tục cũng sẽ chậm hơn.
- Trong thao tác lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục), tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào chủ thể và ống kính được sử dụng.
- Tốc độ chụp liên tục cũng có thể bị giảm khi chụp trong nhà hoặc dưới điều kiện ánh sáng yếu.

🔍 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ



1 Nhấn nút <◀▶>.

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

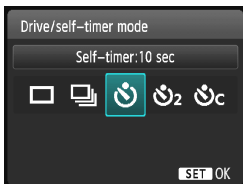
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <⚙️> để chọn chế độ chụp hẹn giờ, rồi nhấn <SET>.

🕒 : Hẹn giờ 10 giây

🕒₂ : Hẹn giờ 2 giây*

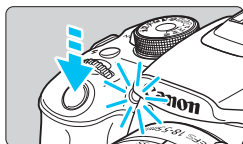
🕒_c : Hẹn giờ 10 giây và chụp liên tục

 Nhấn các phím <▲> <▼> để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ.



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.



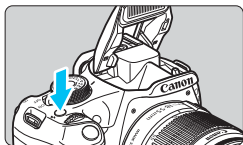
- ▶ Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên màn hình LCD.
- ▶ 2 giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và tiếng bíp phát ra nhanh hơn.

- ❗ Với <🕒>, khoảng thời gian giữa nhiều lần chụp có thể kéo dài hơn tùy thuộc vào điều kiện chụp ví dụ như chất lượng ghi ảnh hoặc flash.
- Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đẩy nắp thị kính lại (tr.269). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.

-  ● Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.80) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi chỉ sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.59) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Để hủy chế độ chụp hẹn giờ sau khi đã khởi động, nhấn nút <◀▶>.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Trong điều kiện trong nhà, ánh sáng yếu hoặc ngược sáng vào ban ngày, bạn chỉ cần nâng đèn flash tích hợp lên và nhấn nút chụp để chụp ảnh có flash. Ở chế độ <P>, tốc độ màn trập (1/60 giây - 1/200 giây) sẽ được tự động thiết lập để tránh rung máy.



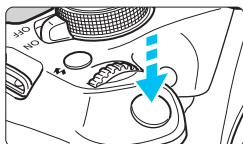
1 Nhấn nút <⚡>.

- Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể nhấn nút <⚡> để chụp ảnh có flash.
- Khi đèn flash đang nạp, “**buSY**” hiển thị trong khung ngắm và [**BUSY⚡ (Bận⚡)**] hiển thị trên màn hình LCD.



2 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Đảm bảo rằng biểu tượng <⚡> ở phần dưới bên trái khung ngắm phát sáng.



3 Chụp ảnh.

- Khi lấy được nét và bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, đèn flash sẽ làm sáng ảnh.

Phạm vi flash hiệu quả

(Giá trị gần đúng bằng m/ft.)

Tốc độ ISO (tr.88)	EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II	
	Góc rộng: f/3,5	Chụp xa: f/5,6
ISO 100	1-2.6 / 3.3-8.5	1-1.6 / 3.3-5.2
ISO 200	1-3.7 / 3.3-12.1	1-2.3 / 3.3-7.5
ISO 400	1-5.3 / 3.3-17.4	1-3.3 / 3.3-10.8
ISO 800/AUTO (Tự động)*	1-7.4 / 3.3-24.3	1-4.6 / 3.3-15.1
ISO 1600	1.3-10.5 / 4.3-34.4	1-6.6 / 3.3-21.7
ISO 3200	1.9-14.9 / 6.2-48.9	1.2-9.3 / 3.9-30.5
ISO 6400	2.6-21.0 / 8.5-68.9	1.6-13.1 / 5.2-43.0
H: ISO 12800	3.7-29.7 / 12.1-97.4	2.3-18.6 / 7.5-61.0

* Khi sử dụng flash bổ sung, tốc độ ISO có thể được đặt thấp hơn ISO 800.



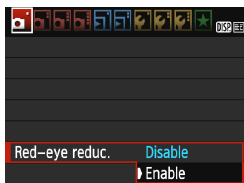
Gợi ý chụp ảnh

- **Nếu chủ thể ở quá xa, cần tăng tốc độ ISO (tr.88).**
Có thể mở rộng phạm vi flash bằng cách tăng tốc độ ISO.
- **Trong ánh sáng chói, cần giảm tốc độ ISO.**
Giảm tốc độ ISO nếu cài đặt phơi sáng trong khung ngắm nhấp nháy.
- **Tháo loa che nắng. Không đứng ở quá gần chủ thể.**
Nếu ống kính có lắp loa che nắng hoặc bạn ở quá gần chủ thể, phần dưới cùng của ảnh có thể bị tối do flash bị che khuất. Với những ảnh quan trọng, kiểm tra ảnh trên màn hình LCD để đảm bảo phơi sáng flash trông tự nhiên (không bị tối ở phần dưới cùng).

MENU Giảm mắt đỏ

Sử dụng đèn giảm mắt đỏ trước khi chụp ảnh có flash có thể làm giảm mắt đỏ.

Giảm mắt đỏ có tác dụng ở mọi chế độ chụp ngoại trừ <[📷]>, <[🏔️]>, <[🏠]> hoặc <[🗣️]>.



- Trong tab [📷1], chọn [Red-eye reduc. (Giảm mắt đỏ)], rồi nhấn <[SET]>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <[SET]>.
- Để chụp ảnh có flash, khi nhấn nửa chừng nút chụp, đèn giảm mắt đỏ sẽ phát sáng. Sau đó, khi nhấn hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp.



- Tính năng giảm mắt đỏ có hiệu quả nhất khi chủ thể nhìn vào đèn giảm mắt đỏ, khi căn phòng được chiếu sáng tốt hay khi bạn ở gần chủ thể.
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, hiển thị tỷ lệ ở dưới cùng khung ngắm sẽ thu lại và tắt đi. Chụp ảnh sau khi tắt hiển thị tỷ lệ để có kết quả tốt nhất.
- Hiệu quả của giảm mắt đỏ sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể.



4

Chụp nâng cao

Chương này dựa trên Chương 3 và giới thiệu thêm các cách chụp ảnh hiệu quả.

- Phần nửa đầu của chương giải thích cách sử dụng các chế độ **<Tv>**, **<Av>** và **<M>** trên nút xoay chế độ.
- Tất cả các chức năng giải thích trong Chương 3 cũng có thể sử dụng trong các chế độ **<Tv>**, **<Av>** và **<M>**.
- Để tìm hiểu các chức năng có thể sử dụng trong từng chế độ chụp, tham khảo trang 274.
- Dấu ☆ hiển thị ở bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (tr.26).

Vạch chỉ nút xoay chính

 1/125 

 F5.6 

 3..2..1..0..1..2..3 

Biểu tượng kim  hiển thị cùng với tốc độ màn trập, khẩu độ hoặc bù trừ phơi sáng biểu thị bạn có thể xoay nút xoay  để điều chỉnh cài đặt tương ứng.

Tv : Truyền tải chuyển động của chủ thể

Trong chế độ <Tv> (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập), bạn có thể làm dừng chuyển động của chủ thể hoặc làm mờ chủ thể để tạo hiệu quả động cho ảnh.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)



Làm dừng chuyển động
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Tham khảo “Gợi ý chụp ảnh” để xem lời khuyên về cách thiết lập tốc độ màn trập.
- Xoay nút xoay <P> sang phải sẽ thiết lập tốc độ màn trập nhanh hơn và xoay nút xoay sang trái sẽ thiết lập tốc độ chậm hơn.



3 Chụp ảnh.

- Khi bạn lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp ở tốc độ màn trập đã chọn.



Hiển thị tốc độ màn trập

Màn hình LCD hiển thị tốc độ màn trập ở dạng phân số. Tuy nhiên, khung ngắm chỉ hiển thị mẫu số. “0”5” biểu thị 0,5 giây và “15”” là 15 giây.



Gợi ý chụp ảnh

- **Để làm dừng chuyển động của chủ thể di chuyển nhanh**
Sử dụng tốc độ màn trập nhanh như 1/4000 giây đến 1/500 giây.
- **Để làm mờ trẻ em hoặc động vật đang chạy để truyền tải chuyển động một cách ấn tượng**
Sử dụng tốc độ màn trập trung bình chẳng hạn như 1/250 giây đến 1/30 giây. Theo dõi chủ thể chuyển động qua khung ngắm và nhấn nút chụp để chụp ảnh. Nếu sử dụng ống kính tele, giữ vững ống kính để tránh rung máy.
- **Để làm mờ dòng sông hoặc vòi phun nước đang chảy**
Sử dụng tốc độ màn trập chậm với 1/30 giây trở xuống. Sử dụng chân máy để tránh rung máy khi cầm tay.

- **Thiết lập tốc độ màn trập để thông số khẩu độ không nhấp nháy.**

Nếu nhấn nửa chừng nút chụp và thay đổi tốc độ màn trập khi khẩu độ hiển thị, thông số khẩu độ cũng sẽ thay đổi để duy trì cùng một độ phơi sáng (lượng ánh sáng chiếu đến cảm biến hình ảnh). Nếu vượt quá phạm vi khẩu độ có thể điều chỉnh, thông số khẩu độ sẽ nhấp nháy để biểu thị không thể có được phơi sáng chuẩn.



Nếu phơi sáng quá tối, khẩu độ tối đa (số nhỏ nhất) sẽ nhấp nháy. Để đạt được phơi sáng chuẩn, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập tốc độ màn trập chậm hơn hoặc tăng tốc độ ISO.

Nếu phơi sáng quá sáng, khẩu độ tối thiểu (số cao nhất) sẽ nhấp nháy. Để đạt được phơi sáng chuẩn, xoay nút xoay <  > sang phải để thiết lập tốc độ màn trập nhanh hơn hoặc giảm tốc độ ISO.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập tự động. Có thể đặt tốc độ màn trập từ 1/200 giây đến 30 giây.

Av : Thay đổi độ sâu trường ảnh

Để làm mờ hậu cảnh hoặc làm cho các vật thể gần và xa trông sắc nét, đặt nút xoay chế độ thành **<Av>** (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) để điều chỉnh độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).

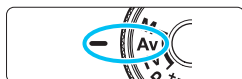
* **<Av>** là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ), là kích thước của lỗ chắn sáng bên trong ống kính.



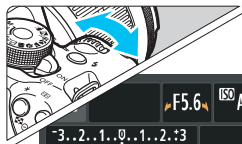
Hậu cảnh mờ
(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: f/5.6)



Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét
(Với chỉ số khẩu độ f lớn: f/32)



1 Đặt nút xoay chế độ thành **<Av>**.



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Chỉ số khẩu độ f càng lớn, độ sâu trường ảnh càng rộng, tiền cảnh và hậu cảnh đều sắc nét.
- Xoay nút xoay  sang phải để thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mờ khẩu độ nhỏ hơn) và xoay nút xoay sang trái sẽ thiết lập chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mờ khẩu độ lớn hơn).



3 Chụp ảnh.

- Lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp. Ảnh sẽ được chụp với khẩu độ đã chọn.



Thông số khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mờ của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Khẩu độ hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị "00".



Gợi ý chụp ảnh

- Khi sử dụng khẩu độ có chỉ số khẩu độ f cao hoặc chụp trong điều kiện ánh sáng yếu, lưu ý rằng có thể xảy ra rung máy.**
 Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tốc độ màn trập chậm hơn. Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể dài tới 30 giây. Trong những trường hợp này, vui lòng tăng tốc độ ISO và giữ vững máy ảnh hoặc sử dụng chân máy.
- Độ sâu trường ảnh không chỉ phụ thuộc vào khẩu độ mà còn phụ thuộc vào ống kính và khoảng cách của chủ thể.**
 Do các ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng (phạm vi lấy nét hợp lý ở phía trước và phía sau điểm lấy nét), nên không cần thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn để có được hình ảnh sắc nét từ tiền cảnh đến hậu cảnh. Ngược lại, ống kính tele có độ sâu trường ảnh hẹp.
 Chủ thể càng gần, độ sâu trường ảnh càng hẹp. Chủ thể ở xa hơn sẽ có độ sâu trường ảnh rộng hơn.
- Thiết lập khẩu độ để thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy.**

Nếu nhấn nửa chừng nút chụp và thay đổi khẩu độ khi tốc độ màn trập hiển thị, thông số tốc độ màn trập cũng sẽ thay đổi để duy trì cùng độ phơi sáng (lượng ánh sáng chiếu đến cảm biến hình ảnh).

Nếu vượt quá phạm vi tốc độ màn trập có thể điều chỉnh, thông số tốc độ màn trập sẽ nhấp nháy biểu thị không thể có được phơi sáng chuẩn.

Nếu ảnh quá tối, thông số tốc độ màn trập “30” (30 giây) sẽ nhấp nháy. Để đạt được phơi sáng chuẩn, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn hoặc tăng tốc độ ISO.

Nếu ảnh quá sáng, thông số tốc độ màn trập “4000” (1/4000 giây) sẽ nhấp nháy. Để đạt được phơi sáng chuẩn, xoay nút xoay <  > sang phải để thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn hơn hoặc giảm tốc độ ISO.



⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động để phù hợp với khẩu độ đã đặt (phơi sáng flash tự động). Tốc độ màn trập sẽ được thiết lập tự động từ 1/200 giây - 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Trong điều kiện ánh sáng yếu, chủ thể chính được phơi sáng với đo sáng flash tự động và hậu cảnh phơi sáng với tốc độ màn trập chậm được thiết lập tự động. Cả chủ thể và hậu cảnh trông như được phơi sáng chuẩn (đồng bộ flash tốc độ chậm tự động). Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [**⚡3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**3: Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**2: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**] (tr.259).

MENU Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (chấn sáng) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp. Bạn có thể thực hiện theo quy trình bên dưới để kiểm tra độ sâu trường ảnh trước khi chụp.

1 Bật xem trước độ sâu trường ảnh sẽ sử dụng.

- Trong [**⚡3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**9: Assign SET button (Chỉ định nút SET)**] thành [**4: Depth-of-field preview (Xem trước độ sâu trường ảnh)**] (tr.264).
- Để tìm hiểu chi tiết về các cài đặt chức năng tùy chỉnh, tham khảo trang 256.

2 Thoát menu.

- Nhấn nút <MENU> 2 lần để thoát menu.

3 Nhấn nút <SET>.

- ▶ Khẩu độ sẽ được thu hẹp để bạn có thể xem độ sâu trường ảnh.

 Nhấn giữ nút <SET> trong khi xem ảnh Live View (tr.134), bạn có thể thay đổi khẩu độ và xem độ sâu trường ảnh thay đổi như thế nào.

M: Phơi sáng bằng tay

Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ bằng tay theo mong muốn. Khi xem thang đo sáng trong khung ngắm, bạn có thể thiết lập phơi sáng theo mong muốn. Phương pháp này được gọi là phơi sáng bằng tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Bằng tay).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.



2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.88).



<Av []> + < []>

3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay < []>.
- Để thiết lập khẩu độ, nhấn giữ nút <Av []> và xoay nút xoay < []>.

Chỉ số phơi sáng chuẩn



Kim đo sáng

4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Cài đặt phơi sáng sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Kim đo sáng < []> cho biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn.

5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.
- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 2 điểm, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị < []> hoặc < []> trong khung ngắm. (Trên màn hình LCD, nếu mức phơi sáng cao hơn ± 3 điểm dừng, biểu tượng < []> sẽ nhấp nháy ở vị trí <-3> hoặc <+3> hiển thị.)

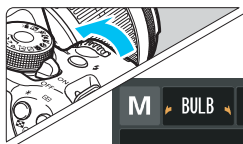


- Nếu đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.119) thành cài đặt khác ngoại trừ [Disable (Tắt)], ảnh có thể vẫn đủ sáng ngay cả khi đã thiết lập phơi sáng tối hơn.
- Nếu thiết lập ISO tự động, cài đặt tốc độ ISO sẽ thay đổi phù hợp với tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có được phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập bằng tay. Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập từ 1/200 giây đến 30 giây hoặc phơi sáng Bulb.

BULB: Phơi sáng Bulb



Thời gian đã phơi sáng

Phơi sáng Bulb giữ cho màn trập mở khi vẫn nhấn giữ nút chụp. Bạn có thể sử dụng chức năng phơi sáng lâu để chụp pháo hoa và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu.

Ở bước 3 trong trang trước, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập <BULB (Phơi sáng Bulb)>. Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên màn hình LCD.

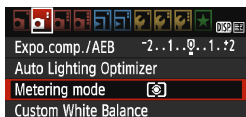
- ⚠ Trong khi phơi sáng Bulb, không hướng máy ảnh về nguồn sáng mạnh, như mặt trời vào ngày nắng hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Vì phơi sáng Bulb gây nhiễu hơn bình thường nên ảnh có thể hơi nhiễu hạt.
- Bạn có thể giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu bằng cách đặt [4: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)] trong [43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] thành [1: Auto (Tự động)] hoặc [2: On (Bật)] (tr.260).
- Nếu đặt ISO Auto (ISO tự động) cho phơi sáng Bulb, tốc độ ISO sẽ được cố định ở ISO 800 (tr.90).

 Khi dùng phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy và công tắc điều khiển từ xa (bán riêng, tr.269).

Thay đổi chế độ đo sáng ☆

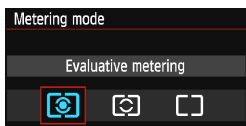
Máy cung cấp 3 phương pháp (chế độ đo sáng) để đo độ sáng của chủ thể. Thông thường, nên sử dụng đo sáng toàn khung ảnh.

Ở chế độ vùng cơ bản, chọn tự động được tự động thiết lập.



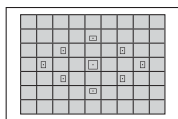
1 Chọn [Metering mode (Chế độ đo sáng)].

- Trong tab [ 2], chọn [Metering mode (Chế độ đo sáng)], rồi nhấn <SET>.



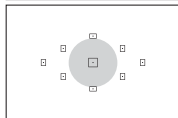
2 Thiết lập chế độ đo sáng.

- Chọn chế độ đo sáng mong muốn, rồi nhấn <SET>.



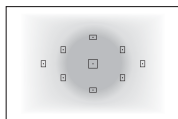
Evaluative metering (Đo sáng toàn khung ảnh)

Đây là chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động thiết lập phơi sáng để phù hợp với cảnh.



Partial metering (Đo sáng từng phần)

Có hiệu quả khi hậu cảnh sáng hơn nhiều so với chủ thể do ngược sáng, v.v... Vùng xám ở hình bên trái là nơi độ sáng được đo để có phơi sáng chuẩn.



Center-weighted average metering (Đo sáng trung bình trung tâm)

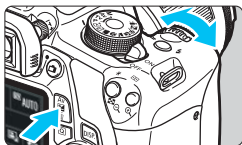
Đo độ sáng ở trung tâm ảnh và sau đó lấy trung bình cho toàn cảnh. Chế độ đo sáng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp.

 Trong chế độ  (Đo sáng toàn khung ảnh), cài đặt phơi sáng sẽ khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và lấy được nét. Với  (Đo sáng từng phần) và  (Đo sáng trung bình trung tâm), cài đặt phơi sáng được thiết lập vào thời điểm phơi sáng. (Cài đặt phơi sáng không bị khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp.)

Thiết lập bù trừ phơi sáng ☆

Av Thiết lập bù trừ phơi sáng

Thiết lập bù trừ phơi sáng nếu độ phơi sáng (không sử dụng flash) không đạt hiệu quả như mong muốn. Có thể sử dụng tính năng này ở các chế độ Vùng cơ bản (ngoại trừ <M>). Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng.



Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



Phơi sáng tối



Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn

Làm ảnh sáng hơn:

Nhấn giữ nút <Av  > và xoay nút xoay <  > sang phải (tăng phơi sáng).

Làm ảnh tối hơn:

Nhấn giữ nút <Av  > và xoay nút xoay <  > sang trái (giảm phơi sáng).

- ▶ Mức phơi sáng hiển thị trên màn hình LCD và trong khung ngắm như hình minh họa.

- Sau khi chụp ảnh, hủy bù trừ phơi sáng bằng cách đặt về 0.



- Lượng bù trừ phơi sáng hiển thị trong khung ngắm chỉ tăng lên tối đa ± 2 điểm dừng. Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 2 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.
- Nếu muốn thiết lập bù trừ phơi sáng vượt quá ± 2 điểm dừng, chỉnh với [ 2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] (tr.114) hoặc với màn hình điều khiển nhanh (tr.46).

Bù trừ phơi sáng flash

Thiết lập bù trừ phơi sáng flash nếu phơi sáng flash của chủ thể không đạt hiệu quả như mong muốn. Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 2 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng.



1 Nhấn nút >. (Ồ10)

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện (tr.46).



2 Chọn [].

- Nhấn phím chéo <> để chọn [*].
- ▶ [Flash exposure comp. (Bù trừ phơi sáng flash)] sẽ hiển thị ở cuối màn hình.



3 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

- Để làm phơi sáng flash sáng hơn, xoay nút xoay <> sang phải (tăng phơi sáng).
Để làm phơi sáng flash tối hơn, xoay nút xoay <> sang trái (giảm phơi sáng).
- ▶ Khi nhấn nửa chừng nút chụp, biểu tượng <> sẽ xuất hiện trong khung ngắm.
- Sau khi chụp, hủy bù trừ phơi sáng bằng cách đặt về 0.

 Nếu đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.119) thành cài đặt khác với [Disable (Tắt)], ảnh có thể sáng ngay cả khi đã giảm phơi sáng hoặc giảm phơi sáng flash.

 Bạn cũng có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash bằng [Built-in flash func. settings (Cài đặt chức năng flash tích hợp)] trong [1: Flash control (Điều khiển flash)] (tr.196).

MENU Phơi sáng hỗn hợp tự động ☆

Tính năng này sẽ tăng bù trừ phơi sáng lên một mức bằng cách tự động thay đổi phơi sáng (tối đa ± 2 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng) với 3 ảnh như minh họa bên dưới. Sau đó, bạn có thể chọn phơi sáng tốt nhất.

Tính năng này được gọi là AEB (Auto Exposure Bracketing - Phơi sáng hỗn hợp tự động).



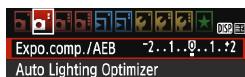
Phơi sáng chuẩn



Phơi sáng tối hơn
(Giảm phơi sáng)

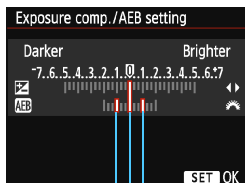


Phơi sáng sáng hơn
(Tăng phơi sáng)



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

- Trong tab [2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay < > để thiết lập phạm vi AEB.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng. Nếu AEB kết hợp với bù trừ phơi sáng, AEB sẽ được chỉnh về chính giữa lượng bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <SET> để thiết lập.
- Khi nhấn nút <MENU> để thoát menu, phạm vi AEB sẽ hiển thị trên màn hình LCD.



3 Chụp ảnh.

- Lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp. 3 ảnh bù sáng sẽ chụp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.

Hủy AEB

- Thực hiện các bước 1 và 2 để tắt hiển thị phạm vi AEB.
- Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> hoặc quá trình nạp đèn flash đã hoàn tất, v.v... cài đặt AEB cũng sẽ tự động hủy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng AEB khi chụp liên tục**
Nếu đặt thành chụp liên tục <[]> (tr.98) và nhấn hoàn toàn nút chụp, 3 ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp liên tiếp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- **Sử dụng AEB khi chụp từng ảnh <[]>**
Nhấn nút chụp 3 lần để chụp 3 ảnh bù sáng. 3 ảnh bù sáng sẽ được phơi sáng theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- **Sử dụng AEB khi chụp hẹn giờ**
Nếu bạn sử dụng chụp hẹn giờ <[]> <[]> (tr.100), 3 ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp liên tiếp sau 10 giây hoặc 2 giây. Khi đặt thành <[]> (tr.100), số ảnh chụp liên tục sẽ gấp 3 lần số lượng đã đặt.



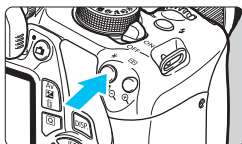
- AEB sẽ không hoạt động với flash hoặc phơi sáng Bulb.
- Đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.119) thành cài đặt khác với [**Disable (Tắt)**] có thể làm giảm thiểu hiệu ứng của AEB.

✳ Khóa phơi sáng ☆

Bạn có thể khóa phơi sáng khi khu vực lấy nét khác với khu vực đo độ phơi sáng hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh ở cùng cài đặt phơi sáng. Nhấn nút <✳> để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là khóa đo sáng. Chức năng này có hiệu quả với các chủ thể ngược sáng.

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Cài đặt phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút <✳>. (Ồ4)

- ▶ Biểu tượng <✳> phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa cài đặt phơi sáng (Khóa đo sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút <✳>, cài đặt phơi sáng hiện tại sẽ khóa.



3 Bố cục lại ảnh và chụp.

- Nếu bạn muốn duy trì khóa đo sáng trong khi chụp nhiều ảnh, vui lòng nhấn giữ nút <✳> và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa đo sáng

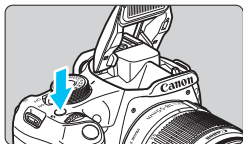
Chế độ đo sáng (tr.111)	Phương pháp chọn điểm AF (tr.95)	
	Chọn tự động	Chọn bằng tay
 *	Khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét.	Khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn.
	Khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.	

* Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.

✱ Khóa phơi sáng flash ☆

Nếu chủ thể nằm ở cạnh khung và bạn sử dụng flash, chủ thể có thể trở nên quá sáng hoặc quá tối tùy thuộc vào hậu cảnh, v.v... Đây là lúc sử dụng khóa căng nét hiệu quả. Sau khi thiết lập phơi sáng flash phù hợp cho chủ thể, bạn có thể bố cục lại ảnh (đưa chủ thể sang cạnh bên) và chụp. Tính năng này cũng có thể sử dụng với đèn Speedlite sê-ri EX của Canon.

* FE là viết tắt của Flash Exposure (Phơi sáng flash).

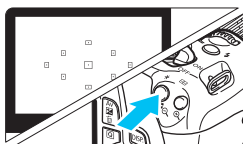


1 Nhấn nút <⚡>.

- ▶ Đèn flash tích hợp được nâng lên.
- Nhấn nửa chừng nút chụp và ngắm trong khung ngắm để kiểm tra biểu tượng <⚡> đã phát sáng chưa.



2 Lấy nét chủ thể.



3 Nhấn nút <✱>. (Ⓢ16)

- Hướng trung tâm khung ngắm vào chủ thể bạn muốn khóa phơi sáng flash, rồi nhấn nút <✱>.
- ▶ Đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.
- ▶ Trong khung ngắm, thông báo “FEL” hiển thị trong giây lát và biểu tượng <⚡✱> sẽ phát sáng.
- Mỗi lần bạn nhấn nút <✱>, đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Đèn flash đánh sáng khi chụp.



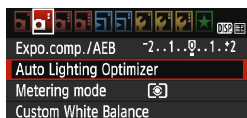


- Nếu chủ thể quá xa và nằm ngoài phạm vi hiệu quả của flash, biểu tượng <⚡> sẽ nhấp nháy. Tiến gần chủ thể hơn và lặp lại các bước từ 2 đến 4.
- Không thể sử dụng khóa căng nét trong khi chụp Live View.

MENU Tự động chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

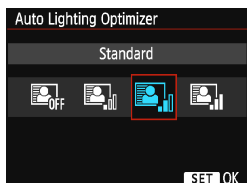
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là tự động tối ưu hóa ánh sáng. Cài đặt mặc định là **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

Ở chế độ vùng cơ bản, **[Standard (Tiêu chuẩn)]** được tự động thiết lập.



1 Chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hoá ánh sáng)]**.

- Trong tab **[2]**, chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hoá ánh sáng)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn cài đặt.

- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

3 Chụp ảnh.

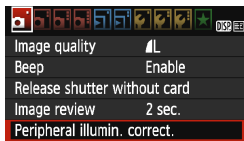
- Nếu cần, ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh.



- Trong **[43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]**, nếu đặt **[6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** thành **[1: Enable (Bật)]**, Tự động tối ưu hóa ánh sáng sẽ được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]** và không thể thay đổi cài đặt này.
- Nếu hiệu ứng của chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng quá mạnh và ảnh quá sáng, đặt thành **[Low (Thấp)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu thiết lập cài đặt khác với **[Disable (Tắt)]** và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiễu hạt hơn.

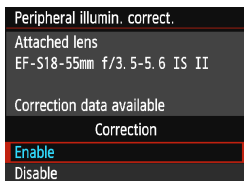
MENU Chỉnh góc tối của ảnh

Do đặc tính của ống kính, 4 góc của ảnh trông tối hơn. Hiện tượng này được gọi là thiếu ánh sáng do ống kính hoặc thiếu ánh sáng vùng ngoại vi và có thể hiệu chỉnh. Cài đặt mặc định là **[Enable (Bật)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh. Bạn có thể hiệu chỉnh ảnh RAW bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.318).



1 Chọn **[Peripheral illumin. correct. (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)]**.

- Trong tab **[1]**, chọn **[Peripheral illumin. correct. (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn cài đặt.

- Kiểm tra **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]** có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Nếu hiển thị **[Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)]**, tham khảo “Dữ liệu chỉnh ống kính” trên trang tiếp theo.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **<SET>**.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.



Tắt hiệu chỉnh



Bật hiệu chỉnh

Dữ liệu chỉnh ống kính

Máy ảnh đã có dữ liệu hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi của ống kính cho khoảng 25 ống kính. Nếu bạn chọn **[Enable (Bật)]** ở bước 2, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ áp dụng tự động cho bất kỳ ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh.

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.318), bạn có thể kiểm tra xem ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.321) trên đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng phần mềm.



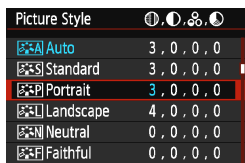
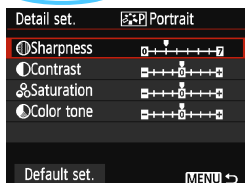
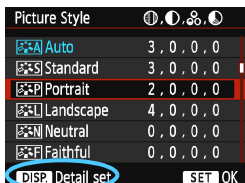
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi không thể áp dụng cho ảnh JPEG đã chụp.
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**, ngay cả khi hiển thị **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]**.
- Nếu bạn sử dụng chế độ xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ không phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình LCD.



- Nếu không nhìn thấy hiệu ứng chỉnh, phóng to và kiểm tra lại ảnh.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.
- Nếu dữ liệu chỉnh cho ống kính đã lắp chưa được đăng ký vào máy ảnh, kết quả sẽ giống như khi đặt hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**.
- Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn một chút so với lượng hiệu chỉnh tối đa có thể cài đặt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS).
- Nếu ống kính không có thông tin khoảng cách, lượng hiệu chỉnh sẽ thấp hơn.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.

Tùy chỉnh đặc tính ảnh ☆

Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh bằng cách điều chỉnh các thông số riêng như **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]**. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh **[Monochrome (Đơn sắc)]**, tham khảo trang 124.



1 Chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)].

- Trong tab **[2]**, chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn <SET>.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.

2 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn nút <DISP.>.

3 Chọn thông số.

- Chọn thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, rồi nhấn <SET>.

4 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để lưu các thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Các cài đặt thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.



- Bạn có thể đưa kiểu ảnh tương ứng về cài đặt thông số mặc định bằng cách chọn **[Default set. (Cài đặt mặc định)]** ở bước 3.
- Để chụp với kiểu ảnh đã sửa đổi, thực hiện theo bước 2 ở trang 91 để chọn kiểu ảnh đã sửa đổi rồi chụp.

Cài đặt thông số và hiệu ứng

Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét của ảnh.

Để làm cho ảnh mờ nét hơn, thiết lập độ sắc nét về phía đầu **0**.

Càng gần **0**, ảnh càng dịu màu hơn.

Để làm cho ảnh nét hơn, thiết lập độ sắc nét về phía đầu **7**. Càng gần **7**, ảnh càng sắc nét hơn.

Contrast (Độ tương phản)

Điều chỉnh độ tương phản và sống động của màu sắc.

Để giảm độ tương phản, thiết lập độ tương phản về phía đầu trừ.

Càng gần **-**, ảnh trông càng kém sinh động.

Để tăng độ tương phản, thiết lập độ tương phản về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, ảnh trông càng sống động hơn.

Saturation (Bão hòa màu)

Điều chỉnh bão hòa màu của ảnh.

Để giảm bão hòa màu, thiết lập bão hòa màu về phía đầu trừ. Càng gần **-**, màu sắc trông càng nhạt.

Để tăng bão hòa màu, thiết lập bão hòa màu về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, màu sắc trông càng đậm.

Color tone (Tông màu)

Điều chỉnh tông màu da.

Để làm cho màu da đỏ hơn, thiết lập tông màu da về phía đầu trừ.

Càng gần **-**, tông màu da trông càng đỏ hơn.

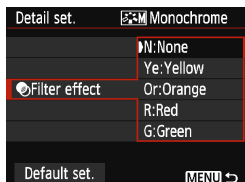
Để làm cho màu da bớt đỏ, thiết lập tông màu da về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, tông màu da trông càng vàng hơn.

Điều chỉnh đơn sắc

Đối với ảnh đơn sắc, ngoài [**Sharpness (Độ sắc nét)**] và [**Contrast (Tương phản)**] được giải thích ở trang trước, bạn còn có thể thiết lập [**Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)**] và [**Toning effect (Hiệu ứng tông màu)**].

Hiệu ứng bộ lọc

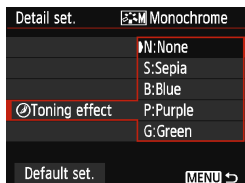


Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, đám mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

Bộ lọc	Hiệu ứng mẫu
N: None (Không)	Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc.
Ye: Yellow (Vàng)	Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và đám mây trắng trông sẽ sống động hơn.
Or: Orange (Cam)	Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ sáng hơn.
R: Red (Đỏ)	Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn.
G: Green (Xanh lá cây)	Tông màu da và môi trông sẽ kém sinh động. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn.

Tăng [**Contrast (Độ tương phản)**] sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.

Hiệu ứng tông màu



Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu ứng này có thể làm ảnh trông ấn tượng hơn. Có thể chọn những cài đặt sau: [**N:None (Không)**], [**S:Sepia (Nâu đỏ)**], [**B:Blue (Xanh da trời)**], [**P:Purple (Tím)**] hoặc [**G:Green (Xanh lá cây)**].

Đăng ký đặc tính ảnh ưu tiên ☆

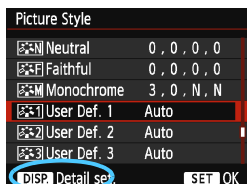
Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số mong muốn và đăng ký trong **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**.

Bạn có thể tạo nhiều kiểu ảnh bằng cài đặt khác nhau cho các thông số độ sắc nét, độ tương phản, v.v...

Bạn cũng có thể điều chỉnh các thông số của kiểu ảnh đã được đăng ký vào máy ảnh bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.318).

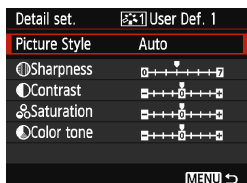
1 Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**.

- Trong tab **[2]**, chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



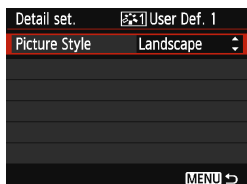
2 Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.

- Chọn **[User Def.* (Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn **<DISP.>**.
- Màn hình cài đặt chi tiết sẽ xuất hiện.



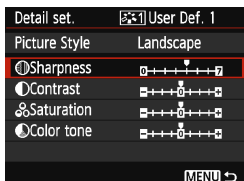
3 Nhấn **<SET>**.

- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi chọn **<SET>**.



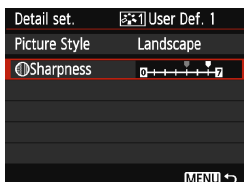
4 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

- Nhấn các phím **<▲>** <▼> để chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn **<SET>**.
- Để điều chỉnh thông số của kiểu ảnh đã đăng ký vào máy ảnh bằng EOS Utility (phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh tại đây.



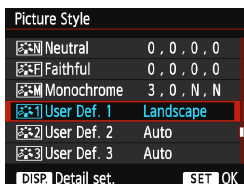
5 Chọn thông số.

- Chọn thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, rồi nhấn **<SET>**.



6 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím **<◀>** để điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn **<SET>**. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo “Tùy chỉnh đặc tính ảnh” ở các trang 122-124.



- Nhấn nút **<MENU>** để đăng ký kiểu ảnh đã sửa đổi. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị bên phải của **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.
- Nếu sửa đổi cài đặt kiểu ảnh cơ bản của kiểu ảnh đã đăng ký trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, tên kiểu ảnh sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.

- ⚠ Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, thay đổi kiểu ảnh ở bước 4 sẽ làm vô hiệu các cài đặt thông số của kiểu ảnh được đăng ký.
- Nếu bạn thực hiện **[Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)]** (tr.190), tất cả các cài đặt trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** sẽ trở về mặc định. Đối với kiểu ảnh được đăng ký qua EOS Utility (phần mềm EOS), chỉ có thể đưa các thông số đã sửa đổi trở về cài đặt mặc định.

- 📷 Để chụp với kiểu ảnh đã đăng ký, thực hiện theo bước 2 ở trang 91 để chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.321).

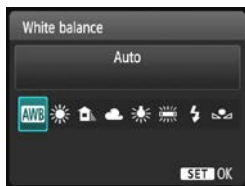
WB: Phù hợp với nguồn sáng ☆

Chức năng điều chỉnh tông màu để các vật màu trắng trông sẽ có màu trắng trong ảnh, được gọi là cân bằng trắng (WB). Thông thường, cài đặt <AWB> (Tự động) sẽ cho cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu trông tự nhiên với <AWB>, bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp vật màu trắng.



1 Nhấn nút <▼ WB>.

- ▶ [White balance (Cân bằng trắng)] sẽ xuất hiện.

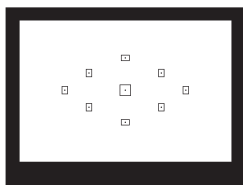


2 Chọn cài đặt cân bằng trắng.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- “Approx. ****K (Khoảng ****K)” (K: Kelvin) hiển thị cho cài đặt cân bằng trắng <☀>, <🏠>, <☁>, <🌙> hoặc <⚡> là nhiệt độ màu tương ứng.

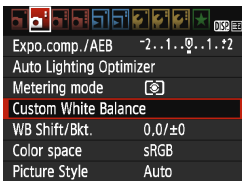
📷 Cân bằng trắng tùy chọn

Cân bằng trắng tùy chọn cho phép bạn thiết lập cân bằng trắng bằng tay cho nguồn sáng cụ thể để đạt độ chính xác cao hơn. Thực hiện quy trình này trong nguồn sáng sử dụng thực tế.



1 Chụp vật màu trắng.

- Đặt vật trắng hoàn toàn chiếm hết trung tâm khung ngắm.
- Lấy nét bằng tay và thiết lập phơi sáng chuẩn cho vật màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cân bằng trắng nào.



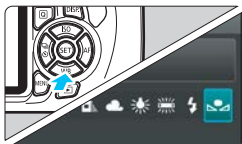
2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)].

- Trong tab [2], chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chọn sẽ xuất hiện.



3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Chọn ảnh đã chụp ở bước 1, rồi nhấn <SET>.
- Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Khi menu xuất hiện lại, nhấn nút <MENU> để thoát menu.



4 Chọn [WB (Custom (Tùy chọn))].

- Nhấn nút <WB>.
- Chọn [WB (Custom (Tùy chọn))], rồi nhấn <SET>.

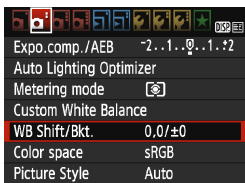
- Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
- Ở bước 3, bạn không thể chọn ảnh được chụp khi đặt kiểu ảnh thành [Monochrome (Đơn sắc)] (tr.92) và ảnh được xử lý bằng bộ lọc sáng tạo.

- Thay vì vật màu trắng, biểu đồ màu xám hoặc thẻ phản chiếu màu xám 18% (bán sẵn trên thị trường) có thể tạo cân bằng trắng chính xác hơn.
- Cân bằng trắng riêng đã đăng ký với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.318) sẽ được đăng ký trong [WB]. Nếu bạn thực hiện bước 3, dữ liệu cân bằng trắng riêng đã đăng ký sẽ bị xóa.

WB $\frac{1}{2}$ Điều chỉnh tông màu cho nguồn sáng ☆

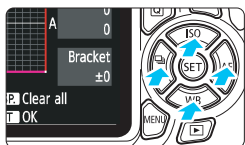
Bạn có thể chỉnh cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong 9 mức. Chức năng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp đã quen sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bù màu.

Chỉnh cân bằng trắng



1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

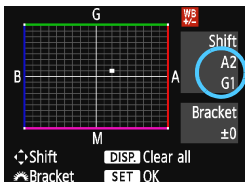
- Trong tab [2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình chỉnh cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp sẽ xuất hiện.



2 Thiết lập chỉnh cân bằng trắng.

- Nhấn phím chéo <◇> để di chuyển dấu “■” đến vị trí mong muốn.
- B là màu xanh da trời, A là màu hồ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được chỉnh về màu đã chọn.
- Ở phía trên bên phải, “Shift” biểu thị hướng và lượng chỉnh.
- Nhấn nút <DISP.> sẽ hủy tất cả cài đặt [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát cài đặt và quay lại menu.

Cài đặt mẫu: A2, G1



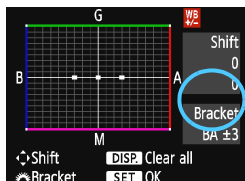
- Khi cân bằng trắng được chỉnh, <WB> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên màn hình LCD.
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hồ phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của cài đặt cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ bù độ chênh lệch xanh da trời/hồ phách hoặc độ chênh lệch đỏ tía/xanh lá cây. Tính năng này được gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB-BKT). Bạn có thể tăng cân bằng trắng hỗn hợp tối đa ± 3 mức khi tăng từng mức đơn.



± 3 mức độ chênh lệch B/A
(Xanh da trời/Hồ phách)



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 của “Chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay , dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■ ■ ■” (3 điểm). Xoay nút xoay sang phải để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay sang trái để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).
- Ở bên phải, “Bracket (hỗn hợp)” biểu thị hướng phơi sáng hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút <DISP.> sẽ hủy tất cả cài đặt [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát cài đặt và quay lại menu.

Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch xanh da trời (B) và 3. Độ chênh lệch hồ phách (A), hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch đỏ tía (M) và 3. Độ chênh lệch xanh lá cây (G).

 Trong cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ thấp hơn và số ảnh có thể chụp cũng sẽ giảm xuống khoảng 1/3 số lượng thông thường.

- Bạn cũng có thể thiết lập chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số 9 ảnh.
- Do mỗi lần chụp có 3 ảnh được ghi nên thời gian ghi ảnh vào thẻ sẽ dài hơn.
- “BKT” là viết tắt của bracketing (phơi sáng hỗn hợp).

MENU Thiết lập phạm vi tái tạo màu ☆

Phạm vi màu có thể tái tạo được gọi là không gian màu. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp thông thường, nên sử dụng sRGB. Trong chế độ vùng cơ bản, sRGB được tự động thiết lập.

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [📷2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng cài đặt này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất dẹt trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý ảnh hậu kỳ bằng phần mềm máy tính.



- Nếu ảnh được chụp trong không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu tiên trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Vui lòng tham khảo giải thích về cấu hình ICC trong Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tr.321) trên CD-ROM.



5

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)

Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “chụp Live View”.

Chụp Live View có hiệu quả với các chủ thể không chuyển động.

Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy.



Chụp Live View từ xa

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.318) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tr.321) trên đĩa CD-ROM.

Chụp với màn hình LCD



1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Ảnh Live View phản ánh xác thực hơn độ sáng của ảnh chụp thực tế.



2 Lấy nét chủ thể.

- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF đang được thiết lập (tr.142).



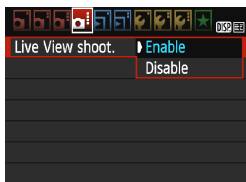
3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi thời gian xem lại ảnh kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.



- Phạm vi xem ảnh là khoảng 100% (khi đặt chất lượng ghi ảnh thành JPEG  L).
- Khi chụp Live View, chế độ đo sáng sẽ cố định thành đo sáng toàn khung ảnh.
- Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể kiểm tra độ sâu trường ảnh bằng cách đặt [9: Assign SET button (Chỉ định nút SET)] trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] thành [4: Depth-of-field preview (Xem trước độ sâu trường ảnh)].
- Khi chụp liên tục, độ phơi sáng thiết lập cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh sau đó.

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [Live View shoot. (Chụp Live View)] thành [Enable (Bật)].

Ở chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu Live View sẽ hiển thị trong [📷2], và ở chế độ vùng sáng tạo, các tùy chọn sẽ hiển thị trong [📷4].

Số ảnh có thể chụp ở chế độ chụp Live View (Số ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Điều kiện chụp	
	Không sử dụng flash	Sử dụng flash đối với 50% ảnh
Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	190	180
Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)	180	170

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E10 được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Pin LP-E10 được sạc đầy, máy ảnh có thể chụp Live View liên tục trong khoảng 1 giờ 25 phút ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F).



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời vào ngày nắng hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Các lưu ý khi chụp Live View được trình bày ở trang 151-152.**



- Khi sử dụng flash, màn trập sẽ phát ra 2 âm thanh, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt theo cài đặt [🔧1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] (tr.181). Nếu đặt [🔧1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [Disable (Tắt)], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau 30 phút (nguồn máy ảnh vẫn bật).
- Sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên TV (tr.222).

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <DISP.>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.

Phương pháp AF

- AF □ : Vùng linh hoạt - 1 điểm
- AF 3 : Chế độ Live
- AFQuick : Chế độ nhanh

Điểm AF (Chế độ nhanh)

Khung phóng to

Chế độ chụp

Chế độ kiểu
chụp/hẹn giờ

Cân bằng trắng

Tự động tối ưu
hoá ánh sáng

Chất lượng ghi ảnh

Khóa đo sáng

Flash sẵn sàng

Flash tắt

Đồng bộ tốc độ cao

Bù trừ phơi sáng flash

Bù trừ phơi sáng flash
ngoài

Tốc độ màn trập

Kiểu ảnh

Khẩu độ



Hiển thị biểu đồ

Cảnh báo
nhiệt độ

FEB

AEB

Mô phỏng phơi
sáng

Mức pin

Ưu tiên tông màu sáng

Tốc độ ISO

Chỉ thị kết nối GPS

Số ảnh có thể chụp

Trạng thái truyền của thẻ Eye-Fi

Thang đo sáng/Phạm vi AEB



- Biểu tượng <Exp.SIM> hiển thị màu trắng cho biết rằng ảnh Live View có độ sáng gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế.
- Biểu tượng <Exp.SIM> nhấp nháy cho biết rằng ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh cài đặt phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp thực tế sẽ thấy rõ nhiều hạt hơn.
- Nếu sử dụng đèn flash hoặc thiết lập phơi sáng Bulb, biểu tượng <Exp.SIM> và biểu đồ sẽ hiển thị màu xám (để tham khảo). Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho biết các cài đặt kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh Live View, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Trong khi chụp, ảnh Live View sẽ tự động biểu thị các cài đặt chức năng được liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh
 - *Tất cả các cài đặt ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Chỉnh cân bằng trắng
- Chụp ảnh dựa trên môi trường
- Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh
- Lượng bù trừ phơi sáng
- Xem trước độ sâu trường ảnh (Khi đặt C.Fn-9-4 và <SET> BẬT)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Ưu tiên tông màu sáng
- Tỷ lệ cố ảnh (xác nhận khu vực ảnh)

Cài đặt chức năng chụp

Các cài đặt chức năng cụ thể cho chụp Live View được giải thích bên dưới.

Điều khiển nhanh

Trong chế độ vùng sáng tạo, khi ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể nhấn nút  để cài đặt các chức năng sau: phương pháp AF, kiểu chụp/hẹn giờ, cân bằng trắng, kiểu ảnh, tự động tối ưu hóa ánh sáng, chất lượng ghi ảnh và tốc độ ISO. Ở chế độ vùng cơ bản, bạn có thể thiết lập phương pháp AF và các cài đặt trình bày trong bảng trên trang 72.



1 Nhấn nút .

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt với điều khiển nhanh sẽ xuất hiện ở bên trái màn hình.
- Nếu phương pháp AF là <AFQuick>, thì điểm AF cũng sẽ hiển thị. Bạn cũng có thể chọn điểm AF (tr.148).

2 Chọn và cài đặt chức năng.

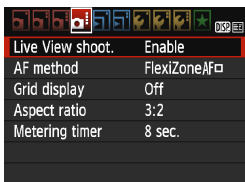
- Nhấn các phím  <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.53) sẽ xuất hiện.
- Nhấn phím  <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay  để chọn chức năng. Nhấn  <SET> sẽ hiển thị màn hình cài đặt chức năng tương ứng.

3 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút  để quay lại màn hình chụp Live View.

 Ở chế độ vùng sáng tạo, nếu đặt [10: Flash button function (Chức năng của nút flash)] thành [1: ISO speed (Tốc độ ISO)] trong [F:3 Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], bạn có thể nâng đèn flash tích hợp bằng điều khiển nhanh. Tốc độ ISO sẽ được đặt bằng nút .

Cài đặt chức năng menu



Tùy chọn menu hiển thị như sau.

Các chức năng có thể thiết lập trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này trong khi chụp qua khung ngắm (cài đặt không có hiệu lực).

Ở chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu Live View sẽ hiển thị trong [📷2], và ở chế độ vùng sáng tạo, các tùy chọn sẽ hiển thị trong [📷4].

- **Live View shooting (Chụp Live View)**

Bạn có thể đặt chức năng chụp Live View thành [Enable (Bật)] hoặc [Disable (Tắt)].

- **AF method (Phương pháp AF)**

Bạn có thể chọn [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)], [Live mode (Chế độ Live)] hoặc [Quick mode (Chế độ nhanh)]. Để tìm hiểu thêm thông tin về phương pháp AF, tham khảo trang 142-149.

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Với [Grid 1 (Khung lưới 1)] hoặc [Grid 2 (Khung lưới 2)], đường lưới sẽ hiển thị giúp cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp.

● Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh) *

Bạn có thể đặt tỷ lệ cỡ ảnh thành [3:2], [4:3], [16:9] hoặc [1:1]. Khu vực xung quanh ảnh Live View được che bằng màu đen khi tỷ lệ cỡ ảnh là: [4:3] [16:9] [1:1].

Ảnh JPEG sẽ được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt. Ảnh RAW luôn được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh [3:2]. Thông tin tỷ lệ cỡ ảnh đã chọn sẽ được thêm vào tập tin ảnh RAW. Khi xử lý ảnh RAW bằng phần mềm EOS, ảnh được tạo sẽ có tỷ lệ cỡ ảnh giống với khi chụp.

Trong trường hợp tỷ lệ cỡ ảnh là [4:3], [16:9] và [1:1], dòng tỷ lệ cỡ ảnh sẽ xuất hiện khi xem lại ảnh, nhưng không hiển thị trên ảnh.

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ cỡ ảnh và độ phân giải (ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
L	5184x3456 (17,9 megapixel)	4608x3456 (16,0 megapixel)	5184x2912* (15,1 megapixel)	3456x3456 (11,9 megapixel)
RAW				
M	3456x2304 (8,0 megapixel)	3072x2304 (7,0 megapixel)	3456x1944 (6,7 megapixel)	2304x2304 (5,3 megapixel)
S1	2592x1728 (4,5 megapixel)	2304x1728 (4,0 megapixel)	2592x1456* (3,8 megapixel)	1728x1728 (3,0 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x400* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

- Số liệu chất lượng ảnh đánh dấu sao không khớp chính xác với tỷ lệ cỡ ảnh tương ứng.
- Đối với tỷ lệ cỡ ảnh đánh dấu sao, khu vực ảnh hiển thị sẽ lớn hơn khu vực ảnh được ghi. Kiểm tra ảnh trên màn hình LCD khi chụp.
- Ở tỷ lệ cỡ ảnh 1:1, nếu sử dụng máy ảnh khác để in trực tiếp ảnh được chụp bằng máy ảnh này, ảnh có thể không được in chính xác.

● **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) [☆]**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị cài đặt phơi sáng (thời gian khóa đo sáng). Ở chế độ vùng cơ bản, hẹn giờ đo sáng được cố định ở 8 giây.



Chụp Live View sẽ tạm dừng khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây. Nhấn nút <  > để tiếp tục chụp Live View.

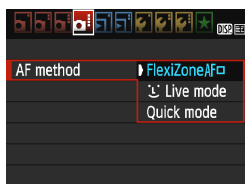
- [ 3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], [ 2: Clean manually (Làm sạch bằng tay)], [ 3: Clear settings (Xóa cài đặt)] hoặc [ 3: Firmware ver. (Phiên bản firmware)]

Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể chọn phương pháp AF phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Máy ảnh cung cấp các phương pháp AF sau: **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, **[Live mode (Chế độ Live)]** (nhận diện khuôn mặt, tr.143) và **[Quick mode (Chế độ nhanh)]** (tr.148).

Để lấy nét chính xác, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành **<MF>**, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét bằng tay (tr.150).



Chọn phương pháp AF.

- Trong tab **[4]**, chọn **[AF method (Phương pháp AF)]**. (Ở chế độ vùng cơ bản, chức năng này ở trong tab **[2]**.)
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.
- Khi hiển thị ảnh Live View, bạn có thể nhấn nút **<Q>** để chọn phương pháp AF trên màn hình điều khiển nhanh (tr.138).

Vùng linh hoạt - 1 điểm: AF □

Cảm biến hình ảnh được sử dụng để lấy nét. Mặc dù máy ảnh có thể tự động lấy nét đối với ảnh Live View được hiển thị, **thao tác lấy nét tự động sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với chế độ nhanh**. Ngoài ra, quá trình lấy nét có thể khó hơn so với chế độ nhanh.



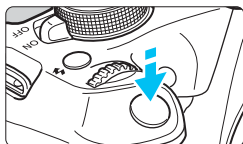
Điểm AF

1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút **<[]>**.
- Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Điểm AF **<[]>** xuất hiện.

2 Di chuyển điểm AF.

- Nhấn phím chéo **<[]>** để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển điểm AF đến phần rìa của bức ảnh.)
- Nhấn **<SET>** để đưa điểm AF về trung tâm. (Nếu đặt C.Fn-9, nhấn giữ nút **<Av [] / []>** rồi nhấn **<SET>**.)



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.134).

☺ (Nhận diện khuôn mặt) Chế độ Live: AF ☺

Khuôn mặt người được nhận diện và lấy nét bằng phương pháp AF giống như **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**. Để người cần chụp hướng về máy ảnh.

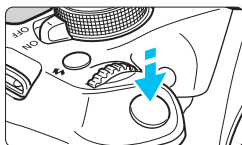


1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

2 Chọn điểm AF.

- Khung  sẽ xuất hiện trên khuôn mặt được phát hiện để lấy nét.
- Khung  hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng các phím   để di chuyển khung  đến khuôn mặt muốn lấy nét.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét khuôn mặt nằm trong khung <[]>.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.
- Nếu không nhận diện được khuôn mặt, điểm AF <[]> sẽ hiển thị và máy ảnh thực hiện lấy nét tự động ở trung tâm.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.134).

- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể nằm ngoài vùng lấy nét. Nếu ống kính cho phép lấy nét bằng tay ngay cả khi chế độ lấy nét của ống kính được đặt thành <AF>, xoay vòng lấy nét để lấy nét thô. Sau đó, khuôn mặt sẽ được nhận diện và khung <[]> hiển thị.
- Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt trong ảnh quá nhỏ/quá lớn, quá sáng/quá tối, nghiêng ngang/chéo hoặc bị che khuất một phần.
- Khung <[]> có thể chỉ bao quanh một phần khuôn mặt.

- Khi nhấn <[SET]>, phương pháp AF sẽ chuyển thành [Live mode (Chế độ Live)] (tr.142). Bạn có thể nhấn phím <[AF-ON]> để di chuyển điểm AF. Nhấn lại <[SET]> để quay lại [Face detection] Live Mode ((Nhận diện khuôn mặt) Chế độ Live)]. (Nếu đặt C.Fn-9, nhấn giữ nút <[Av]/[M]> rồi nhấn <[SET]>.)
- Do máy ảnh không thể tự động lấy nét khuôn mặt được phát hiện gần rìa bức ảnh, khung <[]> sẽ mờ đi. Sau đó, nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp, điểm AF trung tâm <[]> sẽ được sử dụng để lấy nét.

Lưu ý cho [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và [Live mode (Chế độ Live)]

Thao tác AF

- Thời gian lấy nét sẽ lâu hơn so với [Quick mode (Chế độ nhanh)].
- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Không thể lấy nét liên tục chủ thể đang chuyển động.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác AF.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét tự động dưới nguồn sáng thực.
- Khi đặt thành [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và nhấn nút <Q>, khu vực được điểm AF bao trùm sẽ phóng to. Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét khi đang ở chế độ xem phóng to. Thao tác này giúp lấy nét thật chính xác khi lắp máy ảnh vào chân máy. Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về màn hình bình thường và lấy nét tự động. Lưu ý rằng tốc độ AF có thể khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Nếu phóng to chế độ xem sau khi lấy nét bằng [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] ở chế độ xem bình thường, ảnh có thể không được lấy nét chính xác.
- Không thể thực hiện chế độ xem phóng to khi đặt thành [Live mode (Chế độ Live)].

Các điều kiện chụp khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất, hoặc khi các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối bị mất.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vân và các dạng chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại (cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các điểm sáng.
- Chủ thể dưới nguồn sáng đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, và khi ánh sáng nhấp nháy.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của bức ảnh.
- Chủ thể phản chiếu ánh sáng mạnh.
- Điểm AF bao trùm cả chủ thể gần và xa (ví dụ: động vật bị nhốt trong chuồng).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
- Lấy nét tự động khi chủ thể nằm rất xa ngoài vùng lấy nét.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (chấm, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong thời gian lấy nét tự động.



- Nếu không lấy được nét trong các điều kiện chụp nêu ở trang trước, bạn có thể đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và thực hiện lấy nét bằng tay.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động với bất kỳ ống kính nào sau đây, bạn nên sử dụng chế độ [**Quick mode (Chế độ nhanh)**]. Thời gian lấy nét tự động bằng [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] hoặc [**Live mode (Chế độ Live)**] có thể lâu hơn hoặc ảnh có thể không được lấy nét chính xác.

EF50mm f/1.4 USM, EF50mm f/1.8 II, EF50mm f/2.5 Compact Macro,
EF100mm f/2.8 Macro USM, EF75-300mm f/4-5.6 II,
EF75-300mm f/4-5.6 III USM

Để tìm hiểu thông tin về các ống kính đã ngừng sản xuất, tham khảo trang web của Canon tại địa phương.



- Nếu chủ thể ở ngoài rìa bức ảnh và hơi nằm ngoài vùng lấy nét, hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể để lấy nét, rồi thực hiện bố cục lại và chụp ảnh.
- Máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét khi cần.
- Ở chế độ xem phóng to, hệ số phóng to càng lớn, thì càng khó lấy nét do rung máy khi chụp cầm tay (giống như khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>). Bạn nên sử dụng chân máy.

Chế độ nhanh: AFQuick

Cảm biến AF chuyên dụng được sử dụng để lấy nét trong chế độ lấy nét một lần (tr.93), sử dụng phương pháp AF giống như chụp bằng khung ngắm.

Mặc dù có thể nhanh chóng lấy nét chủ thể mục tiêu, **ảnh Live View sẽ bị gián đoạn trong giây lát khi thực hiện thao tác lấy nét tự động.** Bạn có thể sử dụng 9 điểm AF để lấy nét (được chọn tự động). Bạn cũng có thể chọn một điểm AF để lấy nét và chỉ lấy nét khu vực được bao trùm bởi điểm AF đó (được chọn bằng tay).



1 Hiện thị ảnh Live View.

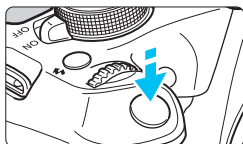
- Nhấn nút < >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Các hộp nhỏ trên màn hình là điểm AF, và hộp to hơn là khung phóng to.



2 Chọn điểm AF. ☆

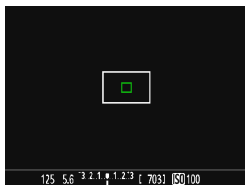
- Nhấn nút < > (10) để hiển thị màn hình điều khiển nhanh.
- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị ở bên trái màn hình.
- Nhấn các phím < > < > để khiến điểm AF có thể chọn được.
- Xoay nút xoay < > để chọn điểm AF.





3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Ảnh Live View sẽ tắt, gương phản chiếu hạ xuống và máy ảnh thực hiện lấy nét tự động. (Không có ảnh nào được chụp.)
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF lấy được nét chuyển sang màu xanh lá cây và ảnh Live View sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu cam và nhấp nháy.



4 Chụp ảnh.

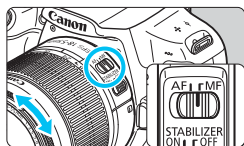
- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.134).



Không thể chụp ảnh trong quá trình lấy nét tự động. Chụp ảnh khi ảnh Live View hiển thị.

MF: Lấy nét bằng tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với lấy nét bằng tay.



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

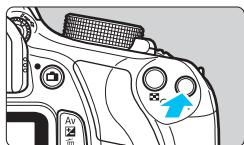
- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



Khung phóng to

2 Di chuyển khung phóng to.

- Nhấn phím chéo <⬆> để di chuyển khung phóng to đến vị trí muốn lấy nét.
- Nhấn <SET> để đưa khung phóng to về trung tâm. (Nếu đặt C.Fn-9, nhấn giữ nút <Av/☒/☐> rồi nhấn <SET>.)



3 Phóng to ảnh.

- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khu vực nằm trong khung phóng to sẽ được phóng to.
- Mỗi lần nhấn nút <Q>, chế độ xem sẽ thay đổi như sau:

→ 5x → 10x → Chế độ xem bình thường



Khóa đo sáng

Vị trí khu vực phóng to

Phóng to

4 Lấy nét bằng tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <Q> để trở về chế độ xem bình thường.

5 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và độ phơi sáng, rồi nhấn nút chụp để chụp ảnh (tr.134).



Thận trọng khi chụp Live View

Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dải).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Tắt chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Tắt chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh màu trắng <🔥> và màu đỏ <🔥>

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do chụp Live View trong thời gian dài hoặc trong điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng màu trắng <🔥> hoặc màu đỏ <🔥> sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng màu trắng <🔥> cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng màu đỏ <🔥> cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể chụp lại cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <🔥> và <🔥> xuất hiện sớm hơn. Tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh có tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể đã giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng màu trắng <🔥> xuất hiện.

Kết quả chụp

- Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trở về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh. Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu cam. Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp ở chế độ xem bình thường.
- Nếu đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.119) thành [**Disable (Tắt)**], ảnh có thể trông quá sáng ngay cả khi giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash.
- Sử dụng ống kính TS-E (ngoại trừ TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II) và di chuyển/ngiên ống kính hoặc sử dụng ống nối, có thể làm phơi sáng không chuẩn hoặc dẫn đến phơi sáng không đều.

Thận trọng khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiều hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi sẽ có rất ít nhiễu hạt. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp Live View dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**42: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc nhiễu sắc độ. Tuy nhiên, nhiễu hạt hoặc nhiễu sắc độ sẽ không ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.

Chức năng tùy chỉnh

- Khi chụp Live View, một số cài đặt chức năng tùy chỉnh nhất định sẽ không có hiệu lực (tr.257).

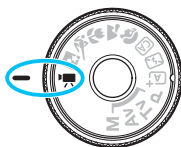
Ống kính và Flash

- Trong khi chụp Live View, bạn không thể sử dụng chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho ống kính siêu xa.
- Không thể khóa căng nét khi sử dụng đèn flash tích hợp hay đèn Speedlite ngoài. Đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite ngoài.

 **Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.** Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

6

Quay phim



Bạn có thể quay phim bằng cách đặt nút xoay chế độ thành <MOV>. Định dạng phim được ghi là MOV.

- Về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 5.



Độ phân giải cao 1080

Full HD 1080 chỉ khả năng tương thích với độ phân giải cao với 1080 điểm ảnh dọc (đường quét).



Quay phim

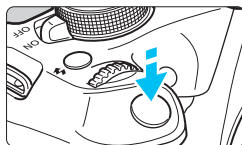
Kết nối máy ảnh đến TV để xem lại phim đã quay (tr.222).

Quay phim phơi sáng tự động



1 Đặt nút xoay chế độ thành <📹>.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Lấy nét chủ thể.

- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét bằng tay (tr.142-150).
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF hiện tại.



3 Quay phim.

- Nhấn nút <📹> để bắt đầu quay phim. Để dừng quay phim, nhấn lại nút <📹>.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu “●” sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.

Ghi phim



Micrô



- Phần “Thận trọng khi quay phim” được trình bày ở các trang 177 và 178.
- Nếu cần, tham khảo thêm phần “Thận trọng khi chụp Live View” ở các trang 151 và 152.



- Tốc độ ISO (ISO 100 - ISO 6400), tốc độ màn trập và khẩu độ được thiết lập tự động.
- Bạn có thể nhấn nút < > (tr.116) để khóa phơi sáng (khóa đo sáng). Cài đặt phơi sáng sẽ hiển thị số giây thiết lập với [2: Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)]. Nếu thực hiện khóa đo sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa đo sáng bằng cách nhấn nút < >. (Cài đặt khóa đo sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút < >.)
- Bạn có thể nhấn giữ nút < Av > và xoay nút xoay < > để thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để hiển thị tốc độ màn trập và tốc độ ISO ở cuối màn hình. Đây là cài đặt phơi sáng cho chụp ảnh (tr.158). Cài đặt phơi sáng cho quay phim sẽ không hiển thị. Lưu ý rằng cài đặt phơi sáng cho quay phim có thể khác so với chụp ảnh.
- Nếu quay phim với phơi sáng tự động, tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được lưu lại trong thông tin ảnh (Exif).

Sử dụng Đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED

Với quay phim phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động bật đèn LED của đèn Speedlite trong điều kiện ánh sáng yếu. **Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite EX.**

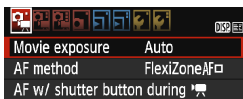
Quay phim phơi sáng bằng tay

Bạn có thể tùy ý thiết lập tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim. Quay phim với phơi sáng bằng tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.



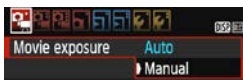
1 Đặt nút xoay chế độ thành <[M]>.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Chọn [Movie exposure (Phơi sáng phim)].

- Nhấn nút <MENU> và trong tab [1], chọn [Movie exposure (Phơi sáng phim)], rồi nhấn <[SET]>.



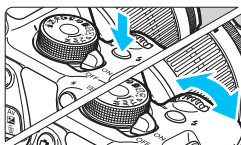
3 Chọn [Manual (Chỉnh tay)].

- ▶ Chọn [Manual (Chỉnh tay)], rồi nhấn <[SET]>.



4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <[Shutter]>. Tốc độ màn trập có thể thiết lập tùy thuộc vào tốc độ khung hình <[FPS]>.
 - [60]/[50] : 1/4000 giây - 1/60 giây
 - [30]/[25]/[24] : 1/4000 giây - 1/30 giây
- Để thiết lập khẩu độ, nhấn giữ nút <[Av]> và xoay nút xoay <[Aperture]>.



5 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn nút <[ISO]> và nhấn các phím <[Left]> <[Right]> hoặc xoay nút xoay <[ISO]> để chọn tốc độ ISO.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.

6 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 2 và 3 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.154).

Tốc độ ISO trong khi quay phim phơi sáng bằng tay

- Ở chế độ **[Auto (Tự động)]**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.
- Tốc độ ISO có thể cài đặt bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400 ở mức tăng chặn.
- Nếu [ 1:  **Highlight tone priority** ( **Ưu tiên tông màu sáng**)] được đặt thành **[Enable (Bật)]**, tốc độ ISO sẽ là ISO 200 - ISO 6400.



- Bạn không thể sử dụng các tính năng khóa đo sáng và phơi sáng tự động.
- Không nên thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.



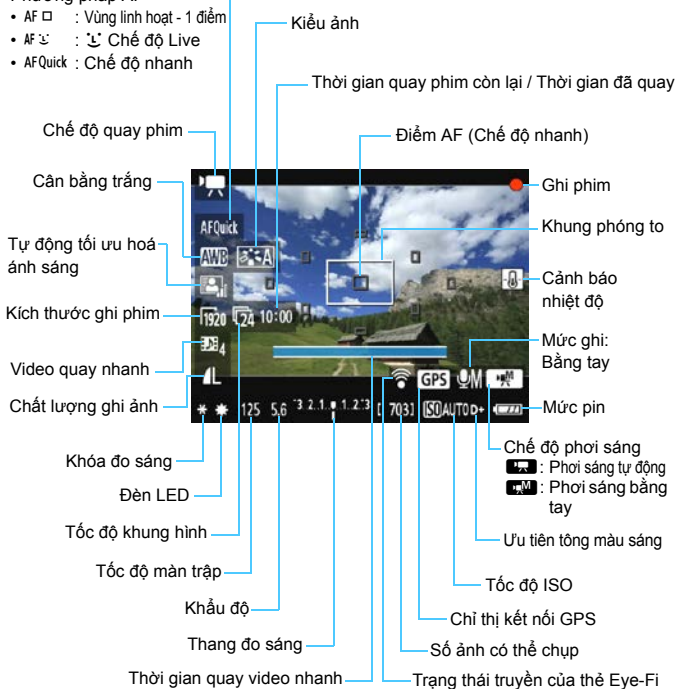
- Với ISO tự động, phim có thể được ghi với mức phơi sáng phù hợp ngay cả khi độ sáng xung quanh thay đổi.
- Nhấn nút <DISP.> để hiển thị biểu đồ.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, thì chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <DISP.>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.

Phương pháp AF

- AF □ : Vùng linh hoạt - 1 điểm
- AF ∩ : ∩ Chế độ Live
- AFQuick : Chế độ nhanh



- Nếu không có thẻ trong máy ảnh, thời gian quay phim còn lại sẽ hiển thị bằng màu đỏ.
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.

Lưu ý về quay phim



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, giộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời vào ngày nắng hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu đặt thành <AWB> và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, phim có thể bị nhấp nháy.
- Không nên zoom ống kính khi đang quay phim. Zoom ống kính sẽ làm thay đổi độ phơi sáng bất kể khẩu độ tối đa của ống kính có thay đổi hay không. Do vậy, thay đổi về phơi sáng sẽ bị ghi lại.
- Nhấn nút <Q> trong khi quay phim sẽ không phóng to ảnh.
- Chú ý không để ngón tay, v.v... che lấp micrô (tr.154).
- **Phần “Thận trọng khi quay phim” được trình bày ở các trang 177 và 178.**
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần “Thận trọng khi chụp Live View” ở các trang 151 và 152.**



- Các cài đặt liên quan đến phim nằm trong các tab [1], [2] và [3] (tr.172).
- Phim sẽ được ghi thành từng tập tin phim riêng biệt cho mỗi lần quay.
- Phim có phạm vi hình ảnh khoảng 100% (nếu kích thước ghi phim đặt thành [1920]).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micrô tích hợp của máy ảnh (tr.154).
- Với Pin LP-E10 được sạc đầy, tổng thời gian quay phim sẽ như sau: khoảng 1 tiếng 15 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) và khoảng 1 tiếng 10 phút ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F).
- Trong khi quay phim, bạn không thể sử dụng lấy nét được thiết lập sẵn cho ống kính siêu xa.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng phản ánh các cài đặt kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Trong thời gian quay phim, hình ảnh hiển thị sẽ tự động phản ánh hiệu ứng của các cài đặt chức năng liệt kê bên dưới.

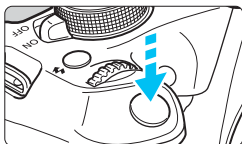
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh

*Tất cả các cài đặt ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.

- Cân bằng trắng
- Lượng bù trừ phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Ưu tiên tông màu sáng

Chụp ảnh



Trong khi quay phim, bạn có thể chụp ảnh bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp.

Chụp ảnh trong chế độ <[Icon]>

- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ khiến phim bị dừng hình trong khoảng 1 giây.
- Ảnh chụp sẽ được ghi vào thẻ và khi ảnh Live View hiển thị, quá trình quay phim sẽ tự động tiếp tục.
- Phim và ảnh được ghi thành tập tin riêng biệt trên thẻ.
- Các chức năng cụ thể cho chụp ảnh được trình bày bên dưới. Các chức năng khác tương tự như khi quay phim.

Chức năng	Cài đặt
Image-Recording Quality (Chất lượng ghi ảnh)	Tương tự cài đặt của [Icon] 1: Image quality (Chất lượng ảnh) . Với kích thước ghi phim [1920x1080] hoặc [1280x720] , tỷ lệ cơ ảnh sẽ là 16:9. Với kích thước ghi phim [640x480] , tỷ lệ cơ ảnh sẽ là 4:3.
ISO Speed (Tốc độ ISO)	- Với chụp phơi sáng tự động: Tốc độ ISO tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 3200. - Với chụp phơi sáng bằng tay: Tham khảo phần "Tốc độ ISO khi chụp phơi sáng bằng tay" ở trang 157.
Exposure Setting (Cài đặt phơi sáng)	- Với chụp phơi sáng tự động: Tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập (hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp). - Với chụp phơi sáng bằng tay: Tốc độ màn trập và khẩu độ được thiết lập bằng tay.
AEB	Canceled (Đã hủy)
Drive/Self-timer (Kiểu chụp/Hẹn giờ)	Chụp từng ảnh (Chụp liên tục và chụp hẹn giờ tắt)
Flash	Flash off (Flash tắt)

Khi đặt [ 1: AF w/ shutter button during  (lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi ) thành [Enable (Bật)] (tr.172), nhấn nửa chừng nút chụp trong khi quay phim sẽ thực hiện lấy nét. Tuy nhiên, trường hợp sau có thể xảy ra.

- Lấy nét có thể trở nên quá xa trong giây lát.
- Độ sáng của phim được ghi có thể thay đổi.
- Phim được ghi có thể bị dừng hình trong giây lát.
- Lưu ý rằng máy ảnh có thể ghi lại tiếng hoạt động của ống kính.
- Không thể chụp ảnh trong khi quay phim nếu không lấy được nét chủ thể, ví dụ như đối với chủ thể động.

Cài đặt chức năng chụp

Cài đặt chức năng cụ thể cho quay phim được giải thích dưới đây.

Điều khiển nhanh

Nếu bạn nhấn nút  trong khi ảnh hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể thiết lập bất kỳ tùy chọn nào sau đây: phương pháp AF, cân bằng trắng, kiểu ảnh, tự động tối ưu hóa ánh sáng, kích thước ghi phim, video quay nhanh và chất lượng ghi ảnh (ảnh).



1 Nhấn nút . (tr.10)

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.
- Nếu phương pháp AF là , thì điểm AF cũng sẽ hiển thị. Bạn cũng có thể chọn điểm AF (tr.148).

2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Nhấn các phím  <  để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.53) sẽ xuất hiện.
- Nhấn phím  <  hoặc xoay nút xoay  để chọn chức năng. Nhấn  sẽ hiển thị màn hình cài đặt chức năng tương ứng.

3 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút  để trở về màn hình quay phim.



Đối với phơi sáng bằng tay, cài đặt chất lượng ghi ảnh (ảnh) thay đổi thành cài đặt tốc độ ISO.

MENU Cài đặt kích thước ghi phim



Tùy chọn menu [**2: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] cho phép chọn kích thước khung hình của phim [****x****] và tốc độ khung hình [**1/30**] (số khung được ghi mỗi giây). Tốc độ khung hình **1/30** tự động thay đổi tùy thuộc vào cài đặt [**2: Video system (Hệ thống video)**].

● Kích thước phim

- [**1920x1080**] (**1920**) : Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.
- [**1280x720**] (**1280**) : Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.
- [**640x480**] (**640**) : Chất lượng ghi hình độ phân giải chuẩn. Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 4:3.

● Tốc độ khung hình (fps: số khung hình trên giây)

- 1/30 / 1/60** : Dành cho khu vực có định dạng TV là NTSC (Nam Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, v.v...).
- 1/25 / 1/50** : Dành cho khu vực có định dạng TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Úc, v.v...).
- 1/24** : Chủ yếu cho phim.

Tổng thời gian ghi phim và kích thước tập tin trên phút

Kích thước ghi phim		Tổng thời gian ghi (ước chừng)			Kích thước tập tin (ước chừng)
		Thẻ 4 GB	Thẻ 8 GB	Thẻ 16 GB	
[1920x1080]		11 phút	22 phút	44 phút	330 MB/phút
[1280x720]		11 phút	22 phút	44 phút	330 MB/phút
[640x480]		46 phút	1 giờ 32 phút	3 giờ 4 phút	82,5 MB/phút

• Tập tin phim vượt quá 4 GB

Do hệ thống tập tin, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim nếu kích thước tập tin của một clip phim đạt đến 4 GB. Nhấn nút để tiếp tục quay phim. (Phim được ghi thành tập tin mới.)

• Giới hạn thời gian quay phim

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút để tiếp tục quay phim. (Phim được ghi thành tập tin mới.)



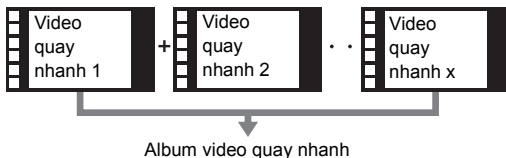
Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước thời gian ghi tối đa được trình bày ở bảng trên (tr.177).

MENU Quay video nhanh

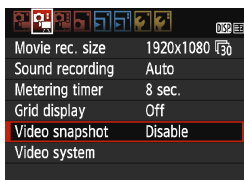
Video quay nhanh là clip phim được quay liên tiếp với thời lượng khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây. Nhiều video quay nhanh có thể được nối lại thành một clip phim và được gọi là album video quay nhanh. Do vậy, bạn có thể trình chiếu nhanh chóng một sự kiện hoặc chuyến du lịch.

Album video quay nhanh có thể được phát cùng với nhạc nền (tr.170, 215).

Khái niệm về album video quay nhanh

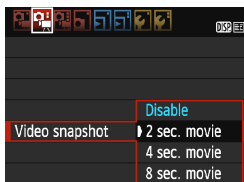


Thiết lập thời lượng video quay nhanh



1 Chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)].

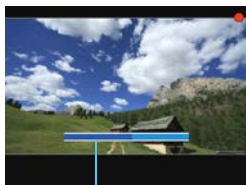
- Trong tab [2], chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thời gian quay [Video snapshot (Video quay nhanh)].

- Chọn thời gian quay cho một video quay nhanh, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình quay phim.

Tạo album video quay nhanh



Thời lượng quay

3 Quay video quay nhanh đầu tiên.

- Nhấn nút <[RECORD]>, rồi quay phim.
- ▶ Thanh màu xanh da trời biểu thị thời lượng quay sẽ giảm dần. Sau khi hết thời lượng quay đã đặt, quá trình quay sẽ dừng lại tự động.
- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện (tr.168).



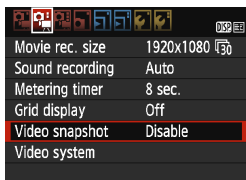
4 Lưu thành album video quay nhanh.

- Chọn [Save as album (Lưu thành album)], rồi nhấn <[SET]>.
- ▶ Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.



5 Tiếp tục quay các video quay nhanh khác.

- Lặp lại bước 3 để quay video quay nhanh tiếp theo.
- Chọn [Add to album (Thêm vào album)], rồi nhấn <[SET]>.
- Để tạo album video quay nhanh khác, chọn [Save as a new album (Lưu thành album mới)].
- Lặp lại bước 5 nếu cần.



6 Thoát quay video nhanh.

- Đặt [Video snapshot (Video quay nhanh)] thành [Disable (Tắt)]. Để trở về chế độ quay bình thường, đảm bảo đã đặt thành [Disable (Tắt)].
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình quay phim bình thường.

Tùy chọn ở bước 4 và 5

Chức năng	Mô tả
 Save as album (Lưu thành album) (Bước 4)	Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.
 Save as album (Lưu thành album) (Bước 5)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ được thêm vào album được ghi trước đó.
 Save as a new album (Lưu thành album mới) (Bước 5)	Album video quay nhanh mới được tạo và clip phim được lưu thành video đầu tiên. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận. Album mới là một tập tin khác với album trước đó.
 Playback video snapshot (Xem lại video quay nhanh) (Bước 4 và 5)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ được phát. Để tìm hiểu thao tác xem lại, tham khảo bảng bên dưới.
 Do not save to album (Không lưu vào album) (Bước 4)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ bị xóa thay vì được lưu vào album. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
 Delete without saving to album (Xóa và không lưu vào album) (Bước 5)	

Thao tác [Playback video snapshot (Xem lại video quay nhanh)]

Chức năng	Mô tả xem lại
 Edit (Thoát)	Màn hình trước đó sẽ xuất hiện lại.
 Play (Xem)	Nhấn <⏮> để phát/tạm dừng video quay nhanh vừa ghi.
 First frame (Khung hình đầu tiên)	Hiển thị cảnh đầu tiên của video quay nhanh thứ nhất trong album.
 Skip backward (Tua về trước)*	Mỗi lần nhấn <⏮>, video quay nhanh sẽ được tua về trước vài giây.
 Previous frame (Khung hình trước)	Mỗi lần nhấn <⏮>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <⏮> để tua lại phim.
 Next frame (Khung hình tiếp theo)	Mỗi lần nhấn <⏭>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <⏭> để tua nhanh phim.
 Skip forward (Tua về sau)*	Mỗi lần nhấn <⏭>, video quay nhanh sẽ được tua về sau vài giây.
 Last frame (Khung hình cuối)	Hiển thị cảnh cuối của video quay nhanh cuối cùng trong album.
	Vị trí xem lại
phút" giây"	Thời gian xem lại (phút:giây)
 Volume (Âm lượng)	Điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.214) bằng cách xoay nút xoay <🔊>.

* Đối với [Skip backward (Tua về trước)] và [Skip forward (Tua về sau)], thời lượng tua sẽ tương ứng với số giây được đặt trong [Video snapshot (Video quay nhanh)] (khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).



Thận trọng khi quay video nhanh

- Bạn chỉ có thể thêm vào album các video có cùng thời lượng (mỗi video khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).
- Lưu ý rằng khi đang quay video nhanh nếu thực hiện các thao tác dưới đây, album mới sẽ được tạo cho các video quay nhanh tiếp theo.
 - Thay đổi **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]** (tr.164).
 - Thay đổi thời gian quay **[Video snapshot (Video quay nhanh)]** (tr.166).
 - Thay đổi cài đặt **[Sound rec. (Ghi âm)]** từ **[Auto (Tự động)]** hoặc **[Manual (Chỉnh tay)]** thành **[Disable (Tắt)]** hoặc từ **[Disable (Tắt)]** thành **[Auto (Tự động)]** hoặc **[Manual (Chỉnh tay)]** (tr.174).
 - Mở nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin.
 - Dừng sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E10 (bán riêng).
 - Cập nhật firmware.
- Không thể thay đổi thứ tự video quay nhanh trong album.
- Không thể thêm các video quay nhanh được quay về sau vào album hiện tại.
- Không thể chụp ảnh khi đang quay video quay nhanh.
- Thời lượng quay của video quay nhanh chỉ là ước chừng. Tùy thuộc vào tốc độ khung hình, thời lượng quay hiển thị trong thời gian xem lại có thể không chính xác.

Xem album

Bạn có thể xem lại một album đã hoàn tất tương tự như xem phim bình thường (tr.214).



1 Xem lại phim.

- Nhấn nút <▶> để hiển thị ảnh.



2 Chọn album.

- Trên màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng [SET] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình biểu thị cho album video quay nhanh.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn album video quay nhanh, rồi nhấn <SET>.



3 Xem lại album.

- Trên bảng xem lại phim được hiển thị, chọn [▶] (Xem), rồi nhấn <SET>.



Nhạc nền

- Bạn có thể phát nhạc nền khi xem lại album, phim bình thường và trình chiếu trên máy ảnh (tr.170, 215). Để phát nhạc nền, trước tiên bạn phải sao chép nhạc nền vào thẻ bằng EOS Utility (phần mềm EOS). Để tìm hiểu về cách sao chép nhạc nền, tham khảo Hướng dẫn sử dụng phần mềm trên đĩa CD-ROM.
- Nhạc được ghi trên thẻ nhớ chỉ sử dụng cho mục đích giải trí cá nhân. Không thực hiện hành vi vi phạm quyền lợi của người giữ bản quyền.

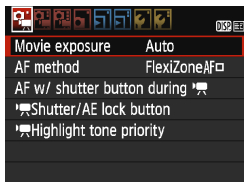
Phần mềm EOS có thể sử dụng với album

- **EOS Video Snapshot Task:** Phần mềm giúp chỉnh sửa album. Đây là tính năng của ImageBrowser EX.

MENU Cài đặt chức năng menu

Phần bên dưới giải thích các tùy chọn menu nằm trong các tab [📷 1], [📷 2] và [📷 3].

[📷 1]



- **Movie exposure (Phơi sáng phim)**

Thông thường, đặt cài đặt này thành **[Auto (Tự động)]**.

Đặt cài đặt này thành **[Manual (Chỉnh tay)]** sẽ cho phép bạn thiết lập bằng tay tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ cho quay phim (tr.156).

- **AF method (Phương pháp AF)**

Phương pháp AF tương tự như được trình bày trên trang 142-149. Bạn có thể chọn **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, **[Live mode (Chế độ Live)]** hoặc **[Quick mode (Chế độ nhanh)]**. Lưu ý rằng tính năng lấy nét liên tục chủ thể chuyển động không thể thực hiện.

- **AF with shutter button during movie recording (Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi ghi phim)**

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, tính năng lấy nét tự động có thể thực hiện trong khi quay phim. Tuy nhiên, không thể thực hiện lấy nét tự động liên tục. Nếu bạn lấy nét tự động trong khi quay phim, lấy nét có thể bị sai lệch trong giây lát hoặc phơi sáng có thể thay đổi. Ngoài ra, máy ảnh cũng sẽ ghi lại tiếng hoạt động của ống kính vào phim.

Trong khi quay phim, nếu đặt phương pháp AF thành **[Quick mode (Chế độ nhanh)]**, máy sẽ thực hiện lấy nét tự động ở chế độ **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**.



- Các cài đặt nằm trong tab menu [📷 1], [📷 2] và [📷 3] chỉ hoạt động ở chế độ <📷>. Các cài đặt này sẽ không được áp dụng trong các chế độ chụp khác ngoài chế độ <📷>.
- Cài đặt **[AF method (Phương pháp AF)]** cũng sẽ được áp dụng cho chụp Live View.

- **' Shutter/AE lock button (' Nút chụp/khóa đo sáng)**

Bạn có thể thay đổi chức năng được chỉ định cho vị trí nửa chừng của nút chụp và cho nút khóa đo sáng.

- **AF/AE lock (AF/Khóa đo sáng):**

Chức năng thông thường. Nhấn nửa chừng nút chụp để thực hiện lấy nét tự động. Nhấn nút < > cho khóa đo sáng.

- **AE lock/AF (Khóa đo sáng/AF):**

Nhấn nửa chừng nút chụp để khóa đo sáng. Để lấy nét tự động, nhấn nút < >. Thuận tiện khi bạn muốn lấy nét và đo sáng ở các phần khác nhau của ảnh.

- **AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa đo sáng):**

Nhấn nửa chừng nút chụp để thực hiện lấy nét tự động. Khi bạn tự động lấy nét bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp, bạn có thể nhấn giữ nút < > để tạm dừng lấy nét tự động. Bạn có thể nhả nút < > để tiếp tục lấy nét tự động. Tính năng khóa đo sáng không thể thực hiện.

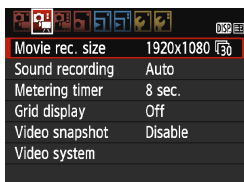
- **AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa đo sáng):**

Nhấn nửa chừng nút chụp để đo sáng. Để lấy nét tự động, nhấn nút < >. Tính năng khóa đo sáng không thể thực hiện.

- **' Highlight tone priority (' Ưu tiên tông màu sáng)**

Nếu đặt thành [Enable (Bật)], chi tiết vùng sáng sẽ được cải thiện. Dải tương phản mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ nhạt màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn. Phạm vi tốc độ ISO có thể cài đặt sẽ là ISO 200 - ISO 6400. Chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng cũng sẽ được đặt tự động thành [Disable (Tắt)] và không thể thay đổi.

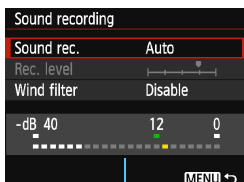
[📷 2]



● **Movie recording size (Kích thước ghi phim)**

Bạn có thể thiết lập kích thước ghi phim (kích thước ảnh và tốc độ khung hình). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 164.

● **Sound recording (Ghi âm)**



Thước đo mức

Âm thanh sẽ được ghi qua micro mono tích hợp. Không thể sử dụng micro ngoài.

Các tùy chọn **[Sound rec. (Ghi âm)]** và **[Rec. level (Mức ghi)]**

[Auto (Tự động)]: Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

[Manual (Chỉnh tay)]: Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức. Chọn **[Rec. level (Mức ghi)]** và xem thước đo mức khi nhấn phím <◀> <▶> để điều chỉnh mức ghi âm. Trong khi thang đo giữ mức cao nhất (khoảng 3 giây), điều chỉnh sao cho thước đo mức nhảy sáng dấu “12” (-12 dB) ở bên phải để đạt âm thanh to nhất. Nếu vượt quá “0”, âm thanh sẽ bị méo.

[Disable (Tắt)]: Âm thanh sẽ không được ghi.

[Wind filter (Lọc gió)]

Đặt thành **[Enable (Bật)]** sẽ giảm tiếng ồn của bộ lọc gió khi ngoài trời có gió.

Lưu ý rằng cài đặt **[Enable (Bật)]** cũng làm giảm âm trầm thấp, vì vậy nên đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]** khi không có gió. Âm thanh sẽ được ghi tự nhiên hơn so với **[Enable (Bật)]**.



Âm sẽ được ghi ở tỷ lệ mẫu là 48 kHz/16 bit.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị cài đặt phơi sáng (thời gian khóa đo sáng).

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Với **[Grid 1 1:1 (Khung lưới 1 1:1)]** hoặc **[Grid 2 2:2 (Khung lưới 2 2:2)]**, đường lưới hiển thị, giúp cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp.

- **Video snapshot (Video quay nhanh)**

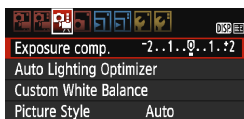
Bạn có thể quay video nhanh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 166.

- **Video system (Hệ thống video)**

Chọn **[NTSC]** hoặc **[PAL]** cho phù hợp với hệ thống video của TV (tr.164).



Các cài đặt hẹn giờ đo sáng và hiển thị khung lưới cũng sẽ được phản ánh trong chế độ chụp Live View.

[3]

- **Exposure compensation (Bù trừ phơi sáng)**

Mặc dù có thể thiết lập bù trừ phơi sáng lên tới ± 5 điểm dừng, bù trừ phơi sáng cho phim bị hạn chế tối đa chỉ ± 3 điểm dừng. Đối với ảnh, bù trừ phơi sáng có thể tăng tối đa ± 5 điểm dừng.

- **Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**

Bạn có thể thiết lập chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng như được trình bày trong trang 119.

Nếu đặt [ Highlight tone priority ( Ưu tiên tông màu sáng)] của tab menu [ 1] thành [Enable (Bật)], chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng sẽ được tự động đặt thành [Disable (Tắt)] và không thể thay đổi.

- **Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)**

Như giải thích trong trang 127, bạn có thể chọn ảnh cho cân bằng trắng tùy chọn.

- **Picture Style (Kiểu ảnh)**

Bạn có thể thiết lập kiểu ảnh như được trình bày trong trang 91.



Thận trọng khi quay phim

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh màu trắng <🌡️> và màu đỏ <🔥>

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng màu trắng <🌡️> hoặc màu đỏ <🔥> sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng màu trắng <🌡️> cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên dừng chụp ảnh một lúc và để máy ảnh nguội đi. Do chất lượng hình ảnh của phim khó có thể bị ảnh hưởng, bạn có thể tiếp tục quay phim.
- Biểu tượng màu đỏ <🔥> nhấp nháy cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể chụp lại cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <🌡️> hoặc <🔥> xuất hiện sớm hơn. Tắt máy ảnh khi không chụp.

Ghi âm và chất lượng ảnh

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim hoặc giảm số lượng ảnh có thể chụp. Nếu sử dụng chân máy hoặc nếu không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Micrô tích hợp sẽ thu lại tiếng hoạt động của máy ảnh.
- Nếu độ sáng thay đổi khi quay phim với phơi sáng tự động hoặc nếu thực hiện lấy nét tự động trong khi quay phim, đoạn phim đó có thể trông như bị dừng hình trong giây lát khi xem lại.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi lại giống như hiển thị trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, ảnh có thể xuất hiện nhiễu hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi lại giống như hiển thị trên màn hình LCD.

Thận trọng khi quay phim

Ghi âm và chất lượng ảnh

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo 5 mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong thời gian quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thì thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại.

Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ. Quay phim có thể bị dừng lại nếu chụp ảnh trong khi quay phim. Việc thiết lập chất lượng ghi ảnh thấp cho ảnh có thể giải quyết vấn đề này.



Đèn báo

Chụp ảnh trong khi quay phim

- Về chất lượng ảnh, tham khảo phần “Chất lượng ảnh” ở trang 151.

Xem lại và kết nối TV

- Nếu bạn kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI (tr.222) và quay phim ở độ phân giải **[1920x1080]** hoặc **[1280x720]**, phim đang quay sẽ hiển thị ở kích thước nhỏ trên TV. Phim vẫn được ghi ở kích thước ghi phim đã thiết lập.
- Nếu kết nối máy ảnh với TV (tr.222) và quay phim, TV sẽ không phát ra âm thanh khi đang quay. Tuy nhiên, âm thanh vẫn sẽ được ghi lại chính xác.

7

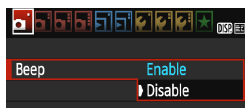
Tính năng tiện dụng

- Tắt tiếng bíp (tr.180)
- Trình nhắc thẻ (tr.180)
- Đặt thời gian xem lại ảnh (tr.180)
- Đặt thời gian tự động tắt nguồn (tr.181)
- Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD (tr.181)
- Tạo và chọn thư mục (tr.182)
- Phương pháp đánh số thứ tự tập tin (tr.184)
- Cài đặt thông tin bản quyền (tr.186)
- Tự động xoay ảnh dọc (tr.188)
- Kiểm tra cài đặt máy ảnh (tr.189)
- Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh (tr.190)
- Bật/tắt màn hình LCD (tr.194)
- Thay đổi màu của màn hình cài đặt chụp (tr.194)
- Cài đặt flash (tr.195)
- Thêm dữ liệu xóa bụi (tr.199)
- Làm sạch cảm biến bằng tay (tr.201)

Tính năng tiện dụng

MENU Tắt tiếng bíp

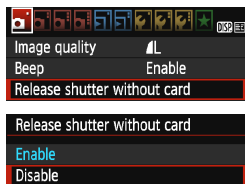
Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét hoặc trong quá trình chụp hẹn giờ.



Trong tab [📷 1], chọn **[Beep (Bíp)]**, rồi nhấn <Ⓢ>. Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn <Ⓢ>.

MENU Trình nhắc thẻ

Cài đặt này không cho phép chụp khi không có thẻ trong máy.



Trong tab [📷 1], chọn **[Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)]**, rồi nhấn <Ⓢ>. Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn <Ⓢ>.

Nếu không cắm thẻ vào máy ảnh mà nhấn nút chụp, “**Card**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và không thể nhả màn trập.

MENU Đặt thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD ngay sau khi chụp. Nếu đặt **[Off (Tắt)]**, ảnh sẽ không hiển thị ngay sau khi chụp ảnh. Nếu đặt **[Hold (Giữ)]**, ảnh sẽ hiển thị cho đến khi thời gian [🔋 1: **Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] hết.

Khi xem lại ảnh, nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác điều khiển máy ảnh nào ví dụ như nhấn nút nửa chừng chụp, xem lại ảnh sẽ kết thúc.



Trong tab [📷 1], chọn **[Image review (Xem lại ảnh)]**, rồi nhấn <Ⓢ>. Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <Ⓢ>.

MENU Đặt thời gian tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Bạn có thể đặt thời gian tự động tắt nguồn. Khi máy ảnh đã tắt do chức năng tự động tắt nguồn, bạn có thể bật lại máy bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp hoặc nhấn bất kỳ các nút sau: <MENU>, <DISP.>, <▶>, <⏏>, v.v...

Nếu đặt [Disable (Tắt)], nên tắt máy ảnh hoặc nhấn nút <DISP.> để tắt màn hình LCD giúp tiết kiệm pin.

Ngay cả khi đặt [Disable (Tắt)], nếu máy ảnh không được sử dụng trong 30 phút, màn hình LCD sẽ tự động tắt. Để bật lại màn hình LCD, nhấn nút <DISP.>.



Trong tab [1], chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)], rồi nhấn <SET>. Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

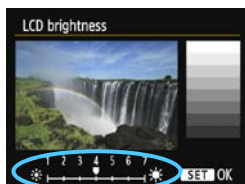
MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình LCD để giúp dễ đọc hơn.



Trong tab [2], chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)], rồi nhấn <SET>. Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh độ sáng trên màn hình điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.

Khi kiểm tra độ phơi sáng của ảnh, đặt độ sáng màn hình LCD thành 4 và ngăn ánh sáng bên ngoài ảnh hưởng đến ảnh.

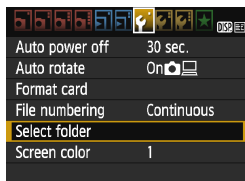


MENU Tạo và chọn thư mục

Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp.

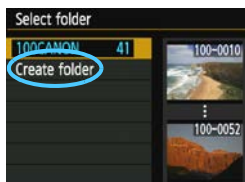
Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục



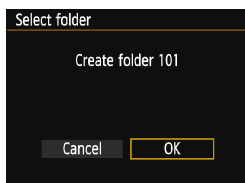
1 Chọn [Select folder (Chọn thư mục)].

- Trong tab [1], chọn [Select folder (Chọn thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].

- Chọn [Create folder (Tạo thư mục)], rồi nhấn <SET>.



3 Tạo thư mục mới.

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Khi hiển thị màn hình chọn thư mục, chọn một thư mục rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Lấy **"100CANON"** làm ví dụ, tên thư mục bắt đầu bằng 3 chữ số (số thư mục), theo sau là 5 ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu cài đặt lại bằng tay (tr.185), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

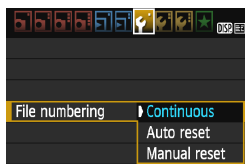
Tạo thư mục bằng máy tính

Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên **"DCIM"**. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng **"100ABC_D"**. Ba chữ số trước là số thư mục, từ 100 đến 999. Năm ký tự tiếp theo có thể được kết hợp bằng chữ cái in hoa và in thường từ A đến Z, chữ số và dấu gạch dưới **"_"**. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên 2 thư mục không thể có 3 chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: **"100ABC_D"** và **"100W_XYZ"**), ngay cả khi 5 ký tự còn lại trong mỗi tên khác nhau.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

Tập tin ảnh sẽ được đánh số từ 0001 đến 9999 theo thứ tự ảnh chụp, rồi được lưu vào thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin. Số tập tin sẽ xuất hiện trên máy tính dưới định dạng sau:

IMG_0001.JPG



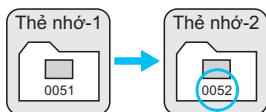
Trong tab [1], chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)], rồi nhấn <SET>. Cài đặt có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

- **[Continuous (Liên tục)]: Số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.**

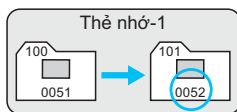
Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự cho đến 9999. Cài đặt này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số giữa 0001 đến 9999 trong các thẻ hoặc thư mục khác nhau vào cùng một thư mục của máy tính.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin liên tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới

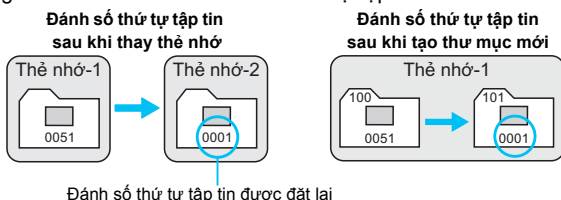


Số tập tin liên tiếp tiếp theo

- **[Auto reset (Tự động cài đặt lại)]:** Đánh số thứ tự tập tin bắt đầu lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số thứ tự tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001 cho ảnh mới được lưu. Cài đặt này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.



- **[Manual reset (Cài đặt lại bằng tay)]:** Để cài đặt lại số thứ tự tập tin thành 0001 bằng tay hoặc bắt đầu đánh số thứ tự tập tin từ 0001 trong thư mục mới.

Khi cài đặt lại đánh số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

Cài đặt này giúp bạn lưu ảnh chụp hôm qua và hôm nay vào 2 thư mục khác nhau. Sau khi cài đặt lại bằng tay, số thứ tự tập tin sẽ trở lại thành liên tục hoặc cài đặt lại tự động. (Màn hình xác nhận cài đặt lại bằng tay sẽ không hiển thị.)



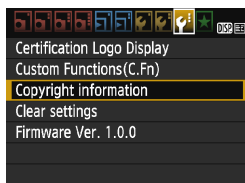
Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.



Đối với ảnh JPEG và ảnh RAW, tên tập tin đều bắt đầu bằng "IMG_". Tên tập tin phim sẽ bắt đầu với "MVI_". Đuôi tập tin sẽ là ".JPG" cho ảnh JPEG, ".CR2" cho ảnh RAW và ".MOV" cho phim.

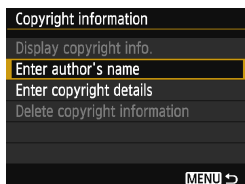
MENU Cài đặt thông tin bản quyền ☆

Sau khi cài đặt, thông tin bản quyền sẽ được thêm vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



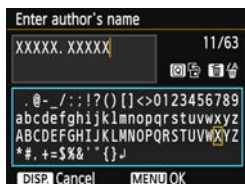
1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [43], chọn [**Copyright information (Thông tin bản quyền)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn tùy chọn cần thiết lập.

- Chọn [**Enter author's name (Nhập tên tác giả)**] hoặc [**Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)**], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình nhập văn bản sẽ xuất hiện.
- Chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**] để kiểm tra thông tin bản quyền vừa cài đặt.
- Chọn [**Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)**] để xóa thông tin bản quyền vừa cài đặt.



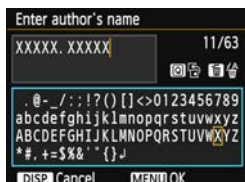
3 Nhập văn bản.

- Tham khảo phần “Quy trình nhập văn bản” ở trang tiếp theo và nhập thông tin bản quyền.
- Nhập tối đa 63 ký tự chữ, số và ký hiệu.

4 Thoát cài đặt.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU> để thoát cài đặt.

Quy trình nhập văn bản



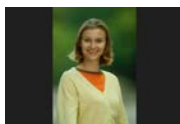
- **Thay đổi vùng nhập:**
Nhấn nút để chuyển giữa vùng nhập trên cùng và dưới cùng.
- **Di chuyển con trỏ:**
Nhấn các phím để di chuyển con trỏ.

- **Nhập văn bản:**
Trong vùng dưới cùng, nhấn phím chéo hoặc xoay nút xoay để chọn ký tự, rồi nhấn để nhập.
- **Xóa ký tự:**
Nhấn nút để xóa một ký tự.
- **Thoát:**
Sau khi nhập văn bản, nhấn nút để hoàn tất nhập văn bản và quay về màn hình ở bước 2.
- **Hủy bỏ nhập văn bản:**
Để hủy nhập văn bản, nhấn nút để hủy và quay về màn hình ở bước 2.

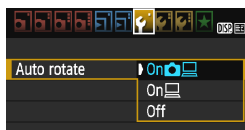


Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.318).

MENU Tự động xoay ảnh dọc



Ảnh dọc được xoay tự động để hiển thị theo chiều dọc thay vì theo chiều ngang trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính. Bạn có thể thay đổi cài đặt cho tính năng này.



Trong tab [1], chọn **[Auto rotate (Xoay tự động)]**, rồi nhấn **<SET>**. Cài đặt có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn tùy chọn, rồi nhấn **<SET>**.

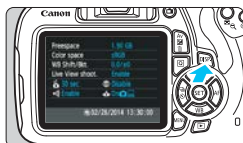
- **[On (Bật)]**: Ảnh dọc được xoay tự động trong quá trình xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.
- **[On (Bật)]**: Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.
- **[Off (Tắt)]** : Ảnh dọc không được xoay tự động.

? Câu hỏi thường gặp

- **Ảnh dọc không được xoay khi xem lại ảnh ngay sau khi chụp.**
Nhấn nút **<▶>** và phần xem lại ảnh sẽ hiển thị ảnh đã xoay.
- **Mặc dù đã đặt [On (Bật)], nhưng ảnh không xoay khi xem lại.**
Tính năng tự động xoay sẽ không hoạt động với ảnh dọc được chụp khi đặt **[Auto rotate (Xoay tự động)]** thành **[Off]**. Nếu chụp ảnh dọc khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể không được xoay tự động khi xem lại. Trong trường hợp này, vui lòng xem phần “Xoay ảnh” ở trang 207.
- **Trên màn hình LCD của máy ảnh, tôi muốn xoay ảnh được chụp khi đã đặt [On (Bật)].**
Đặt **[On (Bật)]**, rồi xem lại ảnh. Ảnh sẽ được xoay.
- **Ảnh dọc không xoay trên màn hình máy tính.**
Phần mềm được sử dụng không tương thích với tính năng xoay ảnh. Sử dụng phần mềm EOS thay thế.

DISP. Kiểm tra cài đặt máy ảnh

Khi menu hiển thị, nhấn nút <DISP.> để hiển thị các cài đặt cho chức năng chính của máy ảnh.



- Khi menu hiển thị, nhấn nút <DISP.> để hiển thị các cài đặt.
- Nhấn lại nút <DISP.> để quay lại menu.

Hiển thị cài đặt

Freespace	1.90 GB	Dung lượng còn lại của thẻ
Color space	sRGB	Không gian màu (tr.131)
WB Shift/Bkt.	0.0/±0	Chỉnh cân bằng trắng (tr.129)/ Cân bằng trắng hỗn hợp (tr.130)
Live View shoot.	Enable	Chụp Live View (tr.133)
30 sec.	Disable	Giảm mắt đỏ (tr.102)
Enable	On	Hiển thị xoay tự động (tr.188)
02/28/2014 13:30:00		
		Ngày/Giờ (tr.37)
		Giờ mùa hè (tr.38)
		Tiếng bíp (tr.180)
		Tự động tắt nguồn (tr.181)

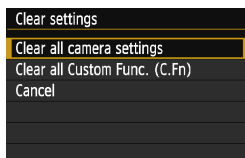
MENU Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh ☆

Cài đặt chụp và cài đặt menu của máy ảnh có thể được khôi phục về mặc định. Tùy chọn này sẵn có ở các chế độ vùng sáng tạo.



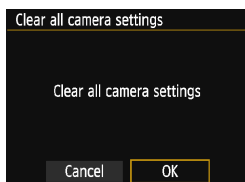
1 Chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)].

- Trong tab [F3], chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)].

- Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [OK].

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Cài đặt [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)] sẽ đưa máy ảnh về cài đặt mặc định như được trình bày ở các trang tiếp theo.

? Câu hỏi thường gặp

- Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh:**
Sau quy trình nêu trên, chọn [Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] trong [F3: Clear settings (Xóa cài đặt)] để xóa tất cả các cài đặt chức năng tùy chỉnh (tr.256).

Cài đặt chụp

AF operation (Thao tác lấy nét tự động)	One-Shot AF (Lấy nét một lần)
AF point selection (Chọn điểm AF)	Automatic selection (Chọn tự động)
Drive/self-timer (Kiểu chụp/Hẹn giờ)	☐ (Single shooting) (Chụp từng ảnh)
Metering mode (Chế độ đo sáng)	☒ (Evaluative metering) (Đo sáng toàn khung ảnh)
ISO speed (Tốc độ ISO)	AUTO (Tự động)
ISO Auto (ISO tự động)	Max. (Tối đa): 3200
Exposure compensation/AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)	Canceled (Đã hủy)
Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)	0 (Không)
Custom Functions (Chức năng tùy chỉnh)	Unchanged (Không thay đổi)

Ghi ảnh

Image quality (Chất lượng ảnh)	 L
Picture Style (Kiểu ảnh)	Auto (Tự động)
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	Standard (Tiêu chuẩn)
Peripheral illumination correction (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)	Enable/Correction data retained (Bật/Dữ liệu chỉnh được lưu giữ)
Color space (Không gian màu)	sRGB
White balance (Cân bằng trắng)	 (Auto) (Tự động)
Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)	Canceled (Đã hủy)
White balance correction (Chỉnh cân bằng trắng)	Canceled (Đã hủy)
White balance bracketing (Cân bằng trắng hỗn hợp)	Canceled (Đã hủy)
File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)	Continuous (Liên tục)
Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)	Xóa

Cài đặt máy ảnh

Auto power off (Tự động tắt nguồn)	30 sec. (30 giây)
Beep (Bíp)	Enable (Bật)
Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)	Enable (Bật)
Image review time (Thời gian xem lại ảnh)	2 sec. (2 giây)
Histogram display (Hiển thị biểu đồ)	Brightness (Độ sáng)
Image jump with (Nhảy ảnh với )	↕ (10 ảnh)
Auto rotate (Xoay tự động)	On   (Bật  )
LCD brightness (Độ sáng LCD)	     
LCD off/on button (Nút bật/tắt LCD)	Shutter button (Nút chụp)
Date (Ngày)/Time (Thời gian)/Zone (Múi giờ)	Unchanged (Không thay đổi)
Language (Ngôn ngữ)	Unchanged (Không thay đổi)
Screen color (Màu màn hình)	1
Feature guide (Hướng dẫn tính năng)	Enable (Bật)
Copyright information (Thông tin bản quyền)	Unchanged (Không thay đổi)
Control over HDMI (Điều khiển qua HDMI)	Disable (Tắt)
Eye-Fi transmission (Truyền Eye-Fi)	Disable (Tắt)
My Menu settings (Cài đặt danh mục riêng)	Unchanged (Không thay đổi)
Display from My Menu (Hiển thị từ danh mục riêng)	Disable (Tắt)

Chụp Live View

Live View shooting (Chụp Live View)	Enable (Bật)
AF method (Phương pháp AF)	FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt)
Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)	3:2
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	8 sec. (8 giây)

Quay phim

Movie exposure (Phơi sáng phim)	Auto (Tự động)
AF method (Phương pháp AF)	FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)
AF with shutter button during movie shooting (Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi quay phim)	Disable (Tắt)
Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa đo sáng)	AF/AE lock (AF/ Khóa đo sáng)
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)	Disable (Tắt)
Movie recording size (Kích thước ghi phim)	1920x1080
Sound recording (Ghi âm)	Auto (Tự động)
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	8 sec. (8 giây)
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt)
Video snapshot (Video quay nhanh)	Disable (Tắt)
Video system (Hệ thống video)	Unchanged (Không thay đổi)
Exposure compensation (Bù trừ phơi sáng)	Canceled (Đã hủy)
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	Standard (Tiêu chuẩn)
Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)	Canceled (Đã hủy)
Picture Style (Kiểu ảnh)	Auto (Tự động)



Về cài đặt GPS, tham khảo hướng dẫn sử dụng của thiết bị GPS.

MENU Bật/tắt màn hình LCD

Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp để bật hoặc tắt hiển thị cài đặt chụp (tr.52).



Trong tab [**F2**], chọn [**LCD off/on btn (Nút bật/tắt màn hình LCD)**], rồi nhấn <SET>. Cài đặt có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

- **[Shutter btn. (Nút chụp)]**: Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình sẽ tắt. Và khi nhả nút chụp, màn hình sẽ bật.
- **[Shutter/DISP (Màn trập/HIỂN THỊ)]**: Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình sẽ tắt. Màn hình vẫn tắt ngay cả khi nhả nút chụp. Nhấn nút <DISP.> để bật màn hình.
- **[Remains on (Luôn hiển thị)]**: Màn hình vẫn bật ngay cả khi nhấn nửa chừng nút chụp. Nhấn nút <DISP.> để tắt màn hình.

MENU Thay đổi màu của màn hình cài đặt chụp

Bạn có thể thay đổi màu nền của màn hình cài đặt chụp.



Trong tab [**F1**], chọn [**Screen color (Màu màn hình)**], rồi nhấn <SET>. Chọn màu mong muốn, rồi nhấn <SET>.

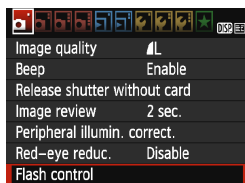
Khi thoát menu, màn hình cài đặt chụp sẽ hiển thị theo màu đã chọn.



MENU Cài đặt flash ☆

Bạn có thể cài đặt đèn flash tích hợp và đèn Speedlite ngoài bằng menu của máy ảnh. Bạn chỉ có thể sử dụng menu của máy ảnh để cài đặt chức năng của đèn Speedlite ngoài nếu **lắp đèn Speedlite sê-ri EX tương thích với chức năng này**.

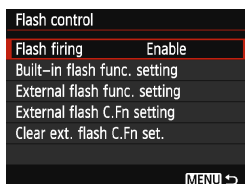
Quy trình cài đặt giống như cài đặt chức năng menu của máy ảnh.



Chọn [Flash control (Điều khiển flash)].

- Trong tab [1], chọn **[Flash control (Điều khiển flash)]**, rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển flash sẽ xuất hiện.

[Flash firing (Đánh sáng flash)]



- Thông thường, đặt cài đặt này thành **[Enable]**.
- Nếu đặt **[Disable (Tắt)]**, cả đèn flash tích hợp và đèn Speedlite ngoài sẽ không đánh sáng. Cài đặt này hữu dụng khi bạn chỉ muốn sử dụng tia giúp lấy nét của flash.



Ngay cả khi **[Flash firing (Đánh sáng flash)]** được đặt thành **[Disable (Tắt)]**, nếu khó lấy được nét trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp có thể vẫn phát ra một loạt tia sáng (tia giúp lấy nét, tr.96).

[Built-in flash func. setting (Cài đặt chức năng flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]

Với [Built-in flash func. setting (Cài đặt chức năng flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)], bạn có thể cài đặt các chức năng trong bảng bên dưới. Các chức năng hiển thị trong [External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)] sẽ khác nhau tùy thuộc vào model đèn Speedlite.

Built-in flash func. setting	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Flash exp. comp	-2...1...0...1...2
E-TTL II meter.	Evaluative
MENU	

- Chọn [Built-in flash func. setting (Cài đặt chức năng flash tích hợp)] hoặc [External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)].
- ▶ Các chức năng flash sẽ hiển thị. Bạn chỉ có thể chọn và cài đặt các chức năng được đánh dấu sáng màu.

Chức năng [Built-in flash func. setting (Cài đặt chức năng flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]

Chức năng	[Built-in flash func. setting (Cài đặt chức năng flash tích hợp)]	[External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]	Trang
Flash mode (Chế độ flash)	E-TTL II (Cố định)	○	197
Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)	○		197
FEB*	-	○	-
Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)	○		113
E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)	○		198
Zoom*	-	○	-
Wireless functions* (Chức năng không dây*)	-	○	-

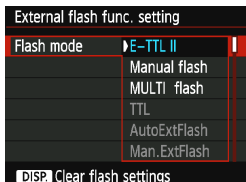
* Về [FEB] (Phơi sáng hỗn hợp flash), [Zoom] và [Wireless func. (Chức năng không dây)], tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng đó.



- Thận trọng khi chụp ảnh flash không dây có truyền sóng vô tuyến
 - Bạn không thể đặt chụp ảnh flash không dây có truyền sóng vô tuyến bằng máy ảnh. Sử dụng đèn Speedlite để cài đặt chức năng này.
 - Đặt tốc độ đồng bộ flash thành 1/100 hoặc thấp hơn.
 - Đồng bộ tốc độ cao không thể thực hiện.
 - Flash nhóm không thể thực hiện.
- Máy ảnh đôi khi không thể cài đặt một số chức năng như **[Flash mode (Chế độ flash)]**, **[Zoom]** và **[MULTI flash (ĐA flash)]**, tùy thuộc vào model đèn Speedlite được sử dụng. Trong trường hợp này, sử dụng đèn Speedlite để cài đặt chức năng.

● Chế độ flash

Khi sử dụng đèn Speedlite ngoài, bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



- [E-TTL II]** là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp với flash tự động.
- [Manual flash (Flash chỉnh tay)]** cho phép bạn tự đặt công suất flash. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp.
- Về chế độ flash khác, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng đó.

● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)

Thông thường, đặt thành **[1st curtain (Màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay sau khi phôi sáng bắt đầu.

Nếu đặt **[2nd curtain (Màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo vệt sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm. Khi sử dụng E-TTL II (phôi sáng flash tự động), flash sẽ đánh sáng hai lần: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phôi sáng kết thúc. Ngoài ra, với tốc độ màn trập nhanh hơn 1/30 giây, đồng bộ màn trập 1 sẽ tự động có hiệu lực.

Nếu lắp đèn Speedlite ngoài, bạn có thể chọn **[Hi-speed (Tốc độ cao)]** (**⚡_H**). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Bù trừ phơi sáng flash

Xem phần “Bù trừ phơi sáng flash” ở trang 113.

● E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)

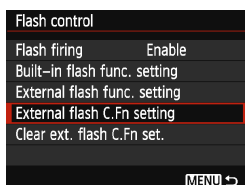
Đối với phơi sáng thông thường, đặt thành **[Evaluative (Toàn khung ảnh)]**. **[Average (Trung bình)]** dành cho người dùng chuyên nghiệp. Đối với đèn Speedlite ngoài, đo sáng được lấy trung bình cho toàn bộ khu vực. Bù trừ phơi sáng flash có thể cần được thiết lập.

● Clear flash settings (Xóa cài đặt flash)

Trên màn hình **[External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]**, nhấn nút <DISP.> để hiển thị màn hình xóa cài đặt flash. Khi chọn **[OK]**, các cài đặt cho đèn flash tích hợp và đèn Speedlite ngoài sẽ được xóa.

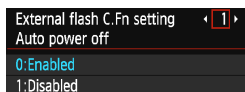
Cài đặt chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite ngoài

Chức năng tùy chỉnh hiển thị trong **[External flash C.Fn setting (Cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài)]** sẽ khác nhau tùy thuộc vào model đèn Speedlite.



1 Hiện thị chức năng tùy chỉnh.

- Chọn **[External flash C.Fn setting (Cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Đặt chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số chức năng, rồi cài đặt chức năng đó. Quy trình giống với đặt chức năng tùy chỉnh của máy ảnh (tr.256).
- Để xóa tất cả cài đặt chức năng tùy chỉnh, chọn **[Clear ext. flash C.Fn set. (Xóa cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài)]** ở bước 1.

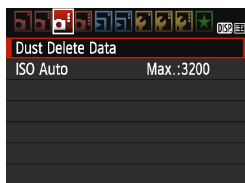
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Bụi vào máy ảnh có thể dính vào cảm biến hình và gây ra các chấm bụi nhìn thấy trên ảnh chụp. Để xóa các chấm bụi này, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.318) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

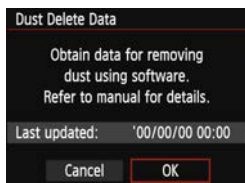
- Chuẩn bị vật màu trắng, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, nhìn vào phía trước ống kính và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



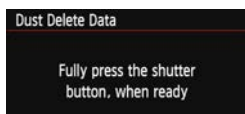
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

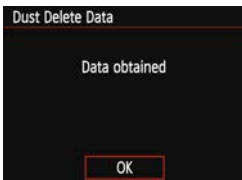
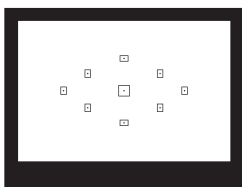
- Trong tab [3], chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>. Hướng dẫn sẽ xuất hiện.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất, không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thẻ trong máy ảnh.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
Chọn **[OK]** và menu sẽ xuất hiện lại.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn **[OK]**. Chụp lại ảnh.

Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.318) để xóa chấm bụi, tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm (tr.321) trên đĩa CD-ROM.

Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.



Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Hoa văn và thiết kế trên giấy có thể được nhận biết là dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của tính năng xóa bụi bằng phần mềm EOS.

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

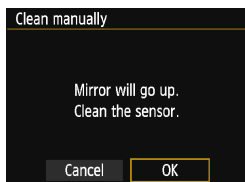
Nếu bụi dính vào cảm biến hình ảnh và chấm bụi xuất hiện trên ảnh, bạn có thể tự làm sạch cảm biến hình ảnh bằng bóng thổi của máy ảnh. Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Bề mặt của cảm biến hình ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.



1 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].

- Trong tab [2], chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.

3 Làm sạch cảm biến.

4 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



Nếu sử dụng pin, đảm bảo pin được sạc đầy.



Về nguồn điện, đề nghị sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E10 (bán riêng).



- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu cắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và cảm biến hình ảnh.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Mở nắp khe cảm thể/ngăn chứa pin.**
- Bề mặt của cảm biến hình ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Lực thổi có thể làm hỏng cảm biến và khí xịt có thể đóng băng trên cảm biến hoặc làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

8

Xem lại ảnh

Chương này giải thích chi tiết hơn về chức năng xem ảnh và phim so với Chương 2 “Chụp cơ bản và xem lại ảnh”. Bạn sẽ tìm thấy hướng dẫn về cách xem lại và xóa ảnh, và xem lại phim bằng máy ảnh hoặc trên TV.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh không thể hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc khi tập tin ảnh đã bị đổi tên.

▶ Tìm kiếm ảnh nhanh chóng

📷 Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)

Tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4 ảnh hoặc 9 ảnh trên một màn hình.



1 Phát lại ảnh.

- Khi nhấn nút <▶>, máy ảnh sẽ hiển thị ảnh được chụp sau cùng.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Nhấn nút <📷🔍>.
- ▶ Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được tô sáng bằng khung màu cam.
- Nhấn lại nút <📷🔍> để chuyển sang hiển thị 9 ảnh.
- Nhấn nút <🔍> sẽ chuyển giữa hiển thị 9 ảnh, hiển thị 4 ảnh và hiển thị 1 ảnh.



3 Chọn ảnh.

- Nhấn phím chéo <⬆️⬇️⬇️⬆️> để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh.
- Xoay nút xoay <🌀> để hiển thị ảnh trên màn hình tiếp theo hoặc trước đó.
- Nhấn <SET> trên hiển thị bảng kê để xem từng ảnh đã chọn.

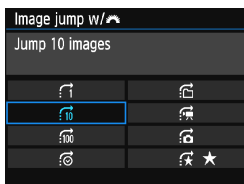
📷 Nhảy qua các ảnh (Hiện thị nhảy ảnh)

Với hiện thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay <🔍> để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/🔍] (Nhảy ảnh với 🔍).

- Trong tab [📷2], chọn [Image jump w/🔍] (Nhảy ảnh với 🔍), rồi nhấn <SET>.



2 Chọn kiểu nhảy ảnh.

- Nhấn phím chéo <⬅➡> để chọn kiểu nhảy ảnh, rồi nhấn <SET>.

🔍: Hiện thị từng ảnh

🔍10: Nhảy 10 ảnh

🔍100: Nhảy 100 ảnh

📅: Hiện thị theo ngày

📁: Hiện thị theo thư mục

🎞: Chỉ hiện thị phim

🖼: Chỉ hiện thị ảnh

★: Hiện thị theo xếp hạng ảnh
(tr.208)

Xoay nút xoay <🔍> để chọn.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem lại

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

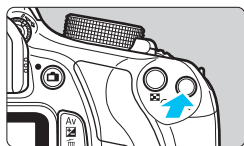
- Nhấn nút <📷> để xem lại ảnh.
- Trên hiện thị từng ảnh, xoay nút xoay <🔍>.
- Duyệt ảnh bằng kiểu nhảy ảnh đã chọn.



- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [Date (Ngày)].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [Folder (Thư mục)].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [Movies (Phim)] hoặc [Stills (Ảnh)] để hiện thị một trong hai loại.
- Nếu không có ảnh phù hợp với [Rating (Xếp hạng)] được chọn, bạn không thể duyệt ảnh bằng nút xoay <🔍>.

Xem phóng to

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 10x trên màn hình LCD.



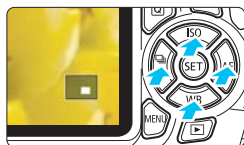
Vị trí khu vực phóng to

1 Phóng to ảnh.

- Phóng to ảnh bằng cách nhấn nút  khi xem lại ảnh.
- ▶ Ảnh được phóng to.
- Nếu nhấn giữ nút , ảnh sẽ được phóng to cho đến khi đạt đến hệ số phóng to tối đa.
- Nhấn nút  để thu nhỏ ảnh. Nhấn giữ nút này để thu nhỏ ảnh cho đến khi hiển thị từng ảnh.

2 Di chuyển quanh ảnh.

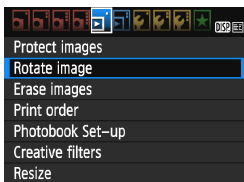
- Sử dụng phím chéo  để lướt quanh ảnh phóng to.
- Để thoát hiển thị phóng to, nhấn nút  và trở về hiển thị từng ảnh.



- Ở chế độ xem phóng to, xoay nút xoay  để xem ảnh khác ở cùng hệ số phóng to.
- Không thể phóng to ảnh trong thời gian xem lại ngay sau khi chụp.
- Không thể phóng to phim.

Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.



1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn ảnh.

- Nhấn phím chéo < > < > để chọn ảnh sẽ xoay.
- Bạn có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.204).



3 Xoay ảnh.

- Mỗi lần nhấn < >, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau:
90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.
- Để thoát và quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.



- Nếu đặt [ 1: Auto rotate (Xoay tự động)] thành [ (Bật )]
- (tr.188) trước khi chụp ảnh dọc, bạn không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng thiết lập trong khi xem lại ảnh, đặt [ 1: Auto rotate (Xoay tự động)] thành [ (Bật )]
- Không thể xoay phim.

MENU Cài đặt xếp hạng

Bạn có thể xếp hạng ảnh (ảnh và phim) với một trong năm dấu xếp hạng sau: [★]/[☆]/[★★]/[★★★]/[★★★★]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.



1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [▶2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <[SET]>.



2 Chọn ảnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh hoặc phim sẽ xếp hạng.
- Bạn có thể hiển thị 3 ảnh bằng cách nhấn nút <[Grid icon]>. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <[Q]>.



3 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn phím <▲> <▼> để chọn xếp hạng.
- Tổng số ảnh và phim xếp đồng hạng sẽ được đếm và hiển thị cho mỗi xếp hạng.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 2 và 3.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.



Tổng số ảnh có thể xếp vào cùng một hạng là 999. Nếu có nhiều hơn 999 ảnh được xếp đồng hạng, [###] sẽ hiển thị cho hạng đó.

Lợi ích của xếp hạng ảnh

- Khi đặt [▶2: **Image jump w/**] (Nhảy ảnh với) , máy ảnh có thể chỉ hiển thị các ảnh và phim có xếp hạng cụ thể.
- Khi đặt [▶2: **Slide show (Trình chiếu)**] , bạn có thể chỉ xem lại ảnh và phim có xếp hạng cụ thể.
- Với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.318), bạn có thể chỉ chọn ảnh có xếp hạng cụ thể (chỉ với tập tin ảnh).
- Với Windows 8, Windows 7 hoặc Windows Vista, bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong phần mềm xem ảnh đi kèm (chỉ với tập tin ảnh).

Điều khiển nhanh trong khi xem lại

Trong khi hiển thị từng ảnh, bạn có thể nhấn nút  để thiết lập các cài đặt sau: [: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**], [: **Rotate image (Xoay ảnh)**], [: **Rating (Xếp hạng)**], [: **Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)**], [: **Resize (JPEG images only) (Thay đổi cỡ ảnh (chỉ với ảnh JPEG))**], [: **Image jump w/  (Nhảy ảnh với )**].

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.



1 Nhấn nút .

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút .
- Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Nhấn các phím   để chọn chức năng.
- Tên và cài đặt hiện tại của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Nhấn các phím   để thiết lập.
- Trong chế độ bộ lọc sáng tạo và thay đổi cỡ ảnh, nhấn  để cài đặt chức năng. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Bộ lọc sáng tạo” ở trang 234 và phần “Thay đổi cỡ ảnh” ở trang 237. Để hủy, nhấn nút .

3 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút  để thoát màn hình điều khiển nhanh.



Để xoay ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**  ] (**Bật**  ). Nếu đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On** ] (**Bật** ) hoặc [**Off (Tắt)**], cài đặt [ **Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.



- Nhấn nút <> trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh và biểu tượng điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút <> để trở về hiển thị bảng kê.
- Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thường thức phim

Bạn có thể xem lại phim theo 3 cách sau đây:

Xem lại trên TV (tr.222)

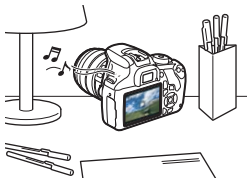


Bạn cần sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Ngoài ra, TV cũng phải có cổng HDMI. Khi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI, bạn có thể xem lại phim và ảnh trên TV.

Nếu sử dụng TV độ phân giải cao và kết nối với máy ảnh qua cáp HDMI, bạn có thể xem phim có chất lượng hình ảnh tốt hơn như Độ phân giải cao (Full HD: 1920x1080) và Độ phân giải cao (HD: 1280x720).

-  Máy ảnh không có ngõ ra tiếng/video. Do đó, bạn không thể kết nối máy ảnh với TV bằng cáp AV analog.
- Do máy ghi đĩa cứng không có cổng HDMI IN, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể xem/lưu lại phim/ảnh.
- Không thể xem lại phim nếu thiết bị xem lại không tương thích với tập tin MOV.

Xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh (tr.214-221)



Bạn có thể xem lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh. Bạn cũng có thể cắt phim để chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim và xem lại ảnh và phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.

- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính cá nhân không thể được ghi vào thẻ và xem lại trên máy ảnh. Tuy nhiên, bạn có thể xem album video quay nhanh đã chỉnh sửa bằng EOS Video Snapshot Task (tr.171) trên máy ảnh.

Xem lại và chỉnh sửa phim trên máy tính cá nhân (tr.319)



Các tập tin phim đã ghi trên thẻ có thể được truyền sang máy tính cá nhân và xem lại bằng ImageBrowser EX (phần mềm EOS).

- Xem lại phim trên máy tính cá nhân có hiệu suất cao để không bị ngắt dừng giữa chừng. Về yêu cầu cho phần cứng máy tính để cài đặt phần mềm ImageBrowser EX, tham khảo Hướng dẫn sử dụng ImageBrowser EX (PDF).
- Nếu sử dụng phần mềm bán sẵn trên thị trường để xem lại hoặc chỉnh sửa phim, cần đảm bảo phần mềm tương thích với tập tin MOV. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Xem phim



1 Phát lại ảnh.

- Nhấn nút  để hiển thị ảnh.



2 Chọn phim.

- Nhấn các phím   để chọn phim.
- Trong màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng  **SET** ở phía trên bên trái biểu thị phim. Nếu phim là một video quay nhanh, biểu tượng  **SET** sẽ hiển thị.
- Ở hiển thị bảng kê, lỗ rỗng cửa ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể xem phim khi hiển thị bảng kê, nhấn <SET> để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**



3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn <SET>.

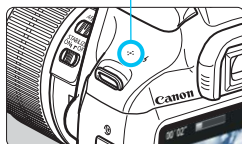
- ▶ Bảng xem lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Xem lại phim.

- Chọn  (Xem), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn <SET> để tạm dừng xem lại phim.
- Trong khi xem lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay .
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình xem lại, tham khảo trang tiếp theo.

Loa



Bảng điều khiển xem lại phim

Thao tác	Mô tả xem lại
 Thoát	Trở về hiển thị từng ảnh.
 Xem	Nhấn <⏮> để chuyển giữa xem lại và tạm dừng phim.
 Chuyển động chậm	Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách nhấn phím <◀> <▶>. Tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
 Khung hình đầu tiên	Hiển thị khung hình đầu tiên của phim.
 Khung hình trước	Mỗi lần nhấn <⏮>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <⏮> để tua lại phim.
 Khung hình tiếp theo	Mỗi lần nhấn <⏭>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <⏭> để tua nhanh phim.
 Khung hình cuối	Hiển thị khung hình cuối của phim.
 Chính sửa	Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.216).
 Nhạc nền*	Xem lại phim với nhạc nền đã chọn (tr.221).
	Vị trí xem lại
phút' giây"	Thời gian xem lại (phút:giây)
 Âm lượng	Điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.214) bằng cách xoay nút xoay <🔊>.

* Khi bật nhạc nền, âm thanh của phim sẽ không được phát.



Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.



- Với Pin LP-E10 được sạc đầy, thời gian xem lại liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) là khoảng 2 tiếng 20 phút.
- Trong khi hiển thị từng ảnh, bạn có thể nhấn nút <DISP.> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.230).
- Khi kết nối máy ảnh tới TV (tr.222) để xem lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <🔊>.)
- Nếu chụp ảnh trong khi quay phim, ảnh sẽ hiển thị trong khoảng 1 giây khi xem lại phim.

✂ Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng một giây.



1 Trên màn hình xem lại phim, chọn [✂].

▶ Màn hình chỉnh sửa sẽ hiển thị.



2 Chỉ rõ đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa.

- Chọn [✂] (Cắt đoạn đầu) hoặc [✂] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để xem khung hình khác. Nhấn giữ phím này để xem nhanh các khung hình.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa, nhấn <SET>. Phần được tô sáng bằng màu xám là phần sẽ được giữ lại.



3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để xem lại phần được tô sáng bằng màu xám.
- Để thay đổi chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, chọn [↶], rồi nhấn <SET>. Chọn [OK] trên màn hình xác nhận, rồi nhấn <SET>.





4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [⏮], rồi nhấn <ⓈET>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu album thành đoạn phim mới, chọn **[New file (Tập tin mới)]**. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn **[Overwrite (Ghi đè)]**, rồi nhấn <ⓈET>.
- Trên màn hình xác nhận, chọn **[OK]**, rồi nhấn <ⓈET> để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình xem lại phim.



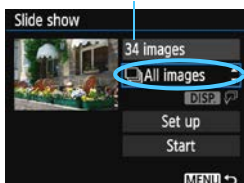
- Do phim được chỉnh sửa ở mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [✕] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập **[New file (Tập tin mới)]**.
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa album. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.

MENU Trình chiếu (Tự động xem lại)

Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.



Số lượng ảnh sẽ xem



1 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

- Trong tab [2], chọn [Slide show (Trình chiếu)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn ảnh sẽ xem.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn kiểu ảnh, rồi nhấn <SET>.

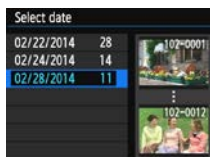
Tất cả ảnh/Phim/Ảnh

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn một trong các cài đặt sau: [All images (Tất cả ảnh)], [Movies (Phim)] hoặc [Stills (Ảnh)]. Sau đó, nhấn <SET>.

Ngày/Thư mục/Xếp hạng

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn một trong các cài đặt sau: [Date (Ngày)], [Folder (Thư mục)] hoặc [★ Rating (Xếp hạng)].
- Khi biểu tượng <DISP. [icon]> được tô sáng, nhấn nút <DISP.>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

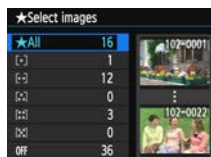
[Date (Ngày)]



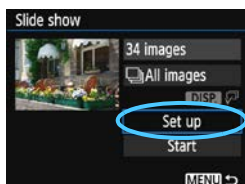
[Folder (Thư mục)]



[Rating (Đánh giá)]



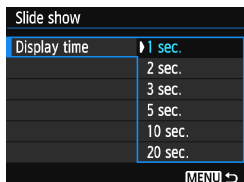
Mục	Mô tả xem lại
All images (Tất cả ảnh)	Xem lại tất cả ảnh và phim trên thẻ.
Date (Ngày)	Xem lại ảnh và phim được chụp/quay vào ngày chụp/quay đã chọn.
Folder (Thư mục)	Xem lại ảnh và phim trong thư mục đã chọn.
Movies (Phim)	Xem lại phim trên thẻ.
Stills (Ảnh)	Xem lại ảnh trên thẻ.
Rating (Xếp hạng)	Xem lại ảnh và phim có xếp hạng đã chọn.



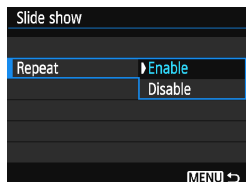
3 Thiết lập [Set up (Cài đặt)] mong muốn.

- Nhấn phím <▲> <▼> để chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập [Display time (Thời gian hiển thị)], [Repeat (Lặp lại)] (xem lại), [Transition effect (Hiệu ứng chuyển)] (hiệu ứng khi chuyển ảnh) và [Background music (Nhạc nền)] cho ảnh.
- Quy trình chọn nhạc nền được giải thích ở trang 221.
- Sau khi chọn cài đặt, nhấn nút <MENU>.

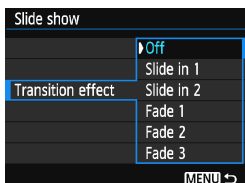
[Display time (Thời gian hiển thị)]



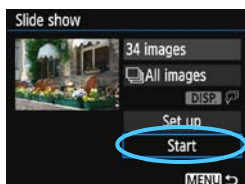
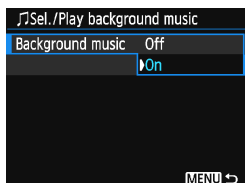
[Repeat (Lặp lại)]



[Transition effect (Hiệu ứng chuyển)]



[Background music (Nhạc nền)]



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn **[Start (Bắt đầu)]**, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Sau khi **[Loading image... (Đang tải ảnh...)]** hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

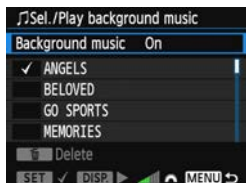
5 Thoát trình chiếu.

- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình cài đặt, nhấn nút <MENU>.



- Nhấn <SET> để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng [III] sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn lại <SET> để tiếp tục trình chiếu.
- Trong khi xem lại tự động, nhấn nút <DISP.> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.80).
- Trong khi xem lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <🔊>.
- Trong khi tự động xem lại hoặc tạm dừng, nhấn phím <◀> <▶> để xem ảnh khác.
- Trong khi xem lại tự động, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 222.

Chọn nhạc nền



1 Chọn [Background music (Nhạc nền)].

- Đặt [Background music (Nhạc nền)] thành [On (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Không thể thực hiện bước 2 nếu thẻ không có nhạc nền.

2 Chọn nhạc nền.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn nhạc nền, rồi nhấn <SET>. Bạn cũng có thể chọn nhiều bản nhạc nền.

3 Phát nhạc nền.

- Để nghe đoạn nhạc nền mẫu, nhấn nút <DISP.>.
- Nhấn phím <▲> <▼> để phát bản nhạc nền khác. Để dừng phát nhạc nền, nhấn lại nút <DISP.>.
- Điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <VOLUME>.
- Để xóa một bản nhạc nền, nhấn phím <▲> <▼> để chọn bản nhạc muốn xóa, rồi nhấn nút <DELETE>.



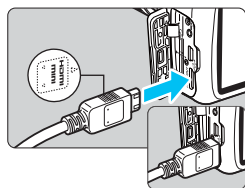
Với máy ảnh mới mua, bạn không thể chọn nhạc nền bằng máy ảnh. Trước tiên, sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để sao chép nhạc nền vào thẻ. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility trên đĩa CD-ROM.

Xem lại trên TV độ phân giải cao

Bạn có thể xem lại phim và ảnh trên TV. Bạn cần sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Ngoài ra, TV cũng phải có cổng HDMI.

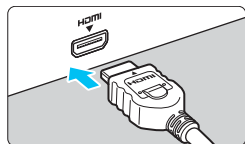


- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào model TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.



1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲HDMI MINI> của chân cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm chân cắm vào cổng <HDMI OUT>.

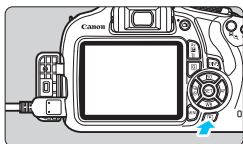


2 Kết nối cáp HDMI tới TV.

- Kết nối cáp HDMI tới cổng HDMI IN của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.



5 Nhấn nút <DISP.>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu của TV.
- Nhấn nút <DISP.> để thay đổi định dạng hiển thị.
- Để xem lại phim, tham khảo trang 214.

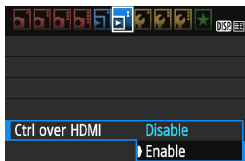


- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Bạn không thể xem lại ảnh trên một số model TV nhất định.

Sử dụng TV HDMI CEC

Nếu TV được kết nối tới máy ảnh bằng cáp HDMI tương thích với HDMI CEC*, bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để thực hiện thao tác xem lại.

* Chức năng chuẩn HDMI cho phép các thiết bị HDMI điều khiển lẫn nhau, do vậy bạn có thể điều khiển các thiết bị này bằng bộ điều khiển từ xa.



1 Đặt [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)] thành [Enable (Bật)].

- Trong tab [DISP2], chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <0>.

2 Kết nối máy ảnh với TV.

- Sử dụng cáp HDMI để kết nối máy ảnh với TV.
- ▶ Đầu vào của TV sẽ tự động chuyển thành cổng HDMI được kết nối với máy ảnh.

3 Nhấn nút <[]> trên máy ảnh.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV và bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại ảnh.

4 Chọn ảnh.

- Hướng điều khiển từ xa về phía TV và nhấn nút ←/→ để chọn ảnh.

5 Nhấn nút Enter của điều khiển từ xa.

- ▶ Menu xuất hiện và bạn có thể thực hiện các thao tác xem lại được trình bày ở bên trái.
- Nhấn nút ←/→ của điều khiển từ xa để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn nút Enter. Để trình chiếu, nhấn nút 1/1 để chọn một tùy chọn, rồi nhấn nút Enter.
- Nếu chọn **[Return (Quay lại)]** và nhấn nút Enter, menu sẽ biến mất và bạn có thể sử dụng nút ←/→ để chọn ảnh.

Menu xem lại ảnh



Menu xem lại phim



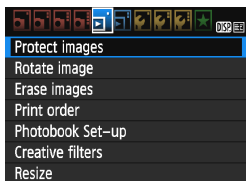
- ↶ : Quay lại
- ⌂ : Bảng kê 9 ảnh
- 📺 : Xem phim
- 👉 : Trình chiếu
- DISP. : Hiển thị thông tin chụp
- 🔄 : Xoay ảnh

- Một số TV yêu cầu bạn phải bật kết nối HDMI CEC trước. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của TV.
- Mặc dù một số TV tương thích với HDMI CEC, nhưng các TV này cũng có thể không hoạt động chính xác. Trong trường hợp này, ngắt kết nối cáp HDMI, đặt [▶ 2: Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)] thành **[Disable (Tắt)]**, và sử dụng máy ảnh để điều khiển thao tác xem lại.

Bảo vệ ảnh

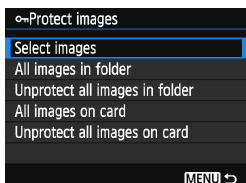
Bảo vệ ảnh khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh



1 Chọn [**Protect images (Bảo vệ ảnh)**].

- Trong tab [ 1], chọn [**Protect images (Bảo vệ ảnh)**], rồi nhấn < >.
- Màn hình cài đặt bảo vệ sẽ xuất hiện.



2 Chọn [**Select images (Chọn ảnh)**].

- Chọn [**Select images (Chọn ảnh)**], rồi nhấn < >.
- Ảnh sẽ hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh

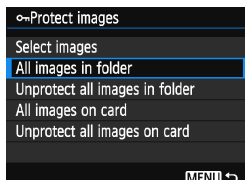


3 Bảo vệ ảnh.

- Nhấn phím < > < > để chọn ảnh sẽ bảo vệ, rồi nhấn < >.
- Khi ảnh được bảo vệ, biểu tượng < > sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại < >. Biểu tượng < > sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] trong [**► 1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [**Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**].

 **Nếu bạn định dạng thẻ (tr.50), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.**

- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh được bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh được bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.228), thì sẽ chỉ còn lại ảnh được bảo vệ. Tính năng này giúp xóa các ảnh không cần thiết cùng một lúc.

Xóa ảnh

Bạn có thể xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.225) sẽ không bị xóa.

-  **Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Xóa ảnh **RAW** +  sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.**

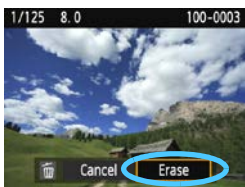
Xóa từng ảnh



1 Xem lại ảnh sẽ xóa.

2 Nhấn nút .

- ▶ Menu xóa sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.

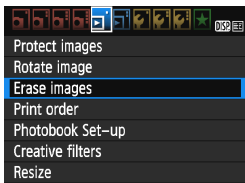


3 Xóa ảnh.

- Chọn [**Erase (Xóa)**], rồi nhấn . Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.

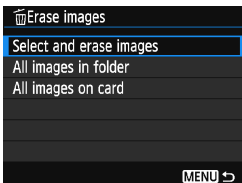
MENU Ảnh đánh dấu sẽ bị xóa cùng một lúc

Đánh dấu  vào các ảnh cần xóa để xóa nhiều ảnh cùng một lúc.



1 Chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**].

- Trong tab [ 1], chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**], rồi nhấn .



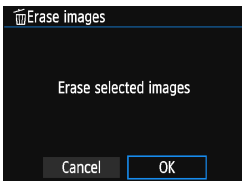
2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh sẽ hiển thị.
- Để mở hiển thị ba ảnh, nhấn nút <DISP Q>. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <Q>.



3 Chọn ảnh sẽ xóa.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh sẽ xóa, rồi nhấn các phím <▲> <▼>.
- ▶ Dấu chọn <✓> hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Để chọn ảnh khác sẽ xóa, lặp lại bước 3.



4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <DISP>.
- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh đã chọn sẽ bị xóa.

MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc. Khi đặt [1: Erase images (Xóa ảnh)] thành [All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)] hoặc [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

Ngoài ra, để xóa ảnh được bảo vệ, bạn cần định dạng lại thẻ (tr.50).

DISP. Hiển thị thông tin chụp

Ảnh mẫu được chụp ở chế độ vùng sáng tạo



* Với ảnh **RAW** + **L**, kích thước tập tin **RAW** sẽ hiển thị.

* Biểu tượng **<[icon]>** hiển thị cho biết ảnh được chụp trong khi quay phim.

* Nếu ảnh được áp dụng bộ lọc sáng tạo hay thay đổi cỡ ảnh, biểu tượng **<RAW+>** sẽ chuyển thành **<[icon]>**.

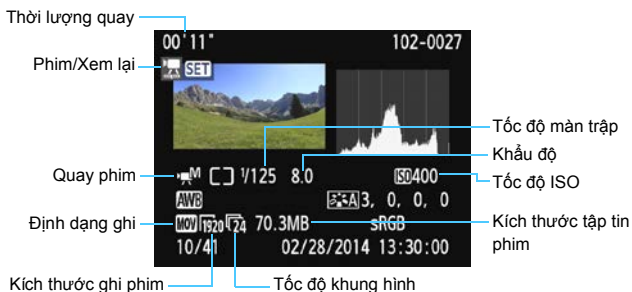
* Ảnh chụp sử dụng flash không thiết lập bù trừ phơi sáng flash được đánh dấu bằng biểu tượng **<[icon]>**. Ảnh chụp thiết lập bù trừ phơi sáng flash được đánh dấu bằng biểu tượng **<[icon]>**.

Ảnh mẫu được chụp ở chế độ vùng cơ bản



* Với ảnh được chụp ở chế độ vùng cơ bản, thông tin hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp.

Phim mẫu



* Nếu sử dụng phơi sáng bằng tay, thông số tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO (khi được đặt bằng tay) sẽ hiển thị.

* Biểu tượng <[M]> biểu thị cho video quay nhanh.

● Cảnh báo vùng sáng

Khi hiển thị thông tin chụp, khu vực quá sáng trên ảnh sẽ nhấp nháy. Để thu được nhiều chi tiết hơn ở các khu vực quá sáng, thiết lập bù trừ phơi sáng thành số âm và chụp lại.

● Biểu đồ sắc độ

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB là để kiểm tra độ bão hòa màu và độ nhạt màu. Hiển thị có thể được chuyển với [▶] **2: Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)**.

Hiển thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu diễn mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, thì ảnh càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, thì ảnh càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ nhạt màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể cho biết độ lệch của mức phơi sáng và độ nhạt màu tổng thể.

Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

Hiển thị [RGB]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối của mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu diễn mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ẩm màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bão hòa và không có độ nhạt màu. Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể cho biết tình trạng độ bão hòa và độ nhạt màu của màu, cũng như độ lệch cân bằng trắng.



9

Xử lý hậu kỳ ảnh

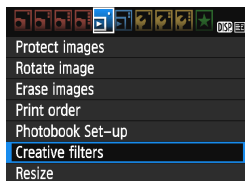
Sau khi chụp, bạn có thể áp dụng bộ lọc sáng tạo hoặc thay đổi cỡ ảnh (giảm độ phân giải).



- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối tới máy tính thông qua cáp nối.

Áp dụng bộ lọc sáng tạo

Bạn có thể áp dụng các bộ lọc sáng tạo sau cho ảnh và lưu thành ảnh mới: Grainy B/W (Đen trắng hạt), Soft focus (Nét mềm), Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá), Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi) và Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ).



1 Chọn [Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)].

- Trong tab [1], chọn [Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



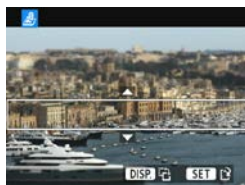
2 Chọn ảnh.

- Chọn ảnh bạn muốn áp dụng bộ lọc.
- Nhấn nút <Q> có thể chuyển sang hiển thị bảng kê và chọn ảnh.



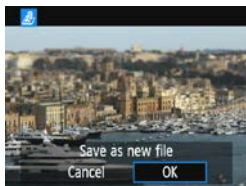
3 Chọn một bộ lọc.

- Khi nhấn <SET>, các loại bộ lọc sáng tạo sẽ hiển thị (tr.236).
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn một bộ lọc sáng tạo, rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị với các hiệu ứng của bộ lọc được áp dụng.



4 Điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh hiệu ứng của bộ lọc, rồi nhấn <SET>.
- Đối với hiệu ứng thu nhỏ, nhấn phím <▲> <▼> và chọn khu vực ảnh (nằm trong khung màu trắng) mà bạn muốn làm sắc nét, rồi nhấn <SET>.



5 Lưu ảnh.

- Chọn **[OK]** để lưu ảnh.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn **[OK]**.
- Để áp dụng các bộ lọc cho ảnh khác, lặp lại các bước 2 đến 5.
- Để quay trở về menu, nhấn nút **<MENU>**.



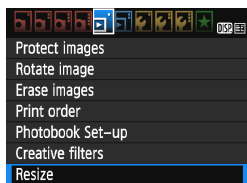
- Khi chụp ảnh **RAW** + **L** hoặc **RAW**, hiệu ứng bộ lọc sẽ áp dụng cho ảnh **RAW** và ảnh sẽ được lưu dưới dạng JPEG.
- Nếu đặt tỷ lệ cỡ ảnh cho ảnh **RAW** rồi áp dụng hiệu ứng bộ lọc, ảnh sẽ được lưu ở tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.

Đặc tính bộ lọc sáng tạo

- 📷 **Grainy B/W (Đen trắng hạt)**
Tạo ảnh đen trắng nhiều hạt. Điều chỉnh độ tương phản có thể thay đổi hiệu ứng đen trắng.
- 👁 **Soft focus (Nét mềm)**
Làm cho ảnh trông dịu. Điều chỉnh độ mờ có thể thay đổi độ dịu.
- 🐟 **Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá)**
Tạo hiệu ứng ống kính mắt cá. Ảnh sẽ biến dạng theo kiểu hình ống. Tùy thuộc vào mức độ của bộ lọc hiệu ứng, khu vực bị cắt dọc theo rìa ảnh sẽ thay đổi. Ngoài ra, hiệu ứng mắt cá sẽ phóng to phần trung tâm ảnh, do vậy độ phân giải ở phần trung tâm ảnh có thể giảm đi tùy thuộc vào độ phân giải được ghi. Đặt hiệu ứng của bộ lọc ở bước 4 trong khi kiểm tra kết quả.
- 🎮 **Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi)**
Làm tối các góc ảnh và sử dụng tông màu khiến ảnh trông như được chụp bằng máy ảnh đồ chơi. Điều chỉnh tông màu có thể thay đổi sắc thái màu.
- 🏠 **Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)**
Tạo hiệu ứng cảnh tầm sâu. Bạn có thể thay đổi vị trí của vùng ảnh sắc nét. Ở bước 4 trong trang 234, nếu nhấn nút <DISP.>, bạn có thể thay đổi hướng của khung màu trắng thành hướng dọc hoặc hướng ngang.

Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG **L/M/S1/S2**. **Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG S3 và ảnh RAW.**



1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn **[Resize (Thay đổi cỡ ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Chọn ảnh bạn muốn thay đổi kích cỡ.
- Nhấn nút **<Q>** có thể chuyển sang hiển thị bảng kê và chọn ảnh.



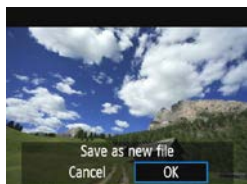
Cỡ ảnh mong muốn

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn **<SET>** để hiển thị cỡ ảnh.
- Nhấn các phím **<◀>** để chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

4 Lưu ảnh.

- Chọn **[OK]** để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn **[OK]**.
- Để thay đổi kích cỡ của ảnh khác, lặp lại các bước 2 đến 4.
- Để quay trở về menu, nhấn nút **<MENU>**.



Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo cỡ ảnh gốc

Cỡ ảnh gốc	Cài đặt thay đổi cỡ ảnh có sẵn			
	M	S1	S2	S3
L	☐	☐	☐	☐
M		☐	☐	☐
S1			☐	☐
S2				☐
S3				

Cỡ ảnh

Cỡ ảnh hiển thị ở bước 3 trên trang trước, ví dụ **[***M ****x****]**, có tỷ lệ cỡ ảnh là 3:2. Cỡ ảnh theo tỷ lệ được trình bày trong bảng bên dưới. Dấu sao cho biết số liệu chất lượng ghi ảnh không khớp chính xác với tỷ lệ cỡ ảnh. Trong trường hợp này, ảnh sẽ bị cắt một chút.

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ cỡ ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
M	3456x2304 (8,0 megapixel)	3072x2304 (7,0 megapixel)	3456x1944 (6,7 megapixel)	2304x2304 (5,3 megapixel)
S1	2592x1728 (4,5 megapixel)	2304x1728 (4,0 megapixel)	2592x1456* (3,8 megapixel)	1728x1728 (3,0 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x400* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

10

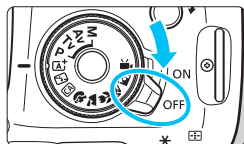
In ảnh

- **In ảnh (tr.240)**
Bạn có thể kết nối máy ảnh trực tiếp với máy in và in ảnh trong thẻ. Máy ảnh tuân theo tiêu chuẩn in trực tiếp “PictBridge”.
- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.249)**
DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in ảnh số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các hướng dẫn in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt in với tiệm rửa ảnh.
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.253)**
Bạn có thể chỉ định ảnh trong thẻ để in thành sách ảnh.

Chuẩn bị in

Quy trình in trực tiếp có thể được thực hiện hoàn toàn bằng máy ảnh với màn hình LCD.

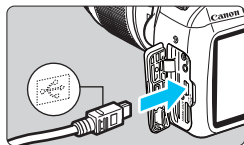
Kết nối máy ảnh với máy in



1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

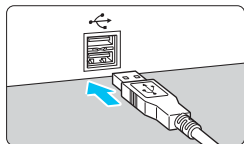
2 Cài đặt máy in.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

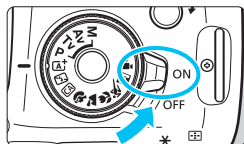


3 Kết nối máy ảnh với máy in.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Kết nối cáp với cổng digital của máy ảnh, biểu tượng <↔> của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Để kết nối với máy in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



4 Bật máy in.



5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- ▶ Một số máy in có thể phát ra tiếng bíp.



6 Phát lại ảnh.

- Nhấn nút < [Play] >.
- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện và biểu tượng < [PictBridge] > ở phía trên bên trái biểu thị máy ảnh đã được kết nối với máy in.



- Trước khi sử dụng máy in, đảm bảo máy in có cổng kết nối PictBridge.
- Bạn không thể in phim.
- Bạn không thể sử dụng máy ảnh với máy in chỉ tương thích với CP Direct hoặc Bubble Jet Direct.
- Không sử dụng bất kỳ cáp nối nào khác ngoài cáp được cung cấp.
- Nếu xuất hiện tiếng bip dài ở bước 5, máy in có thể gặp trục trặc. Giải quyết vấn đề hiển thị trong thông báo lỗi (tr.248).



- Bạn cũng có thể in các ảnh RAW được chụp bằng máy ảnh này.
- Nếu sử dụng pin để cấp nguồn cho máy ảnh, đảm bảo pin được sạc đầy. Với pin được sạc đầy, bạn có thể thực hiện in trong khoảng 2 giờ 40 phút.
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ chân cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.
- Đối với in trực tiếp, sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E10 (bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh.

In ảnh

Thông tin hiển thị trên màn hình và tùy chọn cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Một số cài đặt có thể không có sẵn. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Biểu tượng kết nối máy in



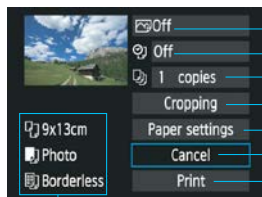
1 Chọn ảnh sẽ in.

- Kiểm tra biểu tượng <🖨️> được hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình LCD.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh sẽ in.

2 Nhấn <SET>.

- ▶ Màn hình cài đặt in sẽ xuất hiện.

Màn hình cài đặt in



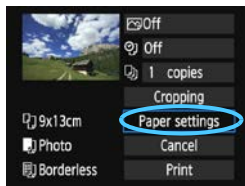
- Đặt hiệu ứng in (tr.244).
- Đặt in ngày hoặc số tập tin thành bật hoặc tắt.
- Đặt số lượng sẽ in.
- Đặt khu vực in (tr.247).
- Đặt khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy.
- Quay lại màn hình ở bước 1.
- Bắt đầu in.

Hiển thị khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy đã đặt.

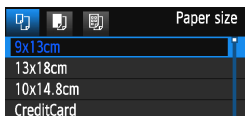
*** Tùy thuộc vào máy in, một số cài đặt nhất định như in ngày, số tập tin và cắt ảnh có thể không chọn được.**

3 Chọn [Paper settings (Cài đặt giấy)].

- Chọn [Paper settings (Cài đặt giấy)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình cài đặt giấy sẽ xuất hiện.

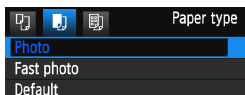


Cài đặt khổ giấy



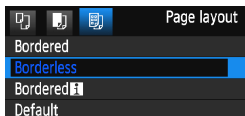
- Chọn khổ giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình kiểu giấy sẽ xuất hiện.

Cài đặt kiểu giấy



- Chọn kiểu giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình trình bày ảnh sẽ xuất hiện.

Cài đặt trình bày ảnh



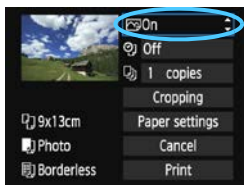
- Chọn trình bày ảnh, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình cài đặt in sẽ xuất hiện lại.

Bordered (Có viền)	Bản in sẽ có viền trắng dọc theo rìa ảnh.
Borderless (Không có viền)	Bản in sẽ không có viền. Trong trường hợp máy in chỉ có thể in có viền, bản in sẽ được in có viền.
Bordered [1] (Có viền [1])	Thông tin chụp* ¹ sẽ được in trên viền của bản in có kích thước từ 9x13 cm trở lên.
xx-up (nhân xx)	Tùy chọn để in 2, 4, 8, 9, 16 hoặc 20 ảnh trên một tờ.
20-up [1] (nhân 20 [1]) 35-up [1] (nhân 35 [1])	20 hoặc 35 ảnh sẽ được in dưới dạng hình thu nhỏ trên giấy khổ A4 hoặc Letter* ² . • [20-up [1] (nhân 20 [1])] sẽ in thông tin chụp* ¹ .
Default (Mặc định)	Trình bày ảnh sẽ khác nhau tùy thuộc vào model máy in hoặc cài đặt của máy in.

*1: Thông tin từ dữ liệu Exif như tên máy ảnh, tên ống kính, chế độ chụp, tốc độ màn trập, lượng bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO, cân bằng trắng, v.v... sẽ được in.

*2: Sau khi đặt lệnh in với “Định dạng lệnh in ảnh số (DPOF)” (tr.249), bạn nên in theo “In trực tiếp với DPOF” (tr.252).

⚠ Nếu tỷ lệ cỡ ảnh của ảnh sẽ khác với tỷ lệ cỡ ảnh của giấy in, ảnh có thể bị cắt đáng kể nếu bạn in ảnh không có viền. Nếu bị cắt, số lượng điểm ảnh sẽ giảm làm ảnh trông nhiễu hơn.

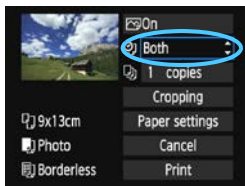


4 Đặt hiệu ứng in (tối ưu hóa ảnh).

- Cài đặt các hiệu ứng nếu cần. Nếu không, chuyển đến bước 5.
- **Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in.**
- Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn hiệu ứng in mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng <≡> hiển thị sáng bên cạnh <DISP.>, bạn cũng có thể điều chỉnh hiệu ứng in (tr.246).

Hiệu ứng in	Mô tả
On (Bật)	Ảnh sẽ được in với chế độ màu tiêu chuẩn của máy in. Dữ liệu Exif của ảnh được dùng để chỉnh sửa tự động.
Off (Tắt)	Không áp dụng chỉnh sửa tự động.
Vivid (Rực rỡ)	Ảnh sẽ được in với độ bão hòa cao hơn để tạo màu xanh da trời và xanh lá cây trông sống động hơn.
NR (Giảm nhiễu)	Giảm nhiễu ảnh trước khi in.
B/W B/W (Đen trắng)	In ảnh đen trắng với màu đen thật.
B/W Cool tone (Đen trắng tông lạnh)	In ảnh đen trắng với màu đen xanh có tông lạnh.
B/W Warm tone (Đen trắng tông ấm)	In ảnh đen trắng với màu đen vàng có tông ấm.
Natural (Tự nhiên)	In ảnh với màu và độ tương phản thực. Không áp dụng điều chỉnh màu tự động.
Natural M (Tự nhiên M)	Các đặc tính in giống với cài đặt "Natural" (Tự nhiên). Tuy nhiên, cài đặt này cho phép điều chỉnh in mịn hơn so với "Natural" (Tự nhiên).
Default (Mặc định)	Chức năng in sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

* Khi bạn thay đổi hiệu ứng in, các thay đổi sẽ được hiển thị ở phía trên bên trái màn hình. Lưu ý rằng ảnh được in có thể trông khác so với ảnh hiển thị vì ảnh hiển thị chỉ là gần chính xác. Điều này cũng xảy ra với [Brightness (Độ sáng)] và [Adjust levels (Điều chỉnh mức)] ở trang 246.



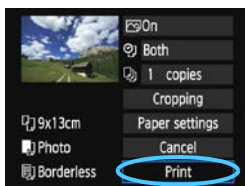
5 Đặt in ngày và số tập tin.

- Cài đặt các hiệu ứng nếu cần.
- Chọn <Ⓜ>, rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập cài đặt in mong muốn, rồi nhấn <Ⓜ>.



6 Đặt số lượng bản sao.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Chọn <Ⓜ>, rồi nhấn <SET>.
- Đặt số lượng bản sao, rồi nhấn <SET>.



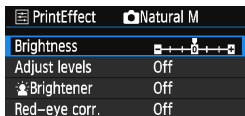
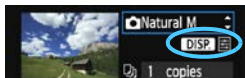
7 Bắt đầu in.

- Chọn [**Print (In)**], rồi nhấn <SET>.



- Cài đặt [**Default (Mặc định)**] cho hiệu ứng in và các tùy chọn khác là cài đặt mặc định của máy in do nhà sản xuất máy in quy định. Để tìm hiểu về cài đặt [**Default (Mặc định)**], tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.
- Tùy thuộc vào kích thước tập tin của ảnh và chất lượng ghi ảnh, có thể mất một khoảng thời gian để bắt đầu in sau khi chọn [**Print (In)**].
- Thời gian in ảnh đã chỉnh độ nghiêng (tr.247) sẽ dài hơn.
- Để dừng in, nhấn <SET> khi thông báo [**Stop (Dừng)**] hiển thị rồi chọn [**OK**].
- Nếu bạn thực hiện [**Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] (tr.190), tất cả các cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định.

Điều chỉnh hiệu ứng in



Chọn hiệu ứng in ở bước 4 trang 244. Khi biểu tượng <≡> nhấp sáng bên cạnh <DISP.>, có thể nhấn nút <DISP.> rồi điều chỉnh hiệu ứng in. Những hiệu ứng in có thể điều chỉnh hoặc thông tin được hiển thị sẽ phụ thuộc vào lựa chọn ở bước 4.

● Brightness (Độ sáng)

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng ảnh.

● Adjust levels (Điều chỉnh mức)

Khi chọn [Manual (Chỉnh tay)], bạn có thể thay đổi phân phối của biểu đồ và điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của ảnh.

Khi màn hình điều chỉnh mức hiện thị, nhấn nút <DISP.> để thay đổi vị trí của con trỏ <↑>.

Nhấn các phím <◀> <▶> để tùy ý điều chỉnh mức tối (0-127) hoặc mức sáng (128-255).



● Brightener (Tác nhân làm sáng)

Có hiệu quả khi khuôn mặt của chủ thể trông tối do chụp ngược sáng. Khi đặt thành [On (Bật)], khuôn mặt sẽ được làm sáng.

● Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)

Có hiệu quả khi chủ thể có mắt đỏ do chụp flash. Khi đặt thành [On (Bật)], hiện tượng mắt đỏ sẽ được chỉnh sửa.



- Các hiệu ứng [Brightener (Tác nhân làm sáng)] và [Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)] sẽ không hiển thị trên màn hình.
- Khi chọn [Detail set. (Cài đặt chi tiết)], bạn có thể điều chỉnh [Contrast (Độ tương phản)], [Saturation (Bảo hòa màu)], [Color tone (Tông màu)] và [Color balance (Cân bằng màu)]. Để điều chỉnh [Color balance], sử dụng các phím <◀>. B là màu xanh da trời, A là màu hồ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được chỉnh về màu đã chọn.
- Nếu chọn [Clear all (Xóa tất cả)], tất cả các cài đặt hiệu ứng in sẽ trở về mặc định.

Cắt ảnh

Chỉnh nghiêng ảnh



Bạn có thể cắt ảnh và in bản phóng to của phần đã cắt như một cách bố cục lại ảnh.

Thực hiện cắt ảnh trước khi in. Nếu thay đổi cài đặt in sau khi đặt cắt ảnh, bạn vẫn phải thực hiện cắt ảnh trước khi in.

1 Trên màn hình cài đặt in, chọn [Cropping (Cắt ảnh)].

2 Đặt kích cỡ, vị trí và tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh.

- Khu vực ảnh nằm trong khung cắt ảnh sẽ được in. Bạn có thể thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh bằng [**Paper settings (Cài đặt giấy)**].

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Khi nhấn nút $\langle \text{C} \rangle$ hoặc $\langle \text{C} \rangle$, kích cỡ khung cắt ảnh sẽ thay đổi. Khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to ảnh để in càng lớn.

Di chuyển khung cắt ảnh

Nhấn phím $\langle \text{Left/Right} \rangle$ để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

Xoay khung

Nhấn nút $\langle \text{DISP} \rangle$ sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Điều này cho phép tạo bản in hướng dọc từ ảnh ngang.

Chỉnh nghiêng ảnh

Bạn có thể xoay nút xoay $\langle \text{Tilt} \rangle$ để điều chỉnh góc nghiêng ảnh tối đa ± 10 độ với mức tăng 0,5 độ. Khi điều chỉnh nghiêng ảnh, biểu tượng $\langle \text{Tilt} \rangle$ trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh da trời.

3 Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát tính năng cắt ảnh.

- ▶ Màn hình cài đặt in sẽ xuất hiện lại.
- Bạn có thể kiểm tra khu vực ảnh được cắt ở phía trên bên trái của màn hình cài đặt in.



- Tùy thuộc vào model máy in, khu vực ảnh đã cắt có thể không được in như bạn đã chỉ định.
- Khung cắt ảnh được tạo càng nhỏ, bản in sẽ trông càng nhiều hạt hơn.
- Khi cắt ảnh, nên nhìn vào màn hình LCD của máy ảnh. Nếu bạn nhìn vào ảnh trên màn hình TV, khung cắt ảnh có thể không được hiển thị chính xác.



Xử lý lỗi máy in

Nếu bạn đã giải quyết lỗi máy in (không có mực, không có giấy, v.v...) và chọn **[Continue (Tiếp tục)]** để tiếp tục in nhưng tiến trình in không tiếp tục, thao tác các nút trên máy in để tiếp tục in. Để tìm hiểu chi tiết về thao tác tiếp tục in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Thông báo lỗi

Nếu xảy ra vấn đề trục trặc khi đang in, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình LCD của máy ảnh. Nhấn <  > để dừng in. Tiếp tục in sau khi đã khắc phục các vấn đề trục trặc. Để tìm hiểu chi tiết về cách khắc phục vấn đề in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Lỗi giấy

Kiểm tra và đảm bảo giấy được nạp đúng cách vào máy in.

Lỗi mực

Kiểm tra mức mực của máy in và hộp mực thải.

Lỗi phản cứng

Kiểm tra máy in có xảy ra vấn đề trục trặc khác ngoài lỗi về giấy và mực không.

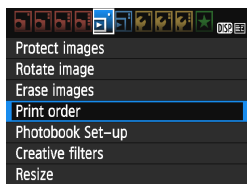
Lỗi tập tin

Không thể in ảnh được chọn qua PictBridge. Không thể in ảnh do máy ảnh khác chụp hoặc ảnh đã được chỉnh sửa bằng máy tính.

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

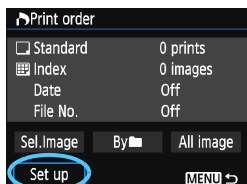
Bạn có thể đặt kiểu in, ngày in và số tập tin sẽ in. Cài đặt in sẽ được áp dụng cho tất cả các ảnh đã đặt lệnh in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

Đặt tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.



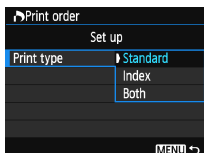
2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.

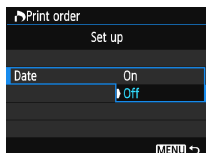
3 Đặt tùy chọn mong muốn.

- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>. Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

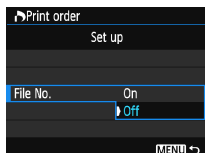
[Print type (Kiểu in)]



[Date (Ngày)]



[File No. (Số tập tin)]



Print type (Kiểu in)	 Standard (Tiêu chuẩn)	In một ảnh trên một trang.
	 Index (Bảng kê)	Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang.
	 Both (Cả hai)	Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in.
Date (Ngày)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in ngày đã ghi lên bản in.
	Off (Tắt)	
File number (Số tập tin)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in số tập tin lên bản in.
	Off (Tắt)	

4 Thoát cài đặt.

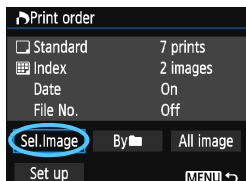
- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], [**By [] (Theo thư mục [])**] hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**] để đặt lệnh in ảnh cần in.

- Ngay cả khi đặt [**Date (Ngày)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**], ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào cài đặt kiểu in và model máy in.
- Với kiểu in [**Index (Bảng kê)**], không thể đặt [**Date (Ngày)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**] cùng một lúc.
- Khi in với DPOF, bạn nên sử dụng thẻ có thông số kỹ thuật lệnh in đã được cài đặt. Không thể in nếu bạn chỉ xuất ảnh khỏi thẻ và in.
- Một số máy in và tiệm rửa ảnh tương thích DPOF có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc kiểm tra với tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
- Không lắp thẻ có lệnh in đã được đặt bằng máy ảnh khác vào máy ảnh rồi đặt lệnh in. Bạn có thể ghi đè lệnh in. Ngoài ra, tùy thuộc vào loại ảnh, lệnh in có thể không thực hiện được.

 Không thể đặt lệnh in cho ảnh RAW và phim. Ảnh RAW có thể được in với PictBridge (tr.240).

Đặt lệnh in

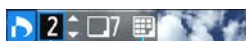
Sel.Image (Chọn ảnh)



Chọn ảnh và đặt lệnh in từng ảnh.

Để mở hiển thị ba ảnh, nhấn nút **< [Grid Icon] >**. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút **< [Single Icon] >**.

Nhấn nút **< MENU >** để lưu lệnh in vào thẻ.



Số lượng

Tổng số ảnh được chọn



Dấu chọn

Biểu tượng bảng kê

[Standard (Tiêu chuẩn)] [Both (Cả hai)]

Nhấn các phím **< ▲ >** **< ▼ >** để đặt số lượng bản sao sẽ in cho ảnh hiển thị.

[Index (Bảng kê)]

Nhấn các phím **< ▲ >** **< ▼ >** để đánh dấu chọn vào ô **< ✓ >**. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.

By [Folder Icon] (Theo thư mục [Folder Icon])

Chọn **[Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)]** và chọn thư mục. Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được đặt. Nếu chọn **[Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)]** và chọn thư mục, lệnh in cho tất cả ảnh trong thư mục đó sẽ bị hủy.

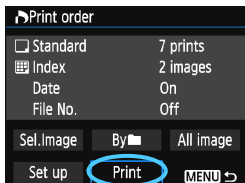
All image (Tất cả ảnh)

Nếu bạn chọn **[Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)]**, một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được đặt để in. Nếu chọn **[Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)]**, lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.



- Lưu ý rằng lệnh in không bao gồm ảnh RAW và phim ngay cả khi đặt **[By [Folder Icon] (Theo thư mục [Folder Icon])]** hoặc **[All image (Tất cả ảnh)]**.
- Khi sử dụng máy in PictBridge, không in nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, tất cả ảnh sẽ không được in.

In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in



Với máy in PictBridge, bạn có thể dễ dàng in ảnh với DPOF.

1 Chuẩn bị in.

- Xem trang 240.

Thực hiện theo quy trình “Kết nối máy ảnh với máy in” đến bước 5.

2 Trong tab , chọn [Print order (Lệnh in)].

3 Chọn [Print (In)].

- Nút [Print (In)] sẽ chỉ hiển thị nếu máy ảnh được kết nối với máy in và có thể thực hiện in.

4 Đặt [Paper settings (Cài đặt giấy)] (tr.242).

- Đặt hiệu ứng in (tr.244) nếu cần.

5 Chọn [OK].

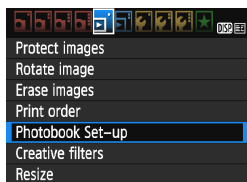
- Trước khi in, đảm bảo khổ giấy đã được đặt.
- Một số máy in có thể không in được số tập tin.
- Nếu đặt [Bordered (Có viền)], một số máy in có thể in ngày trên viền.
- Tùy thuộc vào máy in, ngày có thể bị mờ nếu in trên nền sáng hoặc in trên viền.

- Trong [Adjust levels (Điều chỉnh mức)], bạn không thể chọn [Manual (Chỉnh tay)].
- Nếu bạn đã dừng in và muốn tiếp tục in các ảnh còn lại, chọn [Resume (Tiếp tục)]. Lưu ý rằng không thể tiếp tục in khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:
 - Bạn đã thay đổi lệnh in hoặc xóa bất kỳ ảnh đã đặt lệnh in nào trước khi tiếp tục in.
 - Khi đặt thành bảng kê, bạn đã thay đổi cài đặt giấy trước khi tiếp tục in.
 - Khi dừng in, dung lượng còn lại của thẻ ít.
- Nếu xảy ra vấn đề trực tiếp trong quá trình in, tham khảo trang 248.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

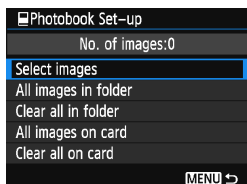
Bạn có thể chỉ định ảnh (tối đa 998 ảnh) để sử dụng trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh tới máy tính, các ảnh được chỉ định sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này giúp đặt lệnh một sách ảnh trên Internet và in sách ảnh trên máy in.

Chỉ định một ảnh mỗi lần



1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Chọn [Select images (Chọn ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.
- Để mở hiển thị ba ảnh, nhấn nút <[Grid icon] Q>. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <Q>.

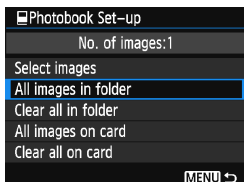


3 Chọn ảnh sẽ chỉ định.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh sẽ chỉ định, rồi nhấn các phím <▲> <▼>.
- Lặp lại bước này để chọn một ảnh khác. Số lượng ảnh đã chỉ định sẽ hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình.
- Để hủy chỉ định ảnh, nhấn lại các phím <▲> <▼>.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [ **1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được chỉ định.

Để hủy chỉ định ảnh, chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] hoặc [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**].

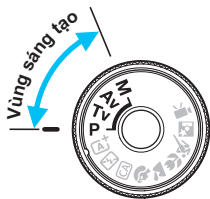
 Không dùng các ảnh chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác cho sách ảnh ở máy ảnh này. Cài đặt cho sách ảnh có thể bị ghi đè. Bạn có thể ghi đè cài đặt sách ảnh.

 Không thể chỉ định ảnh RAW và phim.

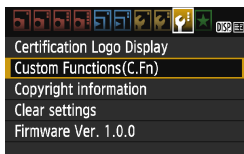
11

Tùy chỉnh máy ảnh

Bạn có thể tùy chỉnh các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân bằng chức năng tùy chỉnh. Chức năng tùy chỉnh chỉ có thể dùng ở các chế độ vùng sáng tạo.



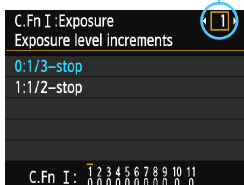
MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆



1 Chọn [Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn)).

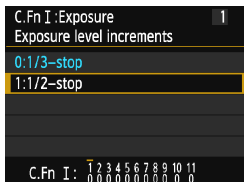
- Trong tab [F3], chọn [**Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], rồi nhấn <SET>.

Số chức năng tùy chỉnh



2 Chọn số chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số của chức năng tùy chỉnh, rồi nhấn <SET>.



3 Thay đổi cài đặt theo ý muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng tùy chỉnh (số), rồi nhấn <SET>.
- Lặp lại các bước 2 và 3 nếu muốn đặt một chức năng tùy chỉnh khác.
- Ở cuối màn hình, các cài đặt chức năng tùy chỉnh hiện tại được hiển thị bên dưới số của chức năng tương ứng.

4 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút <MENU>.
- Màn hình cho bước 1 sẽ xuất hiện lại.

Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh

Trong tab [F3: Clear settings (Xóa cài đặt)], chọn [**Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**] để xóa tất cả các cài đặt chức năng tùy chỉnh (tr.190).

Chức năng tùy chỉnh

C.Fn I: Exposure (Độ phơi sáng)

			 Chụp Live View
1	Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)	tr.258	☐
2	ISO expansion (Mở rộng ISO)		☐
3	Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)	tr.259	☐

C.Fn II: Image (Ảnh)

4	Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)	tr.260	☐
5	High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)	tr.261	☐
6	Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)		☐

C.Fn III: Autofocus/Drive (Lấy nét tự động/Kiểu chụp)

7	AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)	tr.262	☐ (Với AFQuick*)
---	--	--------	--------------------------------------

* Nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét ngay cả ở chế độ AF □ hoặc AF ∞.

C.Fn IV: Operation/Others (Thao tác/Khác)

8	Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa đo sáng)	tr.263	☐
9	Assign SET button (Gán cho nút SET)	tr.264	☐ (Ngoại trừ 3)
10	Flash button function (Chức năng của nút flash)		☐
11	LCD display when power ON (Hiển thị LCD khi nguồn Bật)		



- Bạn không thể đặt các chức năng tùy chỉnh trong khi quay phim. (Cài đặt đã được thiết lập sẽ bị tắt.)
- Chức năng tùy chỉnh bị tô đen không hoạt động khi chụp Live View (LV). (Cài đặt đã được thiết lập sẽ bị tắt.)

MENU Cài đặt chức năng tùy chỉnh ☆

Chức năng tùy chỉnh được phân thành 4 nhóm dựa theo loại chức năng: C.Fn I: Exposure (Độ phơi sáng), C.Fn II: Image (Ảnh), C.Fn III: Autofocus/Drive (Lấy nét tự động/Kiểu chụp), C.Fn IV: Operation/Others (Thao tác/Khác).

C.Fn I: Exposure (Độ phơi sáng)

C.Fn-1 Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)

0: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1: 1/2-stop (1/2 điểm dừng)

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v... Mức này phù hợp nếu bạn muốn điều chỉnh độ phơi sáng ở các mức tăng kém mịn hơn so với mức tăng 1/3 điểm dừng.

 Với cài đặt 1, mức phơi sáng sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên màn hình LCD như hình minh họa bên dưới.



C.Fn-2 ISO expansion (Mở rộng ISO)

0: Off (Tắt)

1: On (Bật)

Khi đặt tốc độ ISO, bạn có thể đặt cài đặt “H” (tương đương với ISO 12800). Lưu ý nếu đặt **[C.Fn-6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** thành **[1: Enable (Bật)]**, bạn không thể đặt cài đặt “H”.

C.Fn-3 Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)

Bạn có thể đặt tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh có flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**).

0: Auto (Tự động)

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/200 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Tính năng đồng bộ tốc độ cao cũng có thể thực hiện với đèn Speedlite ngoài.

1: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)

Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Cài đặt này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, khi chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

2: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))

Tốc độ đồng bộ flash cố định thành 1/200 giây. Cài đặt này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy hiệu quả hơn so với [1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)].



Khi đặt thành 1 hoặc 2, bạn không thể sử dụng tính năng đồng bộ tốc độ cao với đèn Speedlite ngoài.

C.Fn II: Image (Ảnh)

C.Fn-4 Long exposure noise reduction
(Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)

0: Off (Tắt)

1: Auto (Tự động)

Với phơi sáng 1 giây trở lên, nếu máy ảnh phát hiện nhiễu hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Cài đặt **[Auto (Tự động)]** có hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

2: On (Bật)

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Cài đặt **[2: On (Bật)]** có thể hiệu quả đối với nhiễu hạt không thể phát hiện hoặc giảm bằng cài đặt **[1: Auto (Tự động)]**.

- Với cài đặt 1 và 2, sau khi chụp ảnh, thời gian thực hiện quy trình giảm nhiễu hạt bằng với thời gian phơi sáng. Bạn không thể chụp ảnh khác cho đến khi hoàn tất quá trình giảm nhiễu hạt.
- Ở tốc độ ISO 1600 trở lên, cài đặt 2 sẽ cho thấy nhiễu hạt rõ hơn so với cài đặt 0 hoặc 1.
- Với cài đặt 1 hoặc 2, nếu chụp phơi sáng lâu với ảnh Live View được hiển thị, thông báo **"BUSY"** sẽ hiển thị trong quá trình giảm nhiễu hạt. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

C.Fn-5 High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)

Giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Ở tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt ở những phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiều hơn. Thay đổi cài đặt để phù hợp với mức độ nhiễu hạt.

- 0: Standard (Tiêu chuẩn)** **2: Strong (Mạnh)**
1: Low (Thấp) **3: Disable (Tắt)**



- Với cài đặt 2, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ bị giảm đáng kể. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể sẽ chậm hơn.
- Nếu xem lại ảnh **RAW** hoặc **RAW + L** bằng máy ảnh hoặc in trực tiếp ảnh, hiệu ứng giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao có thể bị giảm thiểu. Bạn có thể kiểm tra hiệu ứng giảm nhiễu hạt hoặc in ảnh giảm nhiễu hạt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.318).

C.Fn-6 Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)

- 0: Disable (Tắt)**
1: Enable (Bật)

Cải thiện chi tiết màu sáng. Dải tương phản mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ nhạt màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.



- Với cài đặt 1, Tối ưu hóa ánh sáng tự động (tr.119) được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]** và bạn không thể thay đổi cài đặt này.
- Với cài đặt 1, hiện tượng nhiễu (ảnh nhiễu hạt, dải, v.v...) có thể rõ hơn so với cài đặt 0.



Với cài đặt 1, phạm vi tốc độ ISO có thể cài đặt sẽ là ISO 200 - ISO 6400. Ngoài ra, khi bật chức năng ưu tiên tông màu sáng, biểu tượng **<D+>** sẽ hiển thị trên màn hình LCD và trong khung ngắm.

C.Fn III: Autofocus/Drive (Lấy nét tự động/Kiểu chụp)

C.Fn-7 AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)

Bật hoặc tắt tia giúp lấy nét của đèn flash tích hợp hoặc đèn Speedlite ngoài dành riêng cho máy EOS.

0: **Enable (Bật)**

Nếu cần, tia giúp lấy nét sẽ được phát ra.

1: **Disable (Tắt)**

Không phát ra tia giúp lấy nét. Việc này ngăn tia giúp lấy nét khỏi ảnh hưởng tới người xung quanh.

2: **Enable external flash only (Chỉ bật flash ngoài)**

Nếu có đèn Speedlite ngoài, đèn sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần. Đèn flash tích hợp của máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét.

3: **IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)**

Nếu lắp đèn Speedlite ngoài, đèn chỉ phát ra tia giúp lấy nét hồng ngoại. Điều này ngăn bất kỳ đèn Speedlite nào sử dụng một loạt đèn flash gián đoạn (giống đèn flash tích hợp) để đánh sáng tia giúp lấy nét.

Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật để hỗ trợ lấy nét.

 Nếu đặt chức năng tùy chỉnh [**AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**] của đèn Speedlite ngoài thành [**Disabled (Tắt)**], đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét ngay cả khi đặt C.Fn-7 của máy ảnh thành 0, 2 hoặc 3.

C.Fn IV: Operation/Others (Thao tác/Khác)

C.Fn-8 Shutter/AE lock button
(Nút chụp/khóa đo sáng)

0: AF/AE lock (AF/Khóa đo sáng)

1: AE lock/AF (Khóa đo sáng/AF)

Tính năng này tiện lợi khi bạn muốn lấy nét riêng và đo sáng riêng. Nhấn nút <✱> để lấy nét tự động và nhấn nút nửa chừng nút chụp để áp dụng khóa đo sáng.

2: AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa đo sáng)

Trong thao tác lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục), bạn có thể nhấn nút <✱> để tạm dừng thao tác lấy nét tự động. Tính năng này ngăn lấy nét tự động bị sai lệch do có chướng ngại vật đi qua giữa máy ảnh và chủ thể. Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.

3: AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa đo sáng)

Tính năng này hữu ích cho những chủ thể liên tục di chuyển và dừng lại nhiều lần. Trong quá trình lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục), bạn có thể nhấn nút <✱> để bắt đầu hoặc dừng thao tác lấy nét AI Servo. Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. Do đó, bạn sẽ luôn lấy được nét và phơi sáng tối ưu tại thời điểm quan trọng.



Trong khi chụp Live View

- Với cài đặt 1 hoặc 3, nhấn nút <✱> để lấy nét một lần.
- Với cài đặt 2, nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét một lần.

C.Fn-9 Assign SET button (Chỉ định nút SET)

Bạn có thể chỉ định một chức năng thường dùng cho <SET>. Nhấn nút <SET> khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp sẽ hiển thị màn hình cài đặt chức năng tương ứng.

0: Normal (disabled) (Bình thường (tắt))

1: Image quality (Chất lượng ảnh)

Màn hình cài đặt chất lượng ảnh sẽ xuất hiện. Chọn chất lượng ghi ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

2: Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)

Màn hình cài đặt bù trừ phơi sáng flash sẽ xuất hiện. Đặt lượng bù trừ phơi sáng flash, rồi nhấn <SET>.

3: LCD monitor On/Off (Bật/tắt màn hình LCD)

Chỉ định chức năng tương tự nút <DISP.> button.

4: Depth-of-field preview (Xem trước độ sâu trường ảnh)

Ống kính dừng ở khẩu độ đã đặt và bạn có thể xem độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý) trong khung ngắm hoặc trong ảnh Live View.

C.Fn-10 Flash button function (Chức năng của nút flash)

0: Raise built-in flash (Nâng đèn flash tích hợp)

1: ISO speed (Tốc độ ISO)

Màn hình cài đặt tốc độ ISO sẽ xuất hiện. Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <ISO/AF-ON> để thay đổi tốc độ ISO. Bạn cũng có thể tham khảo khung ngắm để đặt tốc độ ISO.

C.Fn-11 LCD display when power ON (Hiện thị LCD khi nguồn BẬT)

0: Display on (Hiện thị bật)

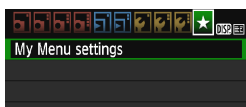
Khi bật công tắc nguồn, cài đặt chụp sẽ hiển thị (tr.52).

1: Previous display status (Trạng thái hiện thị trước đó)

Nếu nhấn nút <DISP.> và tắt máy ảnh trong khi màn hình LCD tắt, cài đặt chụp sẽ không hiển thị khi bật lại máy ảnh. Tính năng này giúp tiết kiệm pin. Màn hình menu và xem lại ảnh vẫn sẽ hiển thị khi sử dụng. Nếu nhấn nút <DISP.> để hiển thị cài đặt chụp và sau đó tắt máy ảnh, cài đặt chụp sẽ hiển thị khi bật lại máy ảnh.

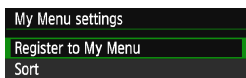
MENU Đăng ký danh mục riêng ☆

Trong tab My Menu (Danh mục riêng), bạn có thể đăng ký tối đa 6 tùy chọn menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi cài đặt.



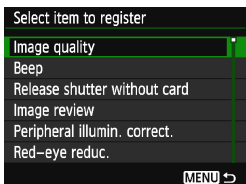
1 Chọn [My Menu settings (Cài đặt danh mục riêng)].

- Trong tab [★], chọn [My Menu settings (Cài đặt danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Register to My Menu (Đăng ký vào danh mục riêng)].

- Chọn [Register to My Menu (Đăng ký vào danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn mục, rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK] rồi nhấn <SET> để đăng ký.
- Bạn có thể đăng ký tối đa 6 mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

My Menu Settings (Cài đặt danh mục riêng)

● Sort (Sắp xếp)

Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong danh mục riêng. Chọn [Sort (Sắp xếp)] rồi chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi [◆] hiển thị, nhấn phím <▲> <▼> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.

● Delete item/items (Xóa mục/các mục) và Delete all items (Xóa tất cả các mục)

Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [Delete item/items (Xóa mục/các mục)] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [Delete all items (Xóa tất cả các mục)] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký.

● Display from My Menu (Hiển thị từ danh mục riêng)

Nếu đặt [Enable (Bật)], tab [★] sẽ hiển thị trước tiên trong hiển thị màn hình menu.



12

Tham khảo

Chương này cung cấp thông tin tham khảo về tính năng máy ảnh, phụ kiện hệ thống, v.v...

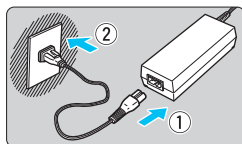


Logo chứng nhận

Trong tab [🔧3], nếu chọn [**Certification Logo Display (Hiển thị Logo chứng nhận)**] và nhấn <Ⓔᵀ>, một số logo chứng nhận của máy ảnh sẽ xuất hiện. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.

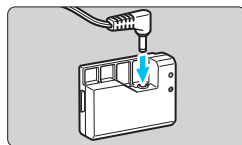
Sử dụng ổ điện gia đình

Với Bộ điều hợp AC ACK-E10 (bán riêng), bạn có thể kết nối máy ảnh tới ổ điện của gia đình và không phải lo lắng về mức pin còn lại.



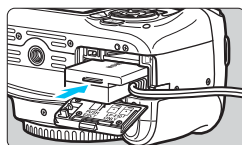
1 Kết nối dây nguồn.

- Cắm dây nguồn như hình minh họa.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.



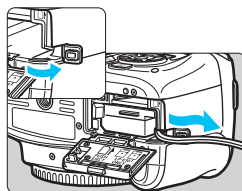
2 Kết nối bộ nguồn DC.

- Kết nối phích cắm của dây với bộ nguồn DC.



3 Lắp bộ nguồn DC.

- Mở nắp và cắm bộ nguồn DC cho đến khi khóa đúng vị trí.



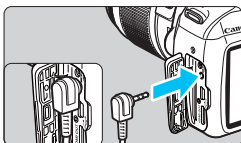
4 Đẩy dây DC vào trong.

- Mở nắp hốc dây DC và lắp dây như hình minh họa.
- Đóng nắp.

 Không cắm hoặc rút dây nguồn khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

Sử dụng công tắc điều khiển từ xa

Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3 (bán riêng) đi kèm với dây nối dài khoảng 60 cm/2,0 ft. Khi kết nối với cổng kết nối điều khiển từ xa của máy ảnh, bạn có thể nhấn nửa chừng và nhấn hoàn toàn công tắc như khi nhấn nút chụp.

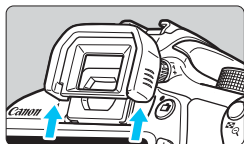


Bạn không thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6, RC-1 và RC-5 (tất cả đều bán riêng) với máy ảnh này.

Sử dụng nắp thị kính

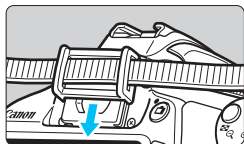
Khi sử dụng chụp hẹn giờ, phơi sáng Bulb hoặc công tắc điều khiển từ xa mà không ngắm qua khung ngắm, ánh sáng khuếch tán đi vào khung ngắm có thể làm cho ảnh bị tối. Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.29) được gắn vào dây đeo máy ảnh.

Không cần lắp nắp thị kính trong khi chụp Live View và quay phim.



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Đẩy phần cuối vành đỡ mắt để tháo ra.



2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi chụp ảnh, tháo nắp thị kính rồi lắp vành đỡ mắt bằng cách trượt vào rãnh thị kính.

Đèn Speedlite ngoài

Đèn Speedlite sê-ri EX dành riêng cho EOS

Thao tác dễ dàng như thao tác cơ bản với đèn flash tích hợp.

Khi lắp đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) vào máy ảnh, hầu hết tất cả các điều khiển flash tự động đều do máy ảnh thực hiện. Nói cách khác, máy ảnh giống như được lắp đèn flash ngoài công suất cao thay vì đèn flash tích hợp.

Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh này là máy ảnh Kiểu A, có thể sử dụng tất cả các tính năng của đèn Speedlite sê-ri EX.



- Với đèn Speedlite sê-ri EX không tương thích với cài đặt chức năng flash (tr.196), chỉ có thể đặt **[Flash exp. comp (Bù trừ phơi sáng flash)]** và **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]** cho **[External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]**. (Chức năng **[Shutter sync. (Đồng bộ màn trập)]** cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
- Nếu đặt bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite ngoài, biểu tượng bù trừ phơi sáng flash hiển thị trên màn hình LCD sẽ thay đổi từ  thành .
- Nếu thông qua chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite để đặt chế độ đo sáng flash thành flash tự động TTL, flash sẽ chỉ đánh sáng ở công suất tối đa.

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được đặt trong chế độ flash tự động TTL hoặc A-TTL, flash chỉ có thể đánh sáng ở công suất tối đa.
Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành <M> (phơi sáng bằng tay) hoặc <Av> (tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) và điều chỉnh cài đặt khẩu độ trước khi chụp.
- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash bằng tay, nên chụp ở chế độ flash bằng tay.

Sử dụng thiết bị flash không phải của Canon

Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash nhỏ gọn không phải của Canon ở tốc độ màn trập từ 1/200 giây trở xuống. Hãy sử dụng tốc độ đồng bộ chậm hơn 1/200 giây.

Đảm bảo thử nghiệm thiết bị flash trước khi sử dụng để chắc chắn thiết bị đồng bộ với máy ảnh một cách chính xác.



- Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy ảnh này có thể không hoạt động chính xác và gặp trục trặc.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn flash ngoài của máy ảnh. Flash có thể không đánh sáng.

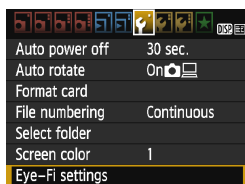
Sử dụng thẻ Eye-Fi

Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp đến máy tính cá nhân hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây.

Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tham khảo hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

 Sản phẩm này không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.

1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.32).



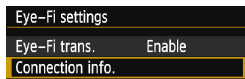
2 Chọn [Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)].

- Trong tab [, chọn **[Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.



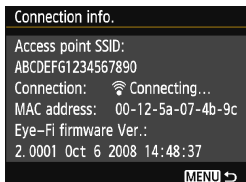
3 Bật truyền Eye-Fi.

- Chọn **[Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Nếu đặt **[Disable (Tắt)]**, quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền .



4 Hiện thị thông tin kết nối.

- Chọn **[Connection info. (Thông tin kết nối)]**, rồi nhấn **<SET>**.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (Điểm truy cập SSID:)].

- Kiểm tra điểm truy cập có hiển thị [Access point SSID: (Điểm truy cập SSID:)] hay không.
- Bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> 3 lần để thoát menu.



Biểu tượng trạng thái truyền

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh được truyền và biểu tượng <📶> chuyển từ màu xám (không kết nối) sang một trong các biểu tượng dưới đây.
- Biểu tượng 📶 sẽ xuất hiện trong thông tin chụp cho biết ảnh đã truyền (tr.229).

- 📶 (Màu xám) **Not connected (Không kết nối)**: Không kết nối với điểm truy cập.
- 📶 (Nhấp nháy) **Connecting... (Đang kết nối...)**: Đang kết nối với điểm truy cập.
- 📶 (Hiển thị) **Connected (Đã kết nối)**: Đã kết nối với điểm truy cập.
- 📶 (1) **Transferring... (Đang truyền...)**: Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.

⚠️ Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- “⚠️” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi truy xuất thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt [🔒 1: Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)] thành [Disable (Tắt)], thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, sân bay và một số nơi cấm truyền Wi-Fi, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và cài đặt của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc có thể gián đoạn.
- Khi thực hiện chức năng truyền, thẻ Eye-Fi có thể bị nóng.
- Pin sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây thay vì thẻ Eye-Fi, [🔒 1: Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)] sẽ không xuất hiện trong menu. Và biểu tượng trạng thái truyền <📶> sẽ không xuất hiện trên màn hình LCD.

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

●: Cài đặt mặc định ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Nút xoay chế độ		Vùng cơ bản								Vùng sáng tạo				📷 📷 ¹
		⬆️	📷	CA	📷	📷	📷	📷	📷	P	Tv	Av	M	
Tắt tất cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
ISO speed (Tốc độ ISO)	Tự động đặt/ISO tự động	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
	Bằng tay									○	○	○	○	○ ²
	Tối đa cho tự động									○	○	○	○	
Picture Style (Kiểu ảnh)	Tự động đặt/Tự động	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
	Chọn bằng tay									○	○	○	○	○
Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)				○	○	○	○	○	○					
Lighting/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)					○	○	○	○						
Blurring/sharpening the background (Làm mờ/làm sắc nét hậu cảnh)				○										
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
	Đặt trước									○	○	○	○	○
	Tùy chọn									○	○	○	○	○
	Chỉnh sửa/Phơi									○	○	○	○	
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
Peripheral illumination correction (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)										○	○	○	○	
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)		●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)										○	○	○	○	○
Color space (Không gian màu)	sRGB	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	
	Adobe RGB									○	○	○	○	
Focusing (Lấy nét)	Lấy nét một lần				●	●	●	●	●	○	○	○	○	AF □
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục					●	●	●	●	○	○	○	○	AF 🔄
	Tự động lấy nét AI	●	●	●						○	○	○	○	AFQuick ^{*3}
	Chọn điểm AF	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	AFQuick
	Tia giúp lấy nét	●		●	● ^{*4}	●	● ^{*4}	●	●	○	○	○	○	
	Chỉnh tay (MF)	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○

*1: Biểu tượng 📷 biểu thị chụp ảnh khi đang quay phim.

*2: Chỉ có thể cài đặt cho phơi sáng bằng tay.

*3: Nếu sử dụng trong khi quay phim, cài đặt sẽ chuyển thành <AF □>.

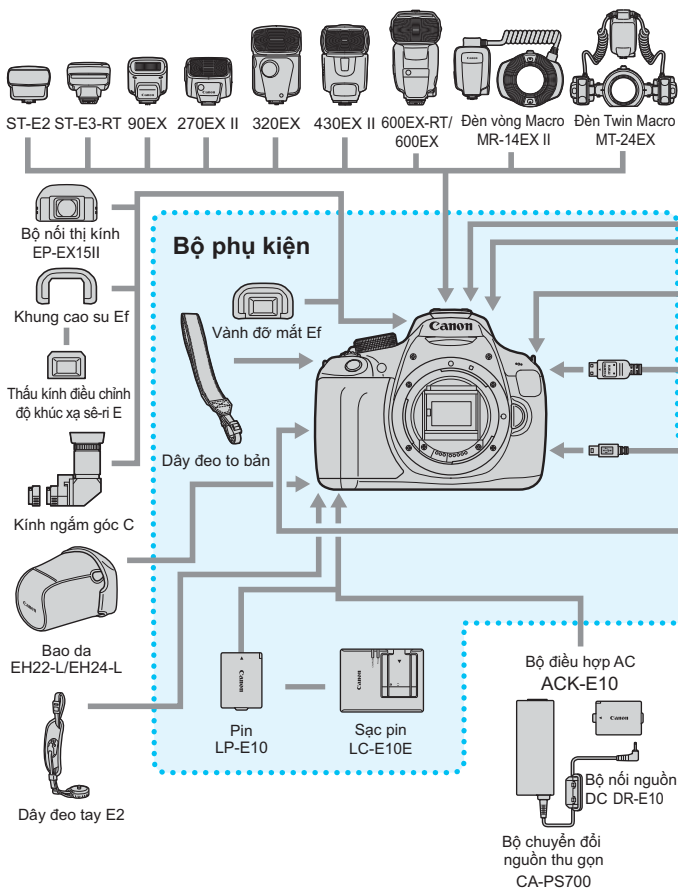
*4: Nếu phương pháp AF là <AFQuick> trong khi chụp Live View, đèn Speedlite ngoài sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần.

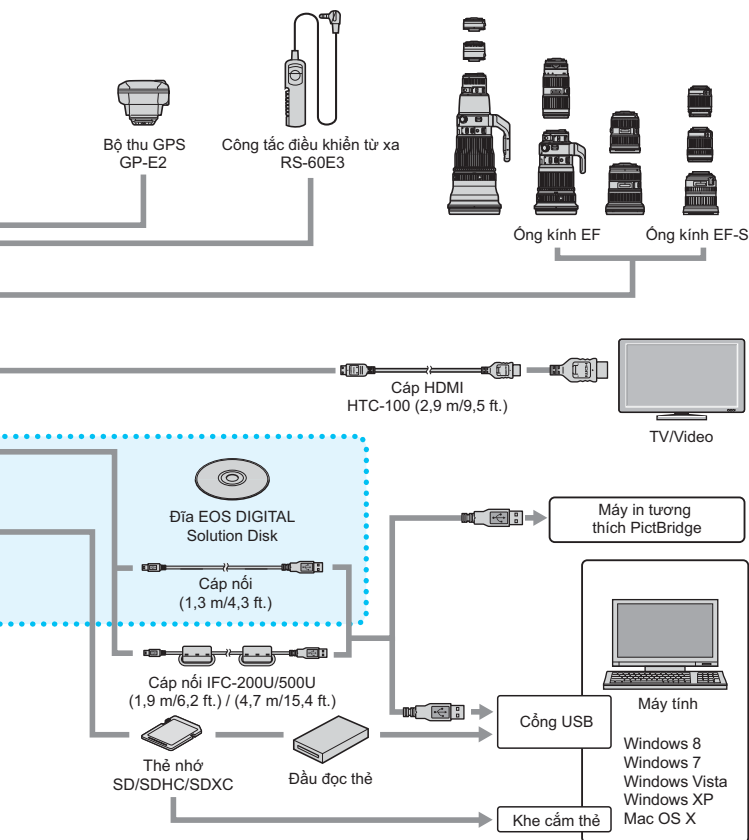
Nút xoay chế độ		Vùng cơ bản								Vùng sáng tạo				📷	
		⬆️	📷	CA	📷	📷	📷	📷	📷	P	Tv	Av	M	📷	📷 ^{*1}
Metering mode (Chế độ đo sáng)	Đo sáng toàn khung ảnh	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○		
	Chọn chế độ đo sáng									○	○	○	○		
Exposure (Lượng bù trừ phơi sáng)	Thay đổi chương trình									○					
	Bù trừ phơi sáng									○	○	○		○ ^{*6}	
	AEB									○	○	○	○		
	Khóa đo sáng									○	○	○		○ ^{*6}	
	Xem trước độ sâu trường ảnh									○ (C.Fn-9-4)					
Drive/self-timer (Kiểu chụp/hẹn giờ)	Chụp từng ảnh	○	○	○		○	○		○	○	○	○	○		●
	Chụp liên tục			○	○			○		○	○	○	○		
	🕒 (10 giây)	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○		
	🕒 (2 giây)									○	○	○	○		
	🕒 (Liên tục)	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○		
Built-in flash (Đèn flash tích hợp)	Tự động đánh sáng	●		○	●		●		●						
	Flash bật (Luôn đánh sáng)			○						○	○	○	○		
	Flash tắt		●	○		●		●		○	○	○	○		●
	Giảm mắt đỏ	○		○	○		○		○	○	○	○	○		
	Khóa căng nét									○	○	○	○		
External flash (Đèn flash ngoài)	Bù trừ phơi sáng flash									○	○	○	○		
	Cài đặt chức năng									○	○	○	○		
Live View shooting (Chụp Live View)		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○		
Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh) ^{*5}										○	○	○	○		
Quick Control (Điều khiển nhanh)		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	
Feature guide (Hướng dẫn tính năng)		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	

*5: Chỉ có thể cài đặt khi chụp Live View.

*6: Chỉ có thể cài đặt cho phơi sáng tự động.

Sơ đồ hệ thống





* Khi sử dụng GP-E2 với máy ảnh, kết nối bộ thu với máy qua cáp đi kèm với GP-E2.

* Độ dài tất cả các cáp được ghi chỉ mang tính tương đối.

MENU Cài đặt menu

Chụp bằng khung ngắm và chụp Live View

Chụp 1 (Đồ)

Trang

Image quality (Chất lượng ảnh)	L / L / M / M / S1 / S2 / S3 / RAW + L / RAW	84
Beep (Bíp)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	180
Release shutter without card (Nhà màn trập khi không lắp thẻ)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	180
Image review time (Thời gian xem lại ảnh)	Off (Tắt) / 2 sec. (2 giây) / 4 sec. (4 giây) / 8 sec. (8 giây) / Hold (Giữ)	180
Peripheral illumination correction (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	120
Red-eye reduction (Giảm mắt đỏ)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	102
Flash control (Điều khiển flash)	Flash firing (Đánh sáng flash) / Built-in flash function setting (Cài đặt chức năng flash tích hợp) / External flash function setting (Cài đặt chức năng flash ngoài) / External flash C.Fn setting (Cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài) / Clear external flash C.Fn setting (Xóa cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài)	195

Chụp 2 (Đồ)

Exposure compensation/AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)	Điều chỉnh với mức tăng 1/3 điểm dừng hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 5 điểm dừng (AEB: ± 2 điểm dừng)	114
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	Disable (Tắt) / Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / High (Cao)	119
Metering mode (Chế độ đo sáng)	Evaluative metering (Đo sáng toàn khung ảnh) / Partial metering (Đo sáng từng phần) / Center-weighted average metering (Đo sáng trung bình trung tâm)	111
Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)	Cài đặt bằng tay cân bằng trắng	127
White balance shift/bracketing (Thay đổi cân bằng trắng/ Cân bằng trắng hỗn hợp)	WB correction: Chỉnh cân bằng trắng BKT setting: Thiết lập cân bằng trắng hỗn hợp	129 130
Color space (Không gian màu)	sRGB / Adobe RGB	131
Picture Style (Kiểu ảnh)	Auto (Tự động) / Standard (Chuẩn) / Portrait (Chân dung) / Landscape (Phong cảnh) / Neutral (Trung tính) / Faithful (Chân thực) / Monochrome (Đơn sắc) / User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)	91 122 125

Tùy chọn menu được tô bóng không hiển thị trong chế độ vùng cơ bản.

Chụp 3 (Đỏ)

Trang

Dust Delete Data (Dữ liệu xóa chấm bụi)	Thu thập dữ liệu cần dùng để xóa chấm bụi	199
ISO Auto (ISO tự động)	Max. (Tối đa):400 / Max. (Tối đa):800 / Max. (Tối đa):1600 / Max. (Tối đa):3200 / Max. (Tối đa):6400	90

Chụp 4* (Đỏ)

Live View shooting (Chụp Live View)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	135
AF method (Phương pháp AF)	FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm) / Live mode (Chế độ Live) / Quick mode (Chế độ nhanh)	142
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt) / Grid 1 (Khung lưới 1) / Grid 2 (Khung lưới 2)	139
Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	140
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	4 sec. (4 giây) / 8 sec. (8 giây) / 16 sec. (16 giây) / 30 sec. (30 giây) / 1 min. (1 phút) / 10 min. (10 phút) / 30 min. (30 phút)	141

* Ở chế độ vùng cơ bản, cài đặt sẽ xuất hiện dưới dạng tab chụp 2 [2].

Xem lại 1 (Xanh da trời)

Protect images (Bảo vệ ảnh)	Select images (Chọn ảnh) / All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục) / Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục) / All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ) / Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)	225
Rotate image (Xoay ảnh)	Xoay ảnh	207
Erase images (Xóa ảnh)	Select and erase images (Chọn và xóa ảnh) / All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục) / All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)	227
Print order (Lệnh in)	Chỉ ra các ảnh được in (DPOF)	249
Photobook Set-up (Lập sách ảnh)	Select images (Chọn ảnh) / All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục) / Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục) / All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ) / Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)	253
Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)	Grainy B/W (Đen trắng hạt) / Soft focus (Nét mềm) / Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá) / Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi) / Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)	234
Resizing (Thay đổi cỡ ảnh)	Giảm độ phân giải của ảnh	237

Xem lại 2 (Xanh da trời)

Trang

Histogram display (Hiện thị biểu đồ)	Brightness (Độ sáng) / RGB	231
Image jump with  (Nhảy ảnh với )	1 image (1 ảnh) / 10 images (10 ảnh) / 100 images (100 ảnh) / Date (Ngày) / Folder (Thư mục) / Movies (Phim) / Stills (Ảnh) / Rating (Xếp hạng)	205
Slide show (Trình chiếu)	Playback description (Mô tả xem lại) / Display time (Thời gian hiển thị) / Repeat (Lặp lại) / Transition effect (Hiệu ứng chuyển) / Background music (Nhạc nền)	218
Rating (Xếp hạng)	[OFF (Tắt)] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	208
Control over HDMI (Điều khiển qua HDMI)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	223

Cài đặt 1 (Vàng)

Auto power off (Tự động tắt nguồn)	30 sec. (30 giây) / 1 min. (1 phút) / 2 min. (2 phút) / 4 min. (4 phút) / 8 min. (8 phút) / 15 min. (15 phút) / Disable (Tắt)	181
Auto rotate (Xoay tự động)	On   (Bật  ) / On  (Bật ) / Off (Tắt)	188
Format card (Định dạng thẻ)	Khởi tạo và xóa dữ liệu trên thẻ	50
File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)	Continuous (Liên tục) / Auto reset (Tự động cài đặt lại) / Manual reset (Đặt lại bằng tay)	184
Select folder (Chọn thư mục)	Tạo và chọn thư mục	182
Screen color (Màu màn hình)	Chọn màu màn hình cài đặt chụp	194
Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)	Xuất hiện khi lắp thẻ Eye-Fi (bán trên thị trường).	272

Cài đặt 2 (Vàng)

LCD brightness (Độ sáng LCD)	Máy ảnh cung cấp 7 mức độ sáng	181
LCD off/on button (Nút bật/tắt LCD)	Shutter button (Nút chụp) / Shutter/DISP (Màn trập/HIỂN THỊ) / Remains on (Luôn hiển thị)	194
Date (Ngày)/Time (Thời gian)/Zone (Múi giờ)	Date (year, month, day) (Ngày (năm, tháng, ngày)) / Time (hour, min., sec.) (Giờ (giờ, phút, giây)) / Daylight saving time (Giờ mùa hè)	37
Language  (Ngôn ngữ )	Chọn ngôn ngữ giao diện	39
Clean manually (Làm sạch bằng tay)	Làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay	201
Feature guide (Hướng dẫn tính năng)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	53
GPS device settings (Cài đặt thiết bị GPS)	Cài đặt có thể thiết lập khi lắp Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng)	281

🔧 Cài đặt 3 (Vàng)

Trang

Certification Logo Display (Hiển thị logo chứng nhận)	Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh	267
Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))	Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn	256
Copyright information (Thông tin bản quyền)	Display copyright information (Hiển thị thông tin bản quyền) / Enter author's name (Nhập tên tác giả) / Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền) / Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)	186
Clear settings (Xóa cài đặt)	Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh) / Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))	190
Firmware version (Phiên bản firmware)	Đề cập nhật firmware	-

★ Danh mục riêng (Xanh lá cây)

My Menu settings (Cài đặt danh mục riêng)	Đăng ký tùy chọn menu thường dùng và chức năng tùy chỉnh	265
--	--	-----



Thận trọng khi sử dụng Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng)

- Kiểm tra xem quốc gia hoặc khu vực của bạn có cho phép sử dụng GPS hay không, đồng thời tuân thủ tất cả quy định pháp lý.
- Khi sử dụng GP-E2 với máy ảnh, kết nối bộ thu với máy ảnh bằng cáp đi kèm với GP-E2. Nếu bạn không sử dụng cáp kèm theo, thông tin thẻ địa lý sẽ không được thêm vào ảnh khi chụp.
- Một số chức năng nhất định của GP-E2 sẽ không hoạt động với máy ảnh này. Lưu ý những điều sau:
 - Hướng chụp không được ghi. (Không thể sử dụng la bàn điện tử.)
 - Thông tin thẻ địa lý có thể được thêm vào phim khi bắt đầu quay. Tuy nhiên, vị trí sẽ không hiển thị trên tiện ích bản đồ (phần mềm EOS). Kiểm tra vị trí bằng máy ảnh.

Quay phim

Phim 1 (Đỏ)

Trang

Movie exposure (Phơi sáng phim)	Auto (Tự động) / Manual (Chỉnh tay)	172
AF method (Phương pháp AF)	FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm) / Live mode (Chế độ Live) / Quick mode (Chế độ nhanh)	172
AF with shutter button during movie shooting (AF bằng nút chụp trong khi quay phim)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	172
Shutter button (Nút chụp) / AE lock button (Nút khóa đo sáng)	AF/AE lock (AF/Khóa đo sáng) / AE lock/AF (Khóa đo sáng/AF) / AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa đo sáng) / AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa đo sáng)	173
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	173

Phim 2 (Đỏ)

Movie recording size (Kích thước ghi phim)	1920x1080 (30/25/24) / 1280x720 (60/50) / 640x480 (30/25)	164
Sound recording (Ghi âm)	Sound recording (Ghi âm): Auto (Tự động) / Manual (Chỉnh tay) / Disable (Tắt)	174
	Recording level (Mức ghi)	
	Wind filter (Lọc gió): Disable (Tắt) / Enable (Bật)	
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	4 sec. (4 giây) / 8 sec. (8 giây) / 16 sec. (16 giây) / 30 sec. (30 giây) / 1 min. (1 phút) / 10 min. (10 phút) / 30 min. (30 phút)	175
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt) / Grid 1 (Khung lưới 1) / Grid 2 (Khung lưới 2)	175
Video snapshots (Video quay nhanh)	Disable (Tắt) / 2 sec. movie (phim 2 giây) / 4 sec. movie (phim 4 giây) / 8 sec. movie (phim 8 giây)	166
Video system (Hệ thống video)	For NTSC (Cho NTSC) / For PAL (Cho PAL)	175

 Phím 3 (Đỏ)

Trang

	Mức tăng 1/3 điểm dừng, ± 5 điểm dừng	176
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	Disable (Tắt) / Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / High (Cao)	176
Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chọn)	Cài đặt bằng tay cân bằng trắng	176
Picture Style (Kiểu ảnh)	 Auto (Tự động) /  Standard (Chuẩn) /  Portrait (Chân dung) /  Landscape (Phong cảnh) /  Neutral (Trung tính) /  Faithful (Chân thực) /  Monochrome (Đơn sắc) /  User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)	176

**Menu cho chế độ quay phim**

- Các tab ,  và  chỉ xuất hiện ở chế độ quay phim.
- Các tab , , ,  và  không xuất hiện.
- Các mục menu sau không xuất hiện:
 -  1: Red-eye reduction (Giảm mắt đỏ), Flash control (Điều khiển flash)
 -  1: Screen color (Màu màn hình)
 -  2: LCD off/on button (Nút tắt/bật LCD), Clean manually (Làm sạch bằng tay)

Hướng dẫn giải quyết vấn đề trục trặc

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trục trặc, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trục trặc này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trục trặc liên quan đến nguồn

Pin không sạc lại.

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E10 Canon chính hãng.

Đèn sạc pin nhấp nháy.

- Nếu sạc pin gặp trục trặc, mạch bảo vệ sẽ dừng sạc và đèn sạc sẽ nhấp nháy màu cam. Trong trường hợp này, cần ngắt kết nối phích cắm nguồn của sạc khỏi ổ điện và rút sạc ra. Lắp lại pin vào sạc và đợi một lúc trước khi cắm lại sạc vào ổ điện.

Máy ảnh không hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng pin đã lắp chính xác vào máy ảnh (tr.32).
- Đảm bảo rằng nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin đã đóng (tr.32).
- Sạc lại pin (tr.30).
- Nhấn nút <DISP.> (tr.52).

Đèn truy cập vẫn bật hoặc nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng hoặc tiếp tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.30).
- Hiệu suất pin có thể sạc lại sẽ giảm qua nhiều lần sử dụng. Hãy mua pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Để chức năng giao tiếp thẻ Eye-Fi bật.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [**1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.181).
- Ngay cả khi đặt [**1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], màn hình LCD vẫn tắt sau khi máy ảnh không sử dụng trong 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.) Nhấn nút <DISP.> để bật màn hình LCD.

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-M (tr.40).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo cắm thẻ đúng cách (tr.32).
- Trượt mấu chống ghi của thẻ đến vị trí ghi/xóa (tr.32).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.32, 227).
- Nếu thực hiện lấy nét ở chế độ lấy nét một lần khi đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy, bạn không thể chụp ảnh. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét bằng tay (tr.45, 97).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 34 hoặc 296.

Ảnh bị mất nét.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.40).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.44, 45).
- Nếu ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.104), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.88), sử dụng flash (tr.101) hoặc chân máy.

Tôi không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác lấy nét tự động thành lấy nét một lần. Không thể khóa lấy nét trong chế độ lấy nét AI Servo (lấy nét liên tục) hay khi servo hoạt động trong chế độ tự động lấy nét AI (tr.93).

Xuất hiện đường sọc ngang hoặc phơi sáng hay tông màu không đều.

- Đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do đèn huỳnh quang, bóng đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi chụp với khung ngắm hoặc chụp Live View. Phơi sáng hoặc tông màu cũng có thể không chính xác. Đặt tốc độ màn trập chậm có thể giải quyết được vấn đề.

Không thể đạt phơi sáng tiêu chuẩn hoặc phơi sáng không chính xác.

- Khi chụp với khung ngắm hoặc chụp Live View, nếu sử dụng ống kính TS-E (ngoại trừ TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II) và di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc sử dụng ống nối, có thể không đạt được phơi sáng chuẩn hoặc có thể dẫn đến phơi sáng không chính xác.

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tùy thuộc vào loại ống kính, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, v.v..., tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn.

Số ảnh chụp liên tục tối đa giảm dần.

- Trong [**43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**5: High ISO speed noise reduct'n (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**] thành [**0: Standard (Tiêu chuẩn)**], [**1: Low (Thấp)**] hoặc [**3: Disable (Tắt)**]. Nếu đặt thành [**2: Strong (Mạnh)**], số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ bị giảm đáng kể (tr.261).
- Trong chế độ cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm (tr.130).
- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ (ví dụ như bãi cỏ), kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh liệt kê ở trang 85.

Không thể đặt ISO 100.

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Tính năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể thiết lập ISO 100. Nếu đặt [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập ISO 100 (tr.261). Chức năng này cũng có hiệu lực khi quay phim (tr.173).

Không thể đặt tốc độ ISO [H] (ISO 12800).

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Tính năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể thiết lập tốc độ ISO [H] (tương đương ISO 12800) ngay cả khi [**2: ISO expansion (Mở rộng ISO)**] được đặt thành [**1: On (Bật)**]. Nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể đặt [H] (tr.261).

Không thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng.

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Tính năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể sử dụng Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Nếu đặt thành [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.261).

Mặc dù tôi đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] thành [**Disable (Tắt)**]. Khi đặt [**Standard (Tiêu chuẩn)**], [**Low (Thấp)**] hoặc [**High (Cao)**], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh vẫn có thể quá sáng (tr.119).

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], đặt [**3: Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**2: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**] (tr.259).

Đèn flash tích hợp tự động nâng lên.

- Ở các chế độ chụp (<A> <CA> <P> <Tv>) có cài đặt mặc định là <F> (Flash tự động), đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên khi cần.

Đèn flash tích hợp không đánh sáng.

- Nếu bạn chụp liên tục bằng đèn flash tích hợp trong khoảng thời gian ngắn, flash có thể dừng đánh sáng để bảo vệ thiết bị flash.

Flash luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.271).
- Trong [**1: Flash control (Điều khiển flash)**], nếu đặt [**Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)**] cho [**External flash C.Fn setting (Cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài)**] thành [**TTL**], flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.198).

Tôi không thể đặt bù trừ phơi sáng flash khi sử dụng đèn Speedlite ngoài.

- Nếu bạn đã đặt bù trừ phơi sáng flash trên đèn Speedlite ngoài, thì không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [**3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**3: Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**0: Auto (Tự động)**] (tr.259).

Máy ảnh phát ra tiếng động khi bị rung.

- Phần được nâng lên của đèn flash tích hợp chuyển động nhẹ. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực trực.

Màn trập tạo ra 2 âm thanh chụp khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash, màn trập sẽ tạo ra 2 âm thanh mỗi lần chụp (tr.135).

Trong khi chụp Live View và quay phim, biểu tượng màu trắng <[ISO]> hoặc màu đỏ <[H]> xuất hiện.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng màu trắng <[ISO]> hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng màu đỏ <[H]> hiển thị, chụp Live View hoặc quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.151, 177).

Quay phim tự động lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Nên sử dụng thẻ SD Speed Class 6 “CLASS 6” hoặc nhanh hơn. Để tìm hiểu tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ, v.v...
- Nếu kích thước tập tin của clip phim đạt đến 4 GB hoặc thời lượng quay đạt đến 29 phút 59 giây, quay phim sẽ tự động dừng.

Bạn không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Nếu đặt [C/1: Movie exposure (Phơi sáng phim)] thành [Auto (Tự động)], tốc độ ISO sẽ được đặt tự động. Nếu đặt [Manual (Chỉnh tay)], bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng tay (tr.156).

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Zoom ống kính trong khi quay phim có thể dẫn đến các thay đổi của phơi sáng cho dù khẩu độ tối đa của ống kính có thay đổi hay không. Do vậy, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển nhanh máy ảnh sang trái hoặc sang phải (di chuyển tốc độ cao) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo.

Ảnh nhấp nháy hoặc đường sọc ngang xuất hiện trong khi quay phim.

- Nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do đèn huỳnh quang, bóng đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Với phơi sáng bằng tay, đặt tốc độ màn trập chậm có thể giải quyết được vấn đề.

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Trong chế độ vùng cơ bản và chế độ quay phim, một số tab và tùy chọn menu nhất định sẽ không hiển thị. Đặt chế độ chụp thành chế độ vùng sáng tạo (tr.48).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt không gian màu thành sRGB. Nếu đặt thành Adobe RGB, ký tự đầu tiên là dấu gạch dưới (tr.131).

Tên tập tin bắt đầu bằng “MVI_”.

- Đây là tập tin phim (tr.185).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh ghi, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.184).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Đảm bảo rằng ngày và giờ đã đặt chính xác (tr.37).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.37).

Ngày và giờ không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh thành thông tin chụp. Bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.245).

Khi [###] hiển thị.

- Nếu thẻ đã ghi số lượng ảnh lớn hơn số lượng ảnh có thể hiển thị, [###] sẽ xuất hiện (tr.209).

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Trong môi trường nhiệt độ thấp hoặc cao, màn hình LCD có thể hiển thị chậm hoặc trông đen hơn. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu thẻ Eye-Fi đặt mấu chống ghi đến vị trí LOCK (KHÓA), bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền thẻ Eye-Fi (tr.272).

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- Đây là cảnh báo vùng sáng (tr.231). Những khu vực dư sáng bị mất đi chỉ tiết vùng sáng sẽ nhấp nháy.

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.225).

Bạn không thể xem lại phim.

- Bạn không thể xem lại bằng máy ảnh những phim đã chỉnh sửa trên máy tính bằng phần mềm ImageBrowser EX (tr.319) hoặc phần mềm EOS khác. Tuy nhiên, bạn có thể xem lại album video quay nhanh đã chỉnh sửa bằng EOS Video Snapshot Task (tr.171) trên máy ảnh.

Khi xem lại phim, bạn có thể nghe thấy tiếng thao tác của máy ảnh.

- Khi quay phim, tiếng động quay nút xoay hoặc ống kính có thể bị ghi lại.

Phim có những đoạn dừng hình.

- Khi quay phim phơi sáng tự động, nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng, tiến trình ghi sẽ dừng ngay lập tức cho đến khi độ sáng ổn định. Trong trường hợp này, thực hiện quay phim với phơi sáng bằng tay (tr.156).

Tôi không thể kết nối máy ảnh tới TV.

- Bạn cần sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) (tr.222).
- Ngoài ra, kiểm tra xem TV của bạn có cổng HDMI IN không. Nếu TV không có cổng HDMI IN mà chỉ có giắc A/V IN, bạn không thể kết nối máy ảnh.

Ảnh không xuất hiện trên màn hình TV.

- Đảm bảo đã cắm chặt phích cắm của cáp HDMI (tr.222).

Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ SDXC có thể không được nhận diện đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối đi kèm, sau đó truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.318).

Không thể thay đổi cỡ ảnh.

- Bạn không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG **S3** và RAW bằng máy ảnh (tr.237).

Vấn đề trực trực về in ảnh

Có ít hiệu ứng in hơn so với danh sách trong hướng dẫn sử dụng.

- Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in. Hướng dẫn sử dụng liệt kê tất cả các hiệu ứng in có sẵn (tr.244).

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

Không thể truyền ảnh vào máy tính.

- Cài đặt phần mềm EOS (đĩa CD-ROM EOS DIGITAL Solution Disk) vào máy tính (tr.320).

Mã lỗi



Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Mã	Thông báo lỗi và cách giải quyết
01	Kết nối giữa máy ảnh và ống kính gặp trục trặc. Làm sạch các điểm tiếp xúc của ống kính.
	→ Vệ sinh các điểm tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.21, 22).
02	Không thể truy cập vào thẻ. Lắp lại/thay đổi thẻ hoặc định dạng thẻ bằng máy ảnh.
	→ Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.32, 50).
04	Không thể lưu ảnh do thẻ đã đầy. Thay thẻ.
	→ Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.32, 227, 50).
05	Đèn flash tích hợp không nâng lên. Tắt máy ảnh và bật lại.
	→ Vận hành công tắc nguồn (tr.35).
10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99	Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh và bật lại hoặc lắp lại pin.
	→ Vận hành công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.35, 32).

* Nếu không xử lý được trục trặc, ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Thông số kỹ thuật

• Loại

Loại:	Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE có flash tích hợp
Phương tiện ghi:	Thẻ nhớ SD, thẻ nhớ SDHC, thẻ nhớ SDXC
Kích thước cảm biến hình ảnh:	Khoảng 22,3 x 14,9 mm
Ống kính tương thích:	Ống kính EF của Canon (bao gồm các ống kính EF-S) * Ngoại trừ ống kính EF-M (chiều dài tiêu cự tương đương 35 mm gấp khoảng 1,6 lần chiều dài tiêu cự ống kính)
Ngàm ống kính:	Ngàm Canon EF

• Cảm biến hình ảnh

Loại:	Cảm biến CMOS
Số điểm ảnh hiệu dụng:	Khoảng 18,0 megapixel
Tỷ lệ cơ ảnh:	3:2
Tính năng xóa bụi:	Thêm dữ liệu xóa bụi, Làm sạch bằng tay

• Hệ thống ghi

Định dạng ghi:	Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0
Loại ảnh:	JPEG, RAW (bản gốc Canon 14 bit) Có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG Lớn
Độ phân giải được ghi:	L (Lớn) : Khoảng 17,9 megapixel (5184 x 3456) M (Trung bình) : Khoảng 8,0 megapixel (3456 x 2304) S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 4,5 megapixel (2592 x 1728) S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 2,5 megapixel (1920 x 1280) S3 (Nhỏ 3) : Khoảng 350.000 pixel (720 x 480) RAW : Khoảng 17,9 megapixel (5184 x 3456)
Tạo/chọn thư mục:	Có thể
Đánh số thứ tự tập tin:	Continuous (Liên tục), Auto reset (Tự động cài đặt lại), Manual reset (Đặt lại bằng tay)

• Xử lý ảnh trong khi chụp

Kiểu ảnh:	Auto (Tự động), Standard (Tiêu chuẩn), Portrait (Chân dung), Landscape (Phong cảnh), Neutral (Trung tính), Faithful (Chân thực), Monochrome (Đơn sắc), User Def (Người dùng xác định). 1 - 3
Cơ bản+:	Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường), Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)

Cân bằng trắng:	Auto (Tự động), Preset (Đặt trước) (Daylight (Ban ngày), Shade (Bóng râm), Cloudy (Nhiều mây), Tungsten light (Đèn dây tóc), White fluorescent light (Đèn huỳnh quang trắng), Flash), Custom (Tùy chỉnh) Cung cấp các tính năng chỉnh cân bằng trắng và bù trừ cân bằng trắng * Cung cấp chức năng truyền thông tin nhiệt độ màu flash
Giảm nhiễu:	Có thể áp dụng cho chụp phơi sáng lâu và chụp tốc độ ISO cao
Chỉnh độ sáng ảnh tự động:	Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)
Ưu tiên tông màu sáng:	Được cung cấp
Chỉnh quang sai của ống kính:	Được cung cấp

• Khung ngắm

Loại:	Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt
Tầm tác dụng:	Chiều dọc/Chiều ngang khoảng 95% (với điểm đặt mắt khoảng 21 mm)
Phóng to:	Khoảng 0,8x (-1 m ⁻¹ với ống kính 50mm ở vô cực)
Điểm đặt mắt:	Khoảng 21 mm (từ trung tâm ống kính thị kính ở -1 m ⁻¹)
Điều chỉnh độ khúc xạ tích hợp:	Khoảng -2,5 - +0.5 m ⁻¹ (dpt)
Màn hình lấy nét:	Cố định, Mờ chính xác
Gương lật:	Loại trả về nhanh
Xem trước độ sâu trường ảnh:	Sử dụng với cài đặt Chức năng tùy chỉnh

• Lấy nét tự động

Loại:	Đăng ký ảnh thứ cấp TTL, phát hiện pha
Điểm AF:	9 điểm (AF dạng chéo và nhạy cảm tới f/5.6 tại điểm AF trung tâm)
Phạm vi quét sáng:	EV 0 - 18 (Điểm AF trung tâm) EV 1 - 18 (Điểm AF khác) (Với Lấy nét một lần, tại nhiệt độ phòng, ISO 100)
Thao tác lấy nét tự động:	One-Shot AF (Lấy nét một lần), AI Servo AF (Lấy nét AI Servo- lấy nét liên tục), AI Focus AF (Lấy nét tự động AI)
Tia giúp lấy nét:	Flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng

• Điều chỉnh phơi sáng

Chế độ đo sáng:	Đo sáng khẩu độ đầy đủ TTL 63 vùng • Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF) • Đo sáng từng phần (ở trung tâm khoảng 10% khung ngắm) • Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi đo sáng:	EV 1 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Điều khiển phơi sáng:	Program AE (Phơi sáng tự động) (Scene Intelligent Auto (Tự động nhận cảnh thông minh), Flash Off (Flash tắt), Creative Auto (Tự động sáng tạo), Portrait (Chân dung), Landscape (Phong cảnh), Close-up (Cận cảnh), Sport (Thể thao), Night Portrait (Chân dung ban đêm), Program (Chương trình)), Shutter-priority AE (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập), Aperture-priority AE (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ), Manual exposure (Phơi sáng bằng tay)
Tốc độ ISO: (chỉ số phơi sáng khuyến dùng)	Chế độ vùng cơ bản*: ISO 100 - ISO 3200 được đặt tự động * Portrait (Chân dung): ISO 100 Creative Zone modes (Các chế độ vùng sáng tạo): ISO 100 - ISO 6400 được đặt bằng tay (mức tăng chặn), ISO 100 - 6400 được đặt tự động, có thể đặt tốc độ ISO tối đa cho ISO tự động hoặc Mở rộng ISO thành "H" (tương đương ISO 12800)
Bù trừ phơi sáng:	Manual (Chỉnh tay): ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng AEB: ± 2 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (Có thể kết hợp với bù phơi sáng bằng tay)
Khóa đo sáng:	Auto (Tự động): Áp dụng với AF một ảnh có đo sáng toàn khung ảnh khi lấy được nét Manual (Chỉnh tay): Bằng nút khóa đo sáng
• Màn trập	
Loại:	Màn trập điều khiển điện tử, mặt phẳng tiêu điểm
Tốc độ màn trập:	1/4000 giây đến 30 giây (Tổng phạm vi tốc độ màn trập. Phạm vi có thể dùng thay đổi theo chế độ chụp.), phơi sáng bulb, đồng bộ flash ở 1/200 giây

• Flash

Flash tích hợp:	Flash có thể thu lại, tự động nâng lên Chỉ số hướng dẫn: Khoảng 9.2/30.2 (ISO 100, tính bằng mét/feet) hoặc khoảng 13/42.7 (ISO 200, tính bằng mét/feet) Tầm tác dụng của flash: Tương đương góc ngắm của ống kính 17mm Thời gian nạp khoảng 2 giây
Flash ngoài:	Đèn Speedlite sê-ri EX
Đo sáng flash:	Flash tự động E-TTL II
Bù trừ phơi sáng flash:	Trong khoảng ± 2 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Khóa căng nét:	Được cung cấp
Cổng cho máy tính:	Không

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp:	Single shooting (chụp từng ảnh), continuous shooting (chụp liên tục), self-timer (chụp hẹn giờ) với thời gian trễ 10 giây hoặc 2 giây và thời gian trễ 10 giây với chụp liên tục
Tốc độ chụp liên tục:	Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây
Số ảnh chụp liên tục tối đa (Ước chừng):	JPEG Lớn/Đẹp: 69 ảnh RAW: 6 ảnh RAW+JPEG Lớn/Đẹp: 4 ảnh Số liệu dựa trên thẻ nhớ 8GB và tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn).

• Chụp Live View

Tỷ lệ cỡ ảnh:	3:2, 4:3, 16:9, 1:1
Phương pháp lấy nét:	Nhận diện tương phản (Vùng linh hoạt - một điểm, chế độ Live nhận diện khuôn mặt), Phát hiện lệch pha (Chế độ nhanh) Lấy nét bằng tay (có thể phóng to khoảng 5x / 10x)
Phạm vi quét sáng:	EV 1 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng thời gian thực với cảm biến ảnh
Phạm vi đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Hiển thị khung lưới:	2 loại

• Quay phim

Định dạng ghi:	MOV
Phim:	MPEG-4 AVC/H.264
Âm thanh:	Tỷ lệ bit (trung bình) có thể thay đổi PCM tuyến tính
Kích thước và tỷ lệ khung ghi:	1920x1080 (Full HD): 30p/25p/24p 1280x720 (HD) : 60p/50p 640x480 (SD) : 30p/25p * 30p: 29,97 fps, 25p: 25,00 fps, 24p: 23,98 fps, 60p: 59,94 fps, 50p: 50,00 fps
Kích thước tập tin:	1920x1080 (30p/25p/24p): Khoảng 330 MB/phút. 1280x720 (60p/50p) : Khoảng 330 MB/phút. 640x480 (30p/25p) : Khoảng 82,5 MB/phút.
Lấy nét:	Tương tự lấy nét khi chụp Live View
Chế độ đo sáng:	Đo sáng trung bình trung tâm và đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến hình ảnh * Đặt tự động bằng chế độ lấy nét
Phạm vi đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Điều khiển phơi sáng:	Auto exposure (Phơi sáng tự động) và Manual exposure (Phơi sáng bằng tay)
Bù trừ phơi sáng:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng (Ảnh : ± 5 điểm dừng)
Tốc độ ISO: (chỉ số phơi sáng khuyến dùng)	Với chụp tự động phơi sáng: ISO 100 - ISO 6400 đặt tự động (ISO 100 - ISO 3200 đối với chụp ảnh) Với phơi sáng bằng tay: ISO 100 - ISO 6400 được đặt tự động/ bằng tay
Video quay nhanh:	Có thể đặt 2 giây/4 giây/8 giây
Ghi âm:	Micro mono tích hợp Có thể điều chỉnh mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm
Hiển thị khung lưới:	2 loại
Chụp ảnh:	Có thể

• Màn hình LCD

Loại:	Màn hình màu tinh thể lỏng TFT
Kích thước và điểm màn hình:	Khoảng 7,5 cm (3,0 in.) (4:3) với khoảng 460.000 điểm
Điều chỉnh độ sáng:	Chỉnh tay (7 mức)
Ngôn ngữ giao diện:	25
Hướng dẫn tính năng:	Có thể hiển thị

• Xem lại

Định dạng hiển thị ảnh:	Thông tin cơ bản, thông tin cơ bản + chất lượng ảnh/số thứ tự xem lại, hiển thị thông tin chụp, biểu đồ sắc độ, bảng kê ảnh (4/9)
Zoom phóng to:	Khoảng 1,5x - 10x
Cảnh báo dư sáng:	Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy
Phương pháp duyệt ảnh:	Single image (Một ảnh), jump by 10 or 100 images (nhảy 10 ảnh hoặc 100 ảnh), by shooting date (theo ngày chụp), by folder (theo thư mục), by movies (theo phim), by stills (theo ảnh), by rating (theo xếp hạng)
Xoay ảnh:	Có thể
Xếp hạng:	Được cung cấp
Xem lại phim:	Cho phép (LCD monitor, HDMI OUT) Loa tích hợp
Chống xóa ảnh	Có thể
Trình chiếu:	All images (Tất cả ảnh), by date (theo ngày), by folder (theo thư mục), by movies (theo phim), by stills (theo ảnh), by rating (theo xếp hạng) Có thể chọn 5 hiệu ứng chuyển tiếp
Nhạc nền:	Có thể chọn cho trình chiếu và xem lại phim

• Xử lý hậu kỳ

Bộ lọc sáng tạo:	Grainy B/W (Đen trắng hạt), Soft focus (Nét mềm), Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá), Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi), Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)
Thay đổi cỡ ảnh:	Có thể

• In trực tiếp

Máy in tương thích:	Máy in tương thích PictBridge
Ảnh có thể in:	Ảnh JPEG và RAW
Đặt lệnh in:	Tương thích DPOF phiên bản 1.1

• Custom Functions (Chức năng tùy chỉnh)

Chức năng tùy chỉnh:	11
Đăng ký danh mục riêng:	Có thể
Thông tin bản quyền:	Có thể nhập và ghi kèm

• Giao diện

Cổng Digital:	Kết nối máy tính, in trực tiếp (tương đương USB tốc độ cao), kết nối Bộ thu GPS GP-E2
Ngõ ra HDMI mini:	Loại C (tự động chuyển đổi độ phân giải), tương thích CEC
Cổng kết nối điều khiển từ xa:	Dành cho Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3
Thẻ Eye-Fi:	Tương thích

• Thiết bị nguồn

Pin:	Pin LP-E10 (Số lượng 1) * Có thể cấp nguồn điện xoay chiều AC qua Bộ điều hợp AC ACK-E10
Số ảnh có thể chụp: (Dựa theo tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA)	Chụp với khung ngắm: Khoảng 500 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 410 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) Chụp Live View: Khoảng 180 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 170 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F)
Thời gian quay phim:	Khoảng 1 giờ 15 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) Khoảng 1 giờ 10 phút ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) (với Pin LP-E10 sạc đầy)

• Kích thước và trọng lượng

Kích thước (R x C x D):	Khoảng 129,6 x 99,7 x 77,9 mm / 5,10 x 3,93 x 3,07 in.
Trọng lượng:	Khoảng 480 g / 16,93 oz. (Theo chỉ dẫn của CIPA), Khoảng 435 g / 15,34 oz. (Chỉ riêng thân máy ảnh)

• Môi trường vận hành

Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn

• Pin LP-E10

Loại:	Pin lithium-ion có thể sạc lại
Điện áp định mức:	7,4 V DC
Dung lượng pin:	860 mAh
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	Trong khi sạc: 6°C - 40°C / 43°F - 104°F Trong khi chụp: 0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x D):	Khoảng 36,2 x 14,7 x 49,0 mm / 1,4 x 0,6 x 1,9 in.
Trọng lượng:	Khoảng 45 g / 1,6 oz.

• Sạc pin LC-E10E

Pin tương thích:	Pin LP-E10
Ổ cắm dây nguồn:	Khoảng 1 m / 3,3 ft.
Thời gian sạc:	Khoảng 2 giờ (ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F))
Đầu vào định mức:	100 - 240 V AC (50/60 Hz)
Đầu ra định mức:	8,3 V DC / 580 mA
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	6°C - 40°C / 43°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x D):	Khoảng 67,0 x 30,5 x 87,5 mm / 2,6 x 1,2 x 3,4 in.
Trọng lượng:	Khoảng 82 g / 2,9 oz. (không bao gồm dây nguồn)

• EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II

Góc ngắm:	Khoảng rộng chéo: 74°20' - 27°50' Khoảng rộng ngang: 64°30' - 23°20' Khoảng rộng dọc: 45°30' - 15°40'
Cấu trúc ống kính:	11 thành phần chia thành 9 nhóm
Khẩu độ nhỏ nhất:	f/22 - 36
Khoảng cách lấy nét gần nhất:	0,25 m / 0,82 ft. (từ mặt phẳng cảm biến hình ảnh)
Hệ số phóng to tối đa:	0,34x (ở 55mm)
Trường ảnh:	207 x 134 - 67 x 45 mm / 8.1 x 5.3 - 2.6 x 1.8 in. (tại 0.25 m / 0.82 ft.)
Hệ thống ổn định hình ảnh:	Loại dịch chuyển ống kính
Kích thước bộ lọc:	58 mm
Nắp ống kính:	E-58 II
Đường kính x chiều dài tối đa:	Khoảng 68,5 x 70,0 mm / 2,7 x 2,8 in.
Trọng lượng:	Khoảng 200 g / 7,1 oz.
Loa che nắng:	EW-60C (bán riêng)
Nắp:	LP814 (bán riêng)

• EF-S18-55mm f/3.5-5.6 III

Góc ngắm:	Khoảng rộng chéo: 74°20' - 27°50' Khoảng rộng ngang: 64°30' - 23°20' Khoảng rộng dọc: 45°30' - 15°40'
Cấu trúc ống kính:	11 thành phần chia thành 9 nhóm
Khẩu độ nhỏ nhất:	f/22 - 36
Khoảng cách lấy nét gần nhất:	0,25 m / 0,82 ft. (từ mặt phẳng cảm biến hình ảnh)
Hệ số phóng to tối đa:	0,34x (ở 55mm)
Trường ảnh:	207 x 134 - 67 x 45 mm / 8,1 x 5,3 - 2,6 x 1,8 in. (tại 0,25 m / 0,82 ft.)
Kích thước bộ lọc:	58 mm
Nắp ống kính:	E-58 II
Đường kính x chiều dài tối đa:	Khoảng 68,5 x 70,0 mm / 2,7 x 2,8 in.
Trọng lượng:	Khoảng 195 g / 6,9 oz.
Loa che nắng:	EW-60C (bán riêng)
Nắp:	LP814 (bán riêng)

• EF-S55-250mm f/4-5.6 IS II

Góc ngắm:	Khoảng rộng chéo: 27°50' - 6°15' Khoảng rộng ngang: 23°20' - 5°20' Khoảng rộng dọc: 15°40' - 3°30'
Cấu trúc ống kính:	12 thành phần chia thành 10 nhóm
Khẩu độ nhỏ nhất:	f/22 - 32
Khoảng cách lấy nét gần nhất:	1,1 m / 3,6 ft. (từ mặt phẳng cảm biến hình ảnh)
Hệ số phóng to tối đa:	0,31x (ở 250 mm)
Trường ảnh:	328 x 218 - 73 x 49 mm / 12,9 x 8,6 - 2,9 x 1,9 in. (tại 1,1m / 3,6 ft.)
Hệ thống ổn định hình ảnh:	Loại dịch chuyển ống kính
Kích thước bộ lọc:	58 mm
Nắp ống kính:	E-58 II
Đường kính x chiều dài tối đa:	Khoảng 70,0 x 108,0 mm / 2,8 x 4,3 in.
Trọng lượng:	Khoảng 390 g / 13,8 oz.
Loa che nắng:	ET-60 (bán riêng)
Nắp:	LP1019 (bán riêng)

- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và quy tắc của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước, đường kính tối đa, chiều dài và trọng lượng được liệt kê ở trên dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng riêng của thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã được đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Macintosh và Mac OS là nhãn hiệu đã được đăng ký của Apple Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

"This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard."

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh như được yêu cầu.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn, chẳng hạn như cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Lưu ý rằng bảo hành không áp dụng đối với sửa chữa do trục trặc của phụ kiện không chính hãng Canon, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và phải thanh toán chi phí.

Cảnh báo an toàn

Thực hiện theo các biện pháp an toàn và sử dụng thiết bị đúng cách để ngăn chấn thương, tử vong và hư hỏng vật liệu.

Phòng tránh chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất và nổ, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện và phụ kiện không được quy định trong cuốn sách này. Không sử dụng pin tự chế tạo hoặc được chỉnh sửa.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin hoặc pin dự phòng. Không cung cấp nhiệt hay hàn pin hoặc pin dự phòng. Không để pin hoặc pin dự phòng tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin hoặc pin dự phòng chịu va chạm vật lý mạnh.
 - Không lắp pin hoặc pin dự phòng với cực bị đảo ngược (+ -). Không dùng lẫn lộn pin mới và pin cũ hoặc các loại pin khác nhau.
 - Không sạc pin khi ở ngoài phạm vi nhiệt độ môi trường cho phép là 0°C - 40°C (32°F - 104°F). Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian sạc lại.
 - Không cầm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Giữ pin dự phòng xa tầm tay của trẻ. Nếu trẻ nuốt phải pin, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức. (Các hóa chất của pin có thể gây hại cho dạ dày và ruột non.)
- Khi vứt bỏ pin hoặc pin dự phòng, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính để ngăn tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác. Việc này giúp chống cháy nổ.
- Trong khi sạc lại pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Rút chân cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc để chống cháy nổ.
- Nếu pin hoặc pin dự phòng bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận không để bị bỏng trong quá trình xử lý.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Trong quá trình sạc lại, giữ thiết bị tránh xa tầm với của trẻ. Dây điện có thể làm ngạt trẻ hoặc gây điện giật.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái xe. Việc này có thể gây tai nạn.
- Không đánh sáng flash gần mắt người. Việc này có thể làm hỏng thị lực. Khi sử dụng flash để chụp ảnh trẻ sơ sinh, giữ khoảng cách ít nhất là 1 m/3,3 ft.

-
- Trước khi cất giữ máy ảnh hoặc phụ kiện khi không sử dụng, tháo pin và ngắt kết nối phích cắm điện để tránh điện giật, sinh nhiệt và cháy.
-
- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
-
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vỏ bị vỡ hờ ra để lộ các bộ phận bên trong, không chạm vào các bộ phận bên trong do có khả năng bị điện giật.
-
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
-
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
-
- Giữ máy ảnh xa tầm với của trẻ. Dây đeo cổ tay có thể vô tình làm ngạt trẻ.
-
- Không bảo quản thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt để chống cháy và điện giật.
-
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
-
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cắm phích cắm điện hoàn toàn vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vặn hoặc thắt nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện có lớp cách điện đã bị hư hại.
-
- Thỉnh thoảng nên rút phích cắm điện ra và sử dụng khăn vải khô để lau sạch bụi quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể hút ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.

Tránh chấn thương hoặc hư hỏng thiết bị

- Không để thiết bị ở trong xe dưới nắng nóng hoặc gần nguồn nhiệt. Thiết bị có thể trở nên nóng và gây bỏng.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không lắp nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị sạc pin. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin và pin dự phòng để chống cháy và điện giật.
- Không sử dụng hay để pin hoặc pin dự phòng ở trong môi trường nóng nực. Làm vậy có thể khiến pin bị rò rỉ hoặc rút ngắn tuổi thọ pin. Pin hoặc pin dự phòng cũng có thể trở nên nóng và gây bỏng da.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch thiết bị. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.

Nếu sản phẩm không hoạt động chính xác hoặc cần sửa chữa, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.



Khi kết nối và sử dụng ổ điện gia đình, chỉ sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E10 (đầu vào định mức: 100-240 V AC 50/60 Hz, đầu ra định mức: 7,4 V DC). Sử dụng thiết bị khác có thể gây cháy, quá nhiệt hoặc điện giật.

HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

1. **LƯU NHỮNG HƯỚNG DẪN NÀY** — Hướng dẫn này bao gồm các chỉ dẫn quan trọng về an toàn và thao tác với Sạc pin LC-E10E.
2. Trước khi sử dụng sạc, đọc tất cả các hướng dẫn và chú thích cảnh báo trên (1) sạc, (2) pin và (3) sản phẩm sử dụng pin.
3. **THẬN TRỌNG** — Để giảm nguy cơ chấn thương, chỉ sạc cho Pin LP-E10. Các loại pin khác có thể bị nổ, gây chấn thương và hư hại khác.
4. Không để sạc tiếp xúc với nước mưa hoặc tuyết.
5. Sử dụng bộ phận gắn thêm không được Canon bán hoặc khuyến dùng có thể dẫn đến cháy, điện giật hoặc chấn thương.
6. Để giảm nguy cơ hư hỏng phích cắm điện và dây điện, kéo phích cắm thay vì kéo dây khi ngắt kết nối sạc.
7. Đặt dây điện ở vị trí an toàn, tránh cho dây bị giẫm vào, vấp phải, hay chịu các tổn hại hoặc tác động khác.
8. Không sử dụng sạc có dây điện hoặc phích cắm bị hư hỏng - hãy thay sạc ngay lập tức.
9. Không sử dụng sạc nếu sạc đã bị va đập mạnh, bị rơi hoặc có các hư hại khác; hãy mang sạc đến nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn.
10. Không tháo rời sạc; mang sạc đến nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn khi cần bảo dưỡng hoặc sửa chữa. Tháo rời không đúng cách có thể dẫn đến nguy cơ giật điện hoặc cháy.
11. Để giảm nguy cơ giật điện, rút phích cắm sạc khỏi ổ điện trước khi thực hiện bảo dưỡng hoặc làm sạch.

HƯỚNG DẪN BẢO TRÌ

Trừ khi được nêu rõ theo cách khác trong hướng dẫn này, không có bộ phận bên trong nào mà người dùng có thể thực hiện bảo dưỡng. Mang máy đến nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn để bảo dưỡng.

THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG. VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

This image shows a single page of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

13

Xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD-ROM / Tải ảnh về máy tính

Chương này giải thích cách cài đặt hướng dẫn sử dụng máy ảnh (được cung cấp trong CD-ROM) và cách tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính cá nhân, cung cấp thông tin tổng quan về phần mềm trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (CD-ROM) kèm theo máy ảnh và hướng dẫn cách cài đặt phần mềm này trên máy tính cá nhân. Chương này cũng hướng dẫn cách xem các tập tin định dạng PDF trên đĩa CD-ROM Software Instruction Manual (Hướng dẫn sử dụng phần mềm).



Camera Instruction Manual (Hướng dẫn sử dụng máy ảnh)



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (Phần mềm)



Software Instruction Manual (Hướng dẫn sử dụng phần mềm)

Xem đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh



Đĩa hướng dẫn sử dụng máy ảnh bao gồm những hướng dẫn sử dụng điện tử (PDF) sau:

- **Hướng dẫn sử dụng máy ảnh**

Là hướng dẫn sử dụng bạn hiện đang đọc. Giải thích tất cả các chức năng và quy trình thao tác của máy ảnh, bao gồm nội dung cơ bản.

- **Hướng dẫn tham khảo nhanh**

Giải thích các chức năng và quy trình cơ bản của máy ảnh về chụp và xem lại.

Xem Hướng dẫn sử dụng máy ảnh trên đĩa CD-ROM

Cần cài đặt Adobe Reader 6.0 hoặc phiên bản mới hơn trên máy tính để xem hướng dẫn sử dụng (PDF). Bạn có thể tải miễn phí phần mềm Adobe Reader từ Internet. Sau khi cài đặt Adobe Reader, làm theo quy trình sau.

- 1 Cho đĩa CD-ROM "CAMERA INSTRUCTION MANUAL" (Hướng dẫn sử dụng máy ảnh) vào máy tính.**



- 2 Nhấp đúp vào biểu tượng CD-ROM.**

- Trên máy Windows, biểu tượng này hiển thị trong [(My) Computer)].
- Trên máy Macintosh, biểu tượng này hiển thị trên màn hình máy tính.
- Biểu tượng được hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành của máy tính.

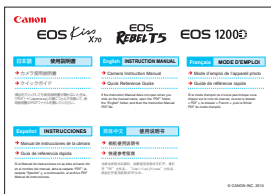


3 Nhấp đúp vào tập tin START.

- ▶ Màn hình ở bước 4 sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng được hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành của máy tính.

4 Nhấp vào hướng dẫn muốn xem.

- Nhấp vào tên của hướng dẫn được trình bày bằng ngôn ngữ mong muốn.



- ▶ Sách hướng dẫn sẽ hiển thị.

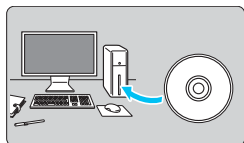


- Bạn có thể lưu tập tin PDF vào máy tính.
- Tất cả hướng dẫn (PDF) đều có đường dẫn tới trang cần tham khảo để tiết kiệm thời gian. Nhấp vào số trang trong phần nội dung hoặc mục lục, trang đó sẽ được mở ra.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng Adobe Reader, tham khảo mục trợ giúp của Adobe Reader.

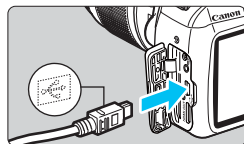
Tải ảnh xuống máy tính

Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính. theo hai cách sau.

Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính cá nhân

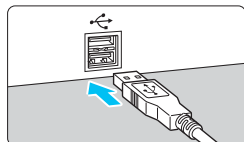


1 Cài đặt phần mềm (tr.320).



2 Sử dụng cáp nối đi kèm để kết nối máy ảnh với máy tính cá nhân.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Kết nối cáp với cổng digital của máy ảnh với biểu tượng <↔> của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Kết nối chân cắm của cáp với cổng USB của máy tính cá nhân.

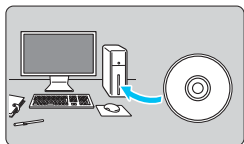


3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để tải ảnh.

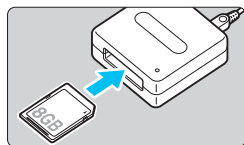
- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm trên đĩa CD-ROM (tr.321).

Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh xuống máy tính cá nhân.



1 Cài đặt phần mềm (tr.320).



2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.

3 Sử dụng phần mềm của Canon để tải ảnh.

- ▶ Sử dụng Digital Photo Professional.
- ▶ Hãy sử dụng ImageBrowser EX.
- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm trên đĩa CD-ROM (tr.321).



Khi tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính của bạn.

Giới thiệu về phần mềm



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk

Đĩa này có chứa các phần mềm khác nhau cho máy ảnh kỹ thuật số EOS.

EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay bằng máy ảnh tới máy tính. Bạn có thể sử dụng phần mềm này để thiết lập các cài đặt khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa bằng máy tính được kết nối với máy ảnh. Ngoài ra, bạn có thể sao chép các bản nhạc nền, ví dụ: EOS Sample Music* (Nhạc mẫu EOS) vào thẻ nhớ.

* Bạn có thể sử dụng nhạc nền trong khi xem lại album video quay nhanh, phim hoặc trình chiếu trên máy ảnh.

Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh RAW. Bạn có thể nhanh chóng xem, chỉnh sửa, xử lý và in ảnh RAW. Bạn cũng có thể chỉnh sửa ảnh JPEG trong khi vẫn giữ lại ảnh gốc.

Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

ImageBrowser EX

Kết nối internet để tải và cài đặt phần mềm*.

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh JPEG. Bạn có thể dễ dàng duyệt và xem lại ảnh, phim MOV và album video quay nhanh cũng như in các ảnh JPEG.

* Cần sử dụng đĩa EOS DIGITAL Solution Disk để tải và cài đặt ImageBrowser EX.



Lưu ý rằng phần mềm ZoomBrowser EX/ImageBrowser đi kèm những dòng máy trước không hỗ trợ ảnh và tập tin phim MOV được chụp bằng máy ảnh này (do không tương thích). Hãy sử dụng ImageBrowser EX.

Cài đặt phần mềm



- **Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.**
- Khi tải và cài đặt ImageBrowser EX, thực hiện theo các bước sau tương tự như với các phần mềm EOS khác đi kèm trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk. Lưu ý rằng cần phải kết nối internet. Không thể tải và cài đặt phần mềm khi không có kết nối internet.
- Ngay cả khi máy tính đã cài đặt sẵn ImageBrowser EX, thực hiện theo các bước sau để cài đặt lại ImageBrowser EX. Phần mềm sẽ được cập nhật lên phiên bản mới nhất với những tính năng đã được tối ưu hóa cho máy ảnh. Các chức năng mới nhất cũng có thể được thêm vào bằng tính năng cập nhật tự động.
- Đối với phần mềm khác ImageBrowser EX, nếu đã cài đặt phiên bản trước đó, hãy cài đặt lại phần mềm theo các bước sau. (Phiên bản mới hơn sẽ ghi đè lên phiên bản trước đó.)

1 Cho đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (CD-ROM) vào.

- Trên máy Macintosh, nhấp đúp để mở biểu tượng CD-ROM hiển thị trên màn hình máy tính, rồi nhấp đúp vào **[Canon EOS Digital Installer]**.

2 Nhấp vào **[Easy Installation]** và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt.

- Trên máy Macintosh, nhấp vào **[Install]**.
- Nếu hiển thị lời nhắc cài đặt "Microsoft Silverlight" trong quá trình cài đặt, hãy cài đặt "Microsoft Silverlight".

3 Nhấp vào **[Restart]** và lấy đĩa CD-ROM ra sau khi máy tính khởi động lại.

- Sau khi máy tính khởi động lại, quá trình cài đặt đã hoàn tất.

Hướng dẫn sử dụng phần mềm



Bao gồm hướng dẫn sử dụng phần mềm.

Sao chép và xem các hướng dẫn sử dụng định dạng PDF

1 Đưa đĩa CD-ROM [Software INSTRUCTION MANUAL] vào máy tính.

2 Nhấp đúp vào biểu tượng CD-ROM.

- Trên máy Windows, biểu tượng này hiển thị trong [(My) Computer)].
- Trên máy Macintosh, biểu tượng này hiển thị trên màn hình máy tính.

3 Sao chép thư mục [English] vào máy tính.

- Các tập tin PDF Hướng dẫn sử dụng có tên bên dưới sẽ được sao chép.

	Windows	Macintosh
EOS Utility	EUx.xW_E_xx	EUx.xM_E_xx
Digital Photo Professional	DPPx.xW_E_xx	DPPx.xM_E_xx
Picture Style Editor	PSEx.xW_E_xx	PSEx.xM_E_xx

- Phần mềm có kèm theo Hướng dẫn sử dụng của ImageBrowser EX (ImageBrowser EX User Guide).

4 Nhấp đúp vào tập tin PDF được sao chép.

- Bạn phải cài đặt Adobe Reader (nên dùng phiên bản mới nhất) trên máy tính.
- Bạn có thể tải miễn phí phần mềm Adobe Reader từ Internet.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

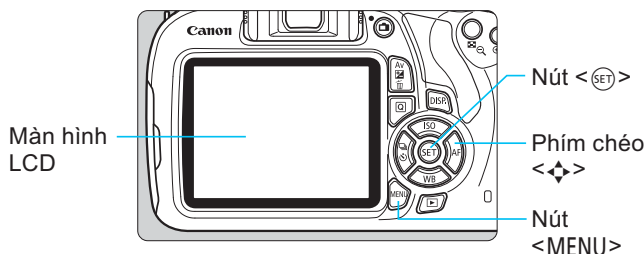
14

Hướng dẫn tham khảo nhanh và Chỉ mục

Thao tác menu	tr.324
Chất lượng ghi ảnh	tr.325
 Kiểu ảnh	tr.325
 Điều khiển nhanh.....	tr.326
Tên bộ phận	tr.327
Chế độ vùng cơ bản.....	tr.329
 Sử dụng đèn flash tích hợp.....	tr.329
Chế độ vùng sáng tạo	tr.330
P : Phơi sáng tự động	tr.330
Tv : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập ...	tr.330
Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ.....	tr.330
AF: Thao tác lấy nét tự động	tr.331
 Điểm AF	tr.331
ISO: Tốc độ ISO	tr.332
 Kiểu chụp/hẹn giờ	tr.332
 Chụp Live View	tr.333
 Quay phim.....	tr.334
Xem lại ảnh	tr.335

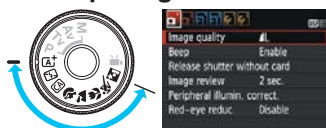
Hướng dẫn tham khảo nhanh

Thao tác menu



1. Nhấn nút <MENU> để hiển thị menu.
2. Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab, rồi nhấn các phím <▲> <▼> để chọn mục mong muốn.
3. Nhấn <SET> để hiển thị cài đặt.
4. Sau khi kết thúc cài đặt, nhấn <SET>.

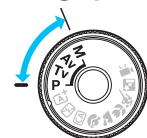
Chế độ vùng cơ bản



Chế độ quay phim

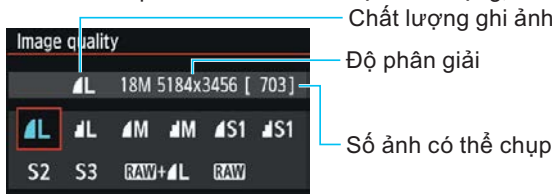


Chế độ vùng sáng tạo



Chất lượng ghi ảnh

- Chọn [**1: Image quality (Chất lượng ảnh)**], rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn chất lượng, rồi nhấn <SET>.



Kiểu ảnh☆



- Chọn [**2: Picture Style (Kiểu ảnh)**], rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn kiểu ảnh, rồi nhấn <SET>.

Kiểu ảnh	Mô tả
Auto (Tự động)	Tông màu được tối ưu hóa cho từng cảnh cụ thể.
Standard (Chuẩn)	Ảnh rực rỡ và sắc nét.
Portrait (Chân dung)	Ảnh dịu và tông màu da đẹp.
Landscape (Phong cảnh)	Bầu trời xanh, cỏ cây rực rỡ và ảnh rất sắc nét.
Monochrome (Đơn sắc)	Ảnh đen trắng.

- Để tìm hiểu về kiểu ảnh < > (Neutral (Trung tính)) và < > (Faithful (Chân thực)), tham khảo trang 92.

Q Điều khiển nhanh



- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

Chế độ vùng cơ bản

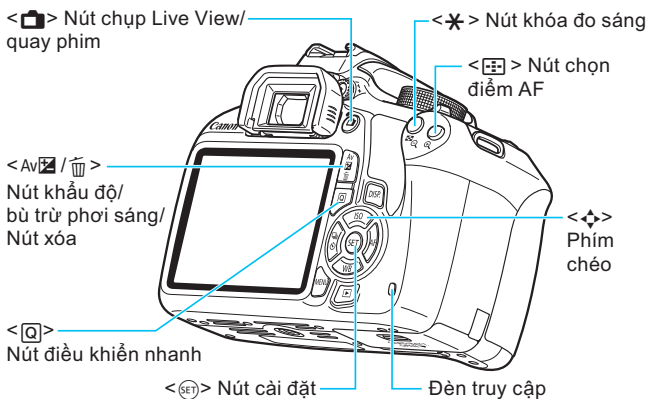
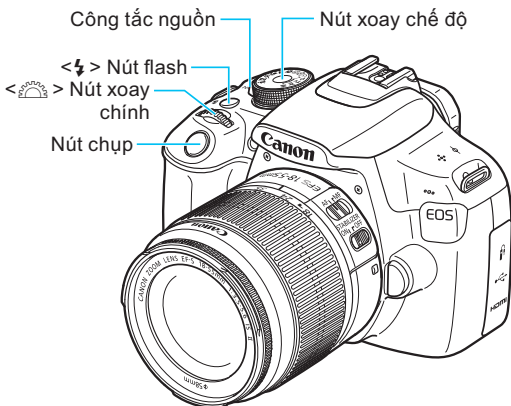


Chế độ vùng sáng tạo

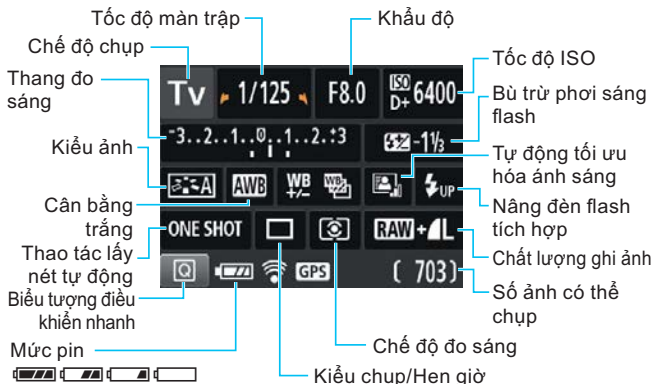


- Trong chế độ vùng cơ bản, các chức năng có thể cài đặt khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp.
- Nhấn phím chéo <Q> để chọn chức năng, rồi xoay nút xoay <Q> để cài đặt.

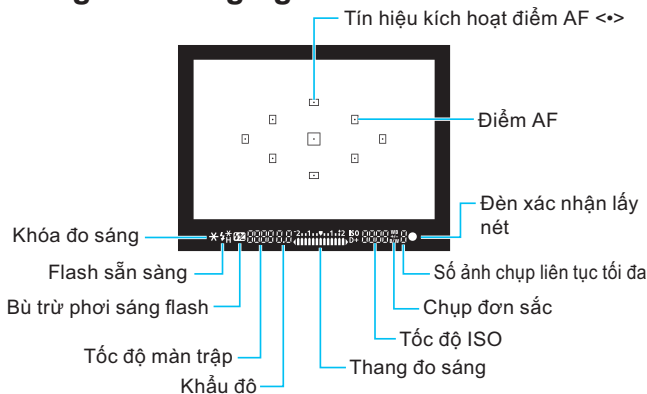
Tên bộ phận



Cài đặt chụp



Thông tin khung ngắm



Chế độ vùng sáng tạo



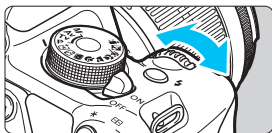
Bạn có thể thay đổi cài đặt máy ảnh theo mong muốn để chụp với nhiều cách khác nhau.

P: Phơi sáng tự động

Máy ảnh sẽ tự động cài đặt tốc độ màn trập và khẩu độ giống như chế độ <A+>.

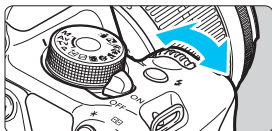
- Đặt nút xoay chế độ thành <P>.

Tv: Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập



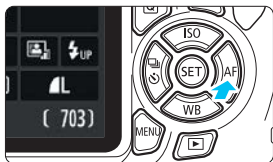
- Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.
- Xoay nút xoay <⚙️> để thiết lập tốc độ màn trập mong muốn, rồi lấy nét chủ thể.
- ▶ Máy ảnh sẽ tự động thiết lập khẩu độ.
- Nếu thông số khẩu độ nhấp nháy, xoay nút xoay <⚙️> cho đến khi thông số ngừng nhấp nháy.

Av: Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ



- Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.
- Xoay nút xoay <⚙️> để thiết lập khẩu độ mong muốn, rồi lấy nét chủ thể.
- ▶ Máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập.
- Nếu thông số tốc độ màn trập nhấp nháy, xoay nút xoay <⚙️> cho đến khi thông số ngừng nhấp nháy.

AF: Thao tác lấy nét tự động☆



- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.
- Nhấn nút <▶AF>.
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn thao tác lấy nét tự động mong muốn, rồi nhấn <SET>.



ONE SHOT (Lấy nét một lần):

Đối với chủ thể tĩnh

AI FOCUS (Tự động lấy nét AI):

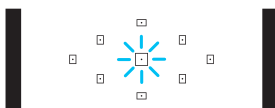
Tự động chọn thao tác AF

AI SERVO (Lấy nét AI Servo -

lấy nét liên tục):

Đối với chủ thể chuyển động

Điểm AF☆

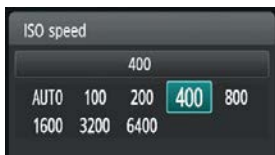


- Nhấn nút <☐>.
- Nhấn phím chéo <⬆> để chọn điểm AF.
- Trong khi xem qua khung ngắm, bạn có thể chọn điểm AF bằng cách xoay nút xoay <☀> cho đến khi điểm AF mong muốn nháy sáng đỏ.
- Nhấn <SET> để chuyển trạng thái chọn điểm AF giữa chọn điểm AF trung tâm và điểm AF tự động.

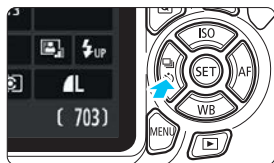
ISO: Tốc độ ISO☆



- Nhấn nút <▲ISO>.
- Nhấn các phím <◀▶> <▶▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.
- Khi chọn [AUTO], tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, cài đặt tốc độ ISO sẽ hiển thị.



Kiểu chụp/Hẹn giờ☆



- Nhấn nút <◀☐☺>.
- Nhấn các phím <◀▶> <▶▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn kiểu chụp, rồi nhấn <SET>.

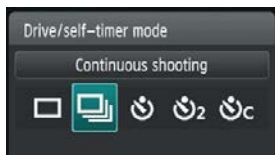
☐ : Chụp từng ảnh

☐☐ : Chụp liên tục

☺ : Chụp hẹn giờ:10 giây*

☺₂ : Chụp hẹn giờ:2 giây

☺_c : Chụp hẹn giờ:Liên tục*



* Có thể chọn kiểu chụp <☺> và <☺_c> trong tất cả các chế độ chụp (ngoại trừ <☐☐>).

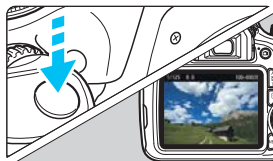
Chụp Live View



- Nhấn nút  để hiển thị ảnh Live View.



- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.



- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

- Cài đặt chụp Live View sẽ xuất hiện trong tab menu  2] ở chế độ vùng cơ bản và xuất hiện trong tab menu  4] ở chế độ vùng sáng tạo.

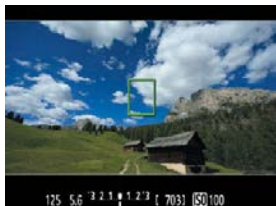
● Số ảnh có thể chụp (Chụp Live View)

Nhiệt độ	Không sử dụng flash	Sử dụng flash đối với 50% ảnh
23°C / 73°F	Khoảng 190 ảnh	Khoảng 180 ảnh

Quay phim (Tự động phơi sáng)



- Đặt nút xoay chế độ thành </>.



- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.



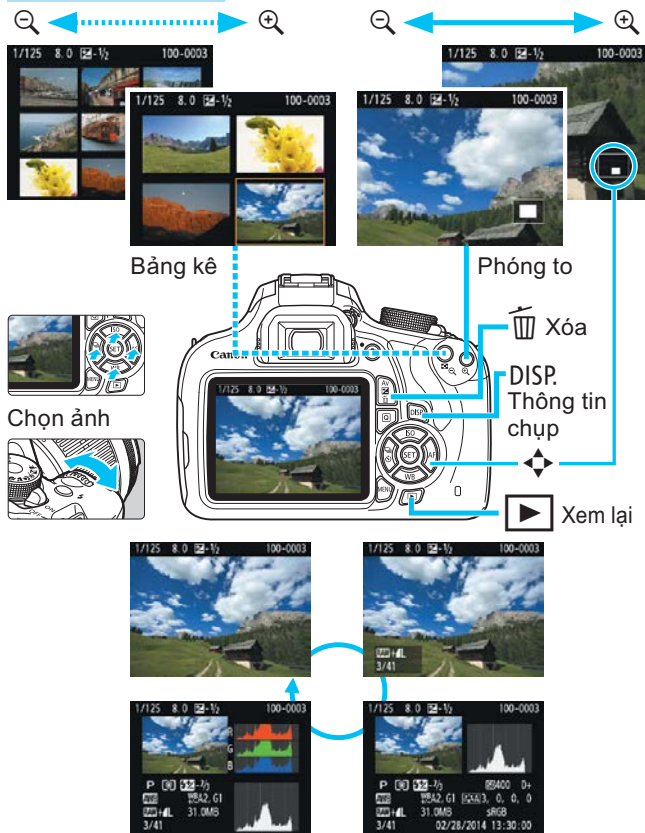
- Nhấn nút </> để bắt đầu quay phim.
- Để dừng quay phim, nhấn lại nút </>.

Ghi phim



Micrô

Xem lại ảnh



Chỉ mục

Số

1280x720 (phim).....	164
1920x1080 (phim).....	164
640x480 (phim).....	164

A

A (Tự động nhận cảnh thông minh).....	56
Adobe RGB.....	131
AEB (Phơi sáng hỗn hợp tự động).....	114, 258
AF → Lấy nét	
AF một điểm	95
AI FOCUS (Lấy nét tự động AI).....	94
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục).....	94
Album video quay nhanh	166
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	106
Ảnh	
Bảng kê	204
Bảo vệ ảnh	225
Biểu đồ	231
Cảnh báo vùng sáng	231
Đặc tính ảnh (Kiểu ảnh)	91, 122, 125
Hiển thị nhảy ảnh (duyet ảnh).....	205
Số thứ tự	184
Thông tin chụp.....	229
Thời gian xem lại.....	180
Trình chiếu.....	218
Truyền	272
Tự động xem lại	218
Xem lại	80, 203
Xem phóng to	206
Xem trên TV	212, 222
Xếp hạng	208
Xóa	227

Xoay ảnh bằng tay.....	207
Xoay tự động	188
Ảnh đen trắng.....	73, 92, 124

Â

Âm lượng (xem lại phim).....	215
------------------------------	-----

B

B/W (Đơn sắc)	92, 124
Bão hòa màu	123
Bảo vệ ảnh	225
Biểu đồ (Độ sáng/RGB)	231
MENU Biểu tượng	8
☆ Biểu tượng (vùng sáng tạo).....	8
Bình thường (Chất lượng ghi ảnh)	24
Bộ điều hợp AC.....	268
Bộ lọc sáng tạo	234
Bộ nguồn DC.....	268
Bù trừ phơi sáng	112
BULB (Phơi sáng Bulb).....	110

C

CA (Tự động sáng tạo)	62
Cài đặt chụp	24, 52
Cài đặt lại bằng tay	185
Cài đặt sách ảnh	253
Cảnh báo an toàn.....	308
Cảnh báo nhiệt độ.....	151, 177
Cảnh báo vùng sáng	231
Cảnh đêm.....	66, 69
Cáp.....	3, 212, 222, 240, 276, 316
Cân bằng trắng	127
Chỉnh	129
Phơi sáng hỗn hợp	130
Riêng	128
Tùy chọn	127

Cân bằng trắng bằng tay	127	Chụp Live View	60, 133
Cân bằng trắng riêng	128	Tỷ lệ cỡ ảnh	140
Cận cảnh.....	67	Chế độ Live nhận diện khuôn mặt (AF).....	143
Cấu hình ICC	131	Chế độ nhanh	148
Chân dung	65, 91	Điều khiển nhanh	138
Chân dung ban đêm	69	Hẹn giờ đo sáng	141
Chân thực	92	Hiển thị khung lưới.....	139
Chất lượng ghi ảnh	84	Hiển thị thông tin	136
Chế độ Chụp.....	26	Lấy nét bằng tay	97, 150
Chế độ chụp		Số ảnh có thể chụp.....	135
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	106	Vùng linh hoạt - 1 điểm	142
M (Phơi sáng bằng tay)	109	Chụp macro	67
P (Phơi sáng tự động).....	82	Chụp từng ảnh	64, 275
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)	104	Chức năng khả dụng theo chế độ chụp.....	274
A+ (Tự động nhận cảnh thông minh).....	56	Chức năng tùy chỉnh	256
(F) (Flash Off (Flash tắt))	61	Cổng Digital	240, 316
(CA) (Tự động sáng tạo).....	62	Công tắc chế độ lấy nét....	40, 97, 150
(Cận cảnh).....	67	Công tắc điều khiển từ xa	269
(Chân dung)	65	Cổng USB (digital).....	240, 316
(Thể thao).....	68		
(Phong cảnh).....	66	D	
(Chân dung ban đêm)	69	Danh mục riêng	265
Chế độ đo sáng.....	111	Dấu xếp hạng	208
Chế độ nhanh	148	Dây đeo	29
Chế độ vùng cơ bản	26	DPOF	
Chế độ vùng sáng tạo.....	26	(Định dạng lệnh in kỹ thuật số)....	249
Chọn bằng tay (AF).....	95	Dự đoán (AI Servo)	94
Chọn tự động (AF).....	95	Dữ liệu xóa bụi	199
Chọn tự động lấy nét 9 điểm.....	95	D	
Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh ..77		Đánh số thứ tự tập tin liên tiếp	184
Chụp ảnh dựa trên môi trường.....	73	Đèn flash tích hợp	101
Chụp hẹn giờ	100	Đèn trắng hạt.....	236
Chụp liên tục.....	98	Đèn truy cập	34
		Đèn xác nhận lấy nét.....	56

Đẹp (chất lượng ghi ảnh).....	24
Điểm AF.....	95
Điều chỉnh độ khúc xạ	44
Định dạng (khởi tạo thẻ)	50
Độ phân giải cao (Full HD)	164, 212
Độ sắc nét.....	123
Độ sáng (độ phơi sáng).....	112
Bù trừ phơi sáng	112
Khóa đo sáng	116
Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB).....	114, 258
Phương pháp đo (chế độ đo sáng)	111
Đo sáng toàn khung ảnh.....	111
Đo sáng trung bình trung tâm	111
Đo sáng từng phần.....	111
Độ tương phản	123
Đồng bộ màn trập	197
Đồng bộ màn trập 1	197
Đồng bộ màn trập 2	197
Đơn sắc	73, 92, 124
Duôi tập tin.....	185

F

FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash)	196
Flash	
Bù trừ phơi sáng flash.....	113
Chế độ flash	197
Chức năng tùy chỉnh	198
Đèn flash tích hợp	101
Điểm tiếp xúc đồng bộ flash	22
Điều khiển flash	195
Đồng bộ màn trập (Màn trập 1/2).....	197
Flash chỉnh tay	197
Flash ngoài.....	270

Flash tắt	61, 64, 72
Giảm mắt đỏ	102
Khóa căng nét.....	117
Phạm vi hiệu quả	101
Tốc độ đồng bộ flash	259, 271
Flash ngoài.....	270
Chức năng tùy chỉnh.....	198
Flash tích hợp	
Cài đặt chức năng	196

G

Giảm mắt đỏ.....	102
Giảm nhiễu hạt	
Phơi sáng lâu.....	260
Tốc độ ISO cao.....	261
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu .	260
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao.	261
Giờ mùa hè	38

H

HDMI	212, 222
HDMI CEC	223
Hệ thống ổn định hình ảnh (ống kính)	43
Hệ thống video	164, 175
Hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây	100
Hẹn giờ đo sáng.....	141, 175
Hiển thị bảng kê	204
Hiển thị khung lưới.....	139, 175
Hiển thị một ảnh	80
Hiển thị nhảy ảnh	205
Hiển thị thông tin chụp	229
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi ...	120
Hiệu ứng bộ lọc.....	124
Hiệu ứng mắt cá.....	236
Hiệu ứng máy đồ chơi.....	236
Hiệu ứng thu nhỏ	236

Hiệu ứng tông màu (đơn sắc).....	124
Hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)	56
Hốc gắn chân máy.....	23
Hướng dẫn tính năng.....	53

I

In	
Cài đặt giấy.....	242
Cài đặt sách ảnh.....	253
Cắt ảnh	247
Chỉnh nghiêng ảnh	247
Hiệu ứng in	244
Lệnh in (DPOF)	249
Trình bày ảnh.....	243
In ảnh.....	239
In trực tiếp.....	240

J

JPEG.....	85
-----------	----

K

Khi.....	43
Khóa căng nét.....	117
Khóa đo sáng.....	116
Khóa lấy nét.....	59
Khôi phục cài đặt mặc định.....	190
Không gian màu (phạm vi tái tạo màu)	131
Khu vực ảnh.....	41
Khung ngắm.....	25
Điều chỉnh độ khúc xạ	44
Kích thước tập tin	85, 165, 229
Kiểm tra pin.....	36
Kiểu ảnh.....	91, 122, 125
Kiểu chụp.....	24, 64, 98

L

Làm sạch (cảm biến hình ảnh).....	201
Làm sạch cảm biến	201
Lấy nét	
Bố cục lại ảnh	59
Chọn điểm AF	95
Chú thể khó lấy nét.....	97, 146
Lấy nét bằng tay	97
Mất nét.....	43, 44, 97, 146
Phương pháp AF	142, 172
Thao tác lấy nét tự động	93
Tia giúp lấy nét.....	96, 262
Tiếng bíp	180
Lấy nét bằng tay (MF)	97
Lấy nét tự động	93, 95
Loa	214
Lọc gió.....	175
Lớn (chất lượng ghi ảnh)	24

M

M (Phơi sáng bằng tay).....	109
Mã lỗi.....	296
Màn hình LCD	21
Cài đặt chụp.....	24, 52
Điều chỉnh độ sáng	181
Màn hình menu	48, 278
Màu màn hình	194
Xem lại ảnh.....	80, 203
Máy ảnh	
Giữ máy ảnh	44
Hiển thị cài đặt	189
Xóa cài đặt máy ảnh	190
Mất chi tiết vùng sáng	231
Menu	48
Cài đặt.....	278
Danh mục riêng.....	265
Quy trình cài đặt.....	49
MF (lấy nét bằng tay)	97, 150

Micrô	154
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng... 137, 160	
Múi giờ	37
Mức tăng phơi sáng	258

N

Nắp thị kính.....	29, 269
Nâu đỏ (đơn sắc).....	73, 124
Nét mềm	236
Ngàm gắn flash ngoài	22, 270
Ngày/Giờ	37
Ngăn bụi ảnh	199, 201
Ngôn ngữ giao diện	39
Nguồn	
Kiểm tra pin	36
Sạc	30
Số ảnh có thể chụp	36, 84, 135
Tự động tắt nguồn	181

Nguồn điện	
Ổ điện gia đình	268
Nhả màn trập khi không lắp thẻ....	180
Nhạc nền	221
Nhấn hoàn toàn	45
Nhấn nửa chừng.....	45
Nhiệt độ màu	127
Nhỏ	
(chất lượng ghi ảnh)	24, 238
NTSC	164, 282
Nút chụp	45
Nút xoay chế độ.....	26

O

ONE SHOT (Lấy nét một lần)	93
----------------------------------	----

Ô

Ổ điện gia đình.....	268
Ổng kính.....	27, 40
Hệ thống ổn định hình ảnh	43
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	120
Nhả khóa	41

P

P (Phơi sáng tự động).....	82
PAL.....	164, 282
Paper settings (Cài đặt giấy) (in)...	242
Phần mềm.....	318
Phiên bản firmware	281
Phim	153
Album video quay nhanh	166
Chỉnh sửa	216
Chụp ảnh trong khi quay phim...	161
Điều khiển nhanh.....	163
Ghi âm	174
Hẹn giờ đo sáng	175
Hiện thị khung lưới	175
Hiện thị thông tin.....	158
Kích thước ghi phim	164
Kích thước tập tin	165
Lấy nét bằng tay	154
Lọc gió	175
Phơi sáng bằng tay.....	156
Phơi sáng tự động	154
Phương pháp AF	163, 172
Thời gian ghi phim	165
Tốc độ khung hình	164
Video quay nhanh.....	166
Xem lại.....	214
Xem trên TV.....	212, 222

Phim độ phân giải cao (HD)	
.....	164, 212, 222

Phong cảnh	66, 92
------------------	--------

Phơi sáng bằng tay	109, 156	Trình nhắc thẻ	180
Phơi sáng hỗn hợp	114, 130	Thẻ Eye-Fi	272
Phơi sáng lâu	110	Thẻ nhớ → Thẻ	
Phơi sáng tự động	82	Thẻ SD, SDHC, SDXC → Thẻ nhớ	
Phụ kiện	3	Thể thao	68
PictBridge	239	Thiết bị flash không phải	
Pin	30, 32, 36	của Canon	271
Pixel	84	Thời gian xem lại ảnh	180
		Thông tin bản quyền	186
Q (Điều khiển		Tiếng bíp	180
nhẹ)	46, 71, 138, 163, 210	Tốc độ ISO	88
		Cài đặt tự động (Tự động)	89
RAW	24, 85, 87	Mở rộng ISO	258
RAW+JPEG	24, 85, 87	Tốc độ ISO tối đa với	
Rung máy	44	ISO tự động	90
		Tốc độ khung hình	164
Sạc	30	Tổng màu	123
Số ảnh chụp liên tục tối đa	85, 86	Trình chiếu	218
Số ảnh có thể chụp	36, 84, 135	Trực trực	284
Sơ đồ hệ thống	276	Trung bình (Chất lượng ghi ảnh)	24
sRGB	131	Trung tính	92
		Tự động cài đặt lại	185
Tạo/Chọn thư mục	182	Tự động chọn điểm AF	95
Tên bộ phận	22	Tự động phơi sáng ưu tiên	
Tên tập tin (đánh số thứ tự tập tin) ...	184	khẩu độ	106
Thay đổi chương trình	83	Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn	
Thay đổi cỡ ảnh	237	trập	104
Thẻ	21, 32, 50	Tự động sáng tạo	62
Mẫu chống ghi	32	Tự động tắt nguồn	35, 181
Định dạng	50	Tự động tối ưu hoá ánh sáng	55, 119
Định dạng mức thấp	51	Tự động xem lại	218
Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực		Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ	
trực	34, 51	màn trập)	104
Tốc độ SD	5	Tỷ lệ cỡ ảnh	140

U

Ưu tiên tông màu 173, 261

Ưu tiên tông màu sáng 173, 261

V

Vành đỡ mắt 269

Video quay nhanh 166

Vùng ảnh 26

W

WB (cân bằng trắng) 127

X

Xem lại 80, 203

Xem phóng to 150, 206

Xem trên TV 212, 222

Xem trước độ sâu
trường ảnh 108, 264

Xóa ảnh 227

Xóa cài đặt máy ảnh 190

Xoay 22, 103

Xoay (ảnh) 188, 207, 247

Xoay tự động 188



Nội dung tài liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon, nếu có bất kỳ sai sót do quá trình in ấn hoặc dịch thuật, rất mong được lượng thứ.

Thông số kỹ thuật và thiết kế của máy ảnh có thể thay đổi mà không báo trước. Màn hình và thuật ngữ sử dụng trong hướng dẫn này có thể khác biệt hoặc thay đổi so với thực tế.

Những ống kính và phụ kiện được nhắc đến trong Hướng dẫn sử dụng được cập nhật cho đến tháng 1 năm 2014. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích của máy ảnh với các ống kính và phụ kiện mới hơn, vui lòng liên hệ Trung tâm bảo hành của Canon.